

**QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD
SSIAM VNFIN LEAD ETF**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Số: 40/2026/TB-SSIAM - NVQ

Hà Nội, ngày 19 tháng 05 năm 2026
Ha Noi, 19 May 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG **EXTRAORDINARY INFORMATION DISCLOSURE**

Kính gửi/ To: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/ *The State Securities Commission*
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM/ *Hochiminh City Stock Exchange*

- Tên Công ty quản lý quỹ/ *Name of Fund Management Company*: Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ SSI/ *SSI Asset Management Co., Ltd*
- Tên tổ chức / *Organization name*: **Quỹ ETF SSIAM VNFIN LEAD/ SSIAM VNFIN LEAD ETF**
- Mã chứng khoán/ *Security Symbol*: **FUESSVFL**
- Địa chỉ trụ sở chính/ *Address*: Tầng 5, Tòa nhà số 1C Ngô Quyền, Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội/ *5th Floor, 1C Ngo Quyen, Hoan Kiem Ward, Hanoi*
- Điện thoại/ *Telephone*: 0243.9366321
- Fax: 0243.9366337
- Người thực hiện công bố thông tin/ *Published by*: Bà Tô Thùy Linh
- Chức vụ/ *Position*: Phó Tổng Giám Đốc/ *COO*

Nội dung thông tin công bố (*)/ Content of Information disclosure (*):

Công ty TNHH Quản Lý Quỹ SSI (SSIAM) công bố thông tin bản Điều Lệ Quỹ ETF SSIAM VNFIN LEAD đã được sửa đổi, bổ sung thông qua Nghị Quyết Đại Hội Nhà Đầu Tư Thường Niên ngày 18/05/2026.

SSI Asset Management Company Limited (SSIAM) would like to announce revised Fund Charter of SSIAM VNFIN LEAD ETF through the Resolution of Annual General Investors' Meeting on 18 May 2026.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty/Quỹ vào ngày 19/05/2026 tại đường dẫn: <https://ssiam.com.vn/quy-etf-ssiam-vnfinlead>.

This information was disclosed on Company/Fund's Portal on 19 May 2026 at: <https://ssiam.com.vn/en/fund-information-vnfinlead>

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./

We declare that all information provided in this paper is true and accurate; we shall be legally responsible for any misrepresentation.

Người công bố thông tin
Publisher

Tài liệu đính kèm/

Attachment:

*Điều Lệ Quỹ ETF SSIAM VNFIN
LEAD
Fund Charter of SSIAM VNFIN
LEAD ETF*



[Signature]
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Tô Thủy Linh

ĐIỀU LỆ QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD

Hà Nội, 2026

ĐIỀU LỆ QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD

1. CĂN CỨ PHÁP LÝ	5
2. CÁC ĐỊNH NGHĨA.....	7
Chương I. CÁC ĐIỀU KHOẢN CHUNG.....	12
Điều 1. Tên và địa chỉ liên hệ.....	12
Điều 2. Thời hạn hoạt động của Quỹ.....	12
Điều 3. Nguyên tắc tổ chức.....	12
Điều 4. Tổng vốn huy động và số Lô Chứng Chỉ Quỹ chào bán	12
Điều 5. Chỉ định đại diện huy động vốn và chào bán Chứng Chỉ Quỹ	13
Điều 6. Công Ty Quản Lý Quỹ	13
Điều 7. Ngân Hàng Giám Sát.....	13
Chương II. CÁC QUY ĐỊNH VỀ MỤC TIÊU, CHÍNH SÁCH VÀ HẠN CHẾ ĐẦU TƯ.....	13
Điều 8. Mục tiêu đầu tư.....	13
Điều 9. Chiến lược đầu tư.....	14
Điều 10. Hạn chế đầu tư	14
Điều 11. Phương pháp lựa chọn đầu tư	16
Điều 12. Nhà Đầu Tư	17
Điều 13. Quyền và nghĩa vụ của Nhà Đầu Tư.....	17
Điều 14. Sổ đăng ký Nhà Đầu Tư	18
Điều 15. Điều kiện tham gia giao dịch hoán đổi đối với Nhà Đầu Tư.....	19
Điều 16. Giao dịch hoán đổi Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu lấy Lô Chứng Chỉ Quỹ ETF và ngược lại.....	19
Điều 17. Giao dịch Chứng Chỉ Quỹ ETF trên Sở Giao Dịch Chứng Khoán	27
Điều 18. Giá Phát Hành, Giá Mua Lại.....	27
Điều 19. Chuyển nhượng phi thương mại	27
Điều 20. Giải pháp cho vấn đề thua lỗ của Quỹ	28
Chương IV. ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ	28
Điều 21. Đại Hội Nhà Đầu Tư	28
Điều 22. Quyền và nghĩa vụ của Đại Hội Nhà Đầu Tư.....	28
Điều 23. Điều kiện, thể thức tiến hành họp Đại Hội Nhà Đầu Tư.....	29
Điều 24. Thông qua Quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư.....	31
Điều 25. Phản đối quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư	31
Chương V. BAN ĐẠI DIỆN QUỸ.....	32
Điều 26. Ban Đại Diện Quỹ	32

Điều 27. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn lựa chọn thành viên Ban Đại Diện Quỹ	32
Điều 28. Quyền và nghĩa vụ của Ban Đại Diện Quỹ.....	33
Điều 29. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Ban Đại Diện Quỹ	33
Điều 30. Chủ Tịch Ban Đại Diện Quỹ.....	34
Điều 31. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Ban Đại Diện Quỹ	34
Điều 32. Cuộc họp Ban Đại Diện Quỹ.....	35
Điều 33. Biên bản họp Ban Đại Diện Quỹ.....	35
Chương VI. CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ.....	35
Điều 34. Tiêu chuẩn lựa chọn Công Ty Quản Lý Quỹ	35
Điều 35. Quyền và nghĩa vụ của Công Ty Quản Lý Quỹ.....	36
Điều 36. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Công Ty Quản Lý Quỹ	37
Điều 37. Hạn chế hoạt động của Công Ty Quản Lý Quỹ.....	38
Chương VII. NGÂN HÀNG GIÁM SÁT.....	39
Điều 38. Tiêu chuẩn lựa chọn Ngân Hàng Giám Sát.....	39
Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ngân Hàng Giám Sát	39
Điều 40. Hoạt động giám sát của Ngân Hàng Giám Sát	40
Điều 41. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Ngân Hàng Giám Sát	41
Chương VIII. CÁC TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ LIÊN QUAN.....	42
Điều 42. Các hoạt động được ủy quyền	42
Điều 43. Tiêu chí lựa chọn tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan	42
Điều 44. Trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan	42
Điều 45. Trách nhiệm của Công Ty Quản Lý Quỹ đối với hoạt động đã ủy quyền	43
Điều 46. Chấm dứt hoạt động ủy quyền	44
Chương IX. THÀNH VIÊN LẬP QUỸ, TỔ CHỨC TẠO LẬP THỊ TRƯỜNG.....	44
Điều 47. Điều kiện lựa chọn Thành Viên Lập Quỹ.....	44
Điều 48. Quyền và trách nhiệm của Thành Viên Lập Quỹ.....	45
Điều 49. Tổ chức tạo lập thị trường	46
Chương X. ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI	46
Điều 50. Điều kiện lựa chọn Đại Lý Phân Phối Chứng Chỉ Quỹ.....	46
Điều 51. Hoạt động của Đại Lý Phân Phối.....	46
Chương XI. KIỂM TOÁN, KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO.....	47
Điều 52. Tiêu chuẩn lựa chọn và thay đổi Công Ty Kiểm Toán	47
Điều 53. Năm Tài Chính.....	47

Điều 54. Chế độ kế toán.....	47
Chương XII. PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ	48
Điều 55. Xác định Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ.....	48
Điều 56. Nguyên tắc, tiêu chí lựa chọn, thay đổi tổ chức cung cấp báo giá.....	49
Điều 57. Phương pháp xác định Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ.....	49
Chương XIII. LỢI NHUẬN VÀ CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ	50
Điều 58. Thu nhập của Quỹ	50
Điều 59. Phân chia lợi nhuận của Quỹ	50
Điều 60. Các loại chi phí và giá dịch vụ do Quỹ trả	51
Điều 61. Chi phí hoạt động của Quỹ	55
Chương XIV. GIẢI THỂ QUỸ	55
Điều 62. Các điều kiện giải thể Quỹ.....	55
Điều 63. Trình tự, thủ tục giải thể Quỹ.....	57
Chương XV. GIẢI QUYẾT CÁC XUNG ĐỘT VỀ LỢI ÍCH.....	58
Điều 64. Kiểm soát xung đột lợi ích giữa Quỹ và các quỹ khác, các khách hàng đầu tư uỷ thác của Công Ty Quản Lý Quỹ và giữa Quỹ và Công Ty Quản Lý Quỹ.....	58
Chương XVI. CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ	58
Điều 65. Công bố thông tin	58
Điều 66. Sửa đổi, bổ sung Điều Lệ.....	58
Điều 67. Đăng ký Điều Lệ	59
Điều 68. Điều khoản thi hành.....	59
PHỤ LỤC 1.1: CAM KẾT CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ.....	60
PHỤ LỤC 1.2: CAM KẾT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT.....	62
PHỤ LỤC 1.3: CAM KẾT CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VÀ NGÂN HÀNG GIÁM SÁT.....	63
PHỤ LỤC 1.4: NGUYÊN TẮC ĐỊNH GIÁ TÀI SẢN.....	64

ĐIỀU LỆ QUỸ

1. CĂN CỨ PHÁP LÝ

1. Luật Chứng Khoán do Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam ban hành ngày 26 tháng 11 năm 2019;
2. Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Chứng Khoán số 56/2024/QH15 do Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam ban hành ngày 29 tháng 11 năm 2024;
3. Nghị Định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán;
4. Nghị Định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2025 của Chính Phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị Định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán;
5. Nghị Định số 156/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính Phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán;
6. Nghị Định số 128/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Chính Phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị Định số 156/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán;
7. Nghị Định số 306/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 11 năm 2025 của Chính Phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị Định số 156/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính Phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán (được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị Định số 128/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Chính Phủ) và Nghị Định số 158/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính Phủ về chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh;
8. Thông Tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán;
9. Thông Tư số 136/2025/TT-BTC ngày 29 tháng 12 năm 2025 của Bộ Tài Chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông Tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Trưởng Bộ Tài Chính hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán;
10. Thông Tư số 99/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về hoạt động công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán;
11. Thông Tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài Chính về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở.
12. Thông Tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài Chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ;
13. Thông Tư số 51/2021/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ Tài Chính hướng dẫn nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân trong hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam;
14. Thông Tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
15. Thông Tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2015 của Bộ Tài Chính về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục;

16. Thông tư 83/2024/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 2024 của Bộ Tài Chính hướng dẫn cơ chế, chính sách về giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán do Nhà Nước định áp dụng tại Sở Giao Dịch Chứng Khoán Việt Nam và các công ty con, Tổng Công Ty Lưu Ký Và Bù Trừ Chứng Khoán Việt Nam;
17. Các văn bản pháp lý có liên quan khác.

2. CÁC ĐỊNH NGHĨA

Trừ khi ngữ cảnh có quy định khác đi, những từ và cụm từ dưới đây sẽ mang nghĩa như sau:

"Bản Cáo Bạch"	Là tài liệu hoặc dữ liệu điện tử công khai những thông tin chính xác, trung thực, khách quan liên quan đến việc chào bán hoặc niêm yết Chứng Chỉ Quỹ của Quý.
"Ban Đại Diện Quỹ"	Là những người đại diện cho Nhà Đầu Tư được Đại Hội Nhà Đầu Tư bầu ra để thay mặt Nhà Đầu Tư thực hiện việc giám sát các hoạt động của Quỹ ETF, Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát.
"Bỏ phiếu điện tử"	là hình thức giúp các Nhà Đầu Tư có thể thực hiện quyền bỏ phiếu của mình qua mạng internet, thông qua máy tính và các thiết bị di động.
"Công Ty Quản Lý Quỹ"/"Công Ty" hay "SSIAM"	Là Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ SSI (SSIAM), được thành lập theo Giấy Phép Thành Lập Và Hoạt Động số 19/UBCK-GP do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp ngày 03/8/2007, Giấy Phép Điều Chính số 12/GPĐC-UBCK do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp ngày 27/7/2011 và các giấy phép sửa đổi, bổ sung tùy từng thời kỳ. Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ SSI được Nhà Đầu Tư uỷ thác quản lý Quỹ ETF, có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều Lệ Quỹ.
"Công Ty Kiểm Toán"	Là công ty kiểm toán độc lập của Quỹ ETF nằm trong danh sách công ty kiểm toán được Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước chấp thuận, thực hiện việc kiểm toán hàng năm tài sản của Quỹ ETF.
"Chỉ Số Tham Chiếu"/"Chỉ Số VNFIN LEAD"	Là chỉ số giá bao gồm ít nhất 10 cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao Dịch Chứng Khoán Thành Phố Hồ Chí Minh thuộc tập hợp các cổ phiếu thành phần của chỉ số VNAllShare Financials index (viết tắt VNFIN), đáp ứng đủ tư cách tham gia vào rổ tạo chỉ số và các điều kiện sàng lọc. Chỉ Số Tham Chiếu đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều 250 Nghị Định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).
"Chứng Chỉ Quỹ"/"Chứng Chỉ Quỹ ETF"	Là loại chứng khoán xác nhận quyền sở hữu của Nhà Đầu Tư đối với một phần vốn góp tại Quỹ ETF. Mệnh giá Chứng Chỉ Quỹ là 10.000 đồng.
"Lô Chứng Chỉ Quỹ"/"Lô ETF"	Một Lô Chứng Chỉ Quỹ ETF bao gồm một trăm nghìn (100.000) Chứng Chỉ Quỹ. Lô ETF là đơn vị giao dịch trong giao dịch theo cơ chế hoán đổi danh mục giữa Quỹ ETF và Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư.

"Chứng Khoán Cơ Cấu"	Là chứng khoán cơ sở có trong cơ cấu chỉ số tham chiếu của Quỹ, không bao gồm chứng khoán phái sinh.
"Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu"	Là danh mục bao gồm các Chứng Khoán Cơ Cấu được thiết kế nhằm mô phỏng biến động của Chỉ Số Tham Chiếu và được Công Ty Quản Lý Quỹ chấp nhận trong giao dịch hoán đổi lấy Lô Chứng Chỉ Quỹ ETF. Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu trong giao dịch hoán đổi phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau: - Bao gồm tối thiểu 50% số chứng khoán cơ sở hình thành danh mục chứng khoán của Chỉ Số Tham Chiếu - Giá trị Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu không thấp hơn 95% giá trị danh mục chứng khoán tương ứng của Chỉ Số Tham Chiếu.
"Danh Mục Đầu Tư"	Là danh mục đầu tư của Quỹ theo quy định tại Điều 9, Khoản 3 Điều Lệ này.
"Đại Lý Chuyển Nhượng"	Là Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc nhà cung cấp dịch vụ được Công Ty Quản Lý Quỹ ủy quyền để quản lý Sổ Đăng Ký của Quỹ. Phạm vi hoạt động, chức năng và nhiệm vụ của Đại Lý Chuyển Nhượng được quy định tại Điểm b, khoản 2 Điều 42 của Điều Lệ này.
"Đại Lý Phân Phối"	Là các công ty chứng khoán có nghiệp vụ môi giới chứng khoán đã có giấy chứng nhận đăng ký hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ đại chúng và ký hợp đồng phân phối Chứng Chỉ Quỹ ETF với Công Ty Quản Lý Quỹ và Thành Viên Lập Quỹ.
"Điều Lệ Quỹ"	Bao gồm văn bản này, các Phụ Lục đính kèm và các sửa đổi, bổ sung hợp pháp (nếu có).
"Đại Hội Nhà Đầu Tư"	Là đại hội của Nhà Đầu Tư có quyền biểu quyết được tổ chức để thông qua các vấn đề quan trọng có liên quan đến Quỹ ETF. Đại Hội Nhà Đầu Tư là cơ quan quyền lực cao nhất của Quỹ ETF.
"Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ/NAV"	Là tổng giá trị thị trường các tài sản có trong danh mục trừ đi tổng nợ phải trả của Quỹ. Tổng nợ phải trả của Quỹ là các khoản nợ hoặc nghĩa vụ thanh toán của Quỹ tính đến ngày trước Ngày Định Giá.
"Giá Trị Tài Sản Ròng Tham Chiếu Trên Một Chứng Chỉ Quỹ (iNAV)"	Là Giá Trị Tài Sản Ròng Trên Một Chứng Chỉ Quỹ ETF được xác định trong phiên giao dịch.
"Hợp Đồng Giám Sát"	Là hợp đồng được ký kết giữa Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát.

"Lợi Tức Quỹ"	Là số lợi nhuận còn lại của Quỹ sau khi trừ đi các chi phí hợp lệ và được Đại Hội Nhà Đầu Tư quyết định chia theo tỷ lệ sở hữu của Nhà Đầu Tư.
"Năm Tài Chính"	<p>Được tính từ đầu ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 năm dương lịch. Năm Tài Chính đầu tiên của Quỹ ETF sẽ được tính từ đầu ngày Quỹ ETF được Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Lập Quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm đó.</p> <p>Trường hợp thời gian từ đầu ngày thành lập Quỹ ETF đến hết ngày 31 tháng 12 cùng năm ngắn hơn chín mươi (90) ngày thì kỳ kế toán đầu tiên được tính từ ngày thành lập Quỹ ETF đến hết ngày 31 tháng 12 của năm tiếp theo.</p>
"Nhà Đầu Tư"	Là cá nhân, tổ chức trong nước và nước ngoài nắm giữ Chứng Chỉ Quỹ.
"Ngân Hàng Giám Sát"	Là Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam, được thành lập theo Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Doanh Nghiệp số 0100112437 do Sở Kế Hoạch Và Đầu Tư Thành Phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 02/6/2008, thay đổi lần 13 ngày 16/01/2019 và Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Hoạt Động Lưu Ký Chứng Khoán số 14/GPHĐLK do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp ngày 02/5/2003, Giấy Chứng Nhận Thành Viên Lưu Ký số 18/GCNTVLK do Trung Tâm Lưu Ký Chứng Khoán Việt Nam cấp ngày 07/07/2006, cung cấp các dịch vụ (i) bảo quản, lưu ký chứng khoán, tài liệu xác nhận quyền sở hữu tài sản hợp pháp của Quỹ; các hợp đồng kinh tế, các chứng từ có liên quan đến tài sản của Quỹ đồng thời giám sát hoạt động của Quỹ; (ii) thực hiện chức năng giám sát toàn bộ quản lý tài sản của Quỹ do Công Ty Quản Lý Quỹ thực hiện.
"Ngày Định Giá"	Là ngày mà Công Ty Quản Lý Quỹ xác định Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ ETF theo quy định pháp luật, Điều Lệ Quỹ và Bản Cáo Bạch.
"Ngày Giao Dịch Hoán Đổi"	Là ngày mà Quỹ ETF, thông qua Công Ty Quản Lý Quỹ, phát hành và mua lại các Lô Chứng Chỉ Quỹ ETF từ Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư theo cơ chế hoán đổi danh mục
"Lệnh Giao Dịch Hoán Đổi"	Bao gồm lệnh mua, trong đó Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư yêu cầu Quỹ tiếp nhận Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu và phát hành các Lô Chứng Chỉ Quỹ, và lệnh bán, trong đó Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư yêu cầu Quỹ tiếp nhận các Lô Chứng Chỉ Quỹ và hoàn trả Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu.

"Người Có Liên Quan"	Theo Khoản 46 Điều 4 Luật Chứng Khoán số 54/2019/QH14 đã được Quốc Hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 và có hiệu lực ngày 01 tháng 01 năm 2021, hoặc quy định khác sửa đổi, bổ sung, thay thế quy định này.
"Giá Dịch Vụ Phát Hành"	Là giá dịch vụ mà Nhà Đầu Tư, Thành Viên Lập Quỹ phải trả cho Công Ty Quản Lý Quỹ để trang trải những chi phí cho việc phát hành Chứng Chỉ Quỹ trong đợt phát hành lần đầu ra công chúng hoặc thực hiện giao dịch hoán đổi Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu lấy các Lô Chứng Chỉ Quỹ.
"Giá Dịch Vụ Mua Lại"	Là giá dịch vụ mà Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư phải thanh toán cho Công Ty Quản Lý Quỹ khi thực hiện hoán đổi các lô Chứng Chỉ Quỹ lấy Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu.
"Quỹ Hoán Đổi Danh Mục" /"Quỹ ETF"/"Quỹ"	Là Quỹ ETF SSIAM VNFIN LEAD, một loại hình quỹ mở, hình thành từ việc tiếp nhận, hoán đổi Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu lấy Chứng Chỉ Quỹ. Chứng Chỉ Quỹ được niêm yết và giao dịch trên Sở Giao Dịch Chứng Khoán.
"Sở Giao Dịch Chứng Khoán"	Là Sở Giao Dịch Chứng Khoán mà Chứng Chỉ Quỹ được niêm yết.
"HSX"	Là Sở Giao Dịch Chứng Khoán Thành Phố Hồ Chí Minh.
"HNX"	Là Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội.
"Thành Viên Lập Quỹ"/"AP"	Là công ty chứng khoán, có nghiệp vụ môi giới và tự doanh, ngân hàng lưu ký đã ký hợp đồng lập Quỹ ETF với Công Ty Quản Lý Quỹ.
"Thời Điểm Đóng Sở Lệnh"	Là thời điểm cuối cùng mà Đại Lý Phân Phối, Thành Viên Lập Quỹ nhận lệnh giao dịch hoán đổi từ Nhà Đầu Tư để thực hiện trong Ngày Giao Dịch Hoán Đổi. Thời Điểm Đóng Sở Lệnh được quy định tại Điều Lệ Quỹ, công bố công khai tại Bản Cáo Bạch, Bản Cáo Bạch Tóm Tắt và không được muộn quá thời điểm đóng cửa thị trường trong Ngày Giao Dịch Hoán Đổi của Sở Giao Dịch Chứng Khoán.
"Tổ Chức Tạo Lập Thị Trường"	Là Thành Viên Lập Quỹ được Công Ty Quản Lý Quỹ lựa chọn để ký hợp đồng cung cấp dịch vụ tạo lập thị trường cho Quỹ ETF.
"Trung Tâm Lưu Ký Chứng Khoán"/"VSDC"/"Tổng Công Ty Lưu Ký Và Bù Trừ Chứng"	Là Trung Tâm Lưu Ký Chứng Khoán Việt Nam hay Tổng Công Ty Lưu Ký Và Bù Trừ Chứng Khoán Việt Nam (tùy theo tên gọi từng thời kỳ) hoặc bất cứ cơ quan nào khác thay thế hoặc kế thừa quyền

Khoán Việt Nam”	và nghĩa vụ của cơ quan này.
“Vốn Điều Lệ”	Là Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ ETF tại thời điểm kết thúc đợt chào bán lần đầu ra công chúng và được ghi trong Điều Lệ Quỹ.
Các định nghĩa khác	Các định nghĩa khác (nếu có) sẽ được hiểu như quy định trong Luật Chứng Khoán và các văn bản khác có liên quan.

- c. Nhà Đầu Tư/Thành Viên Lập Quỹ là nhà đầu tư nước ngoài nên không thể mua chứng khoán trong Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa để góp vốn.
- d. Trường hợp chứng khoán trong Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu góp vốn phát sinh sự kiện doanh nghiệp (cổ phiếu thường, cổ tức bằng cổ phiếu, cổ tức bằng tiền, quyền mua) trong quá trình chuyển quyền sở hữu sang Quỹ.
Hình thức thanh toán, cách thức góp vốn bằng tiền nêu trên của Nhà Đầu Tư, Thành Viên Lập Quỹ sẽ được quy định chi tiết trong Bản Cáo Bạch.
- 6. Trình tự thủ tục điều kiện, đăng ký và góp vốn thành lập Quỹ được quy định chi tiết trong Bản Cáo Bạch.
- 7. Toàn bộ Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu của Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư được phong tỏa tại VSDC. Ngay sau khi Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Thành Lập Quỹ có hiệu lực, các tài sản này được lưu ký trên tài khoản lưu ký của Quỹ mở tại Ngân Hàng Giám Sát.

Điều 5. Chi định đại diện huy động vốn và chào bán Chứng Chỉ Quỹ

Đại diện theo pháp luật của Công Ty Quản Lý Quỹ được chỉ định là đại diện huy động vốn và chào bán Chứng Chỉ Quỹ ra công chúng.

Điều 6. Công Ty Quản Lý Quỹ

- Công Ty Quản Lý Quỹ: Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ SSI (SSIAM)
- Giấy Phép Thành Lập Và Hoạt Động số: 19/UBCK-GP do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp ngày 3/8/2007,
- Trụ sở chính: Tầng 5, 1C Ngô Quyền, Phường Hoàn Kiếm, Thành Phố Hà Nội.
- Điện thoại: 024 3936 6321 Fax: 024 3936 6337

Điều 7. Ngân Hàng Giám Sát

- Ngân Hàng Giám Sát: Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam
- Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Doanh Nghiệp số 0100112437 do Sở Kế Hoạch Và Đầu Tư Thành Phố Hà Nội đăng ký lần đầu ngày 02/06/2008; đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 16/01/2019.
- Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Hoạt Động Lưu Ký Chứng Khoán số 14/GPHĐLK do Ủy Ban Chứng khoán Nhà Nước cấp ngày 02/05/2003 và Giấy Chứng Nhận Thành Viên Lưu Ký số 18/GCNTVLK do Trung Tâm Lưu Ký Chứng Khoán Việt Nam cấp ngày 07/07/2006.
- Trụ sở chính: 198 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, Thành Phố Hà Nội.
- Điện thoại: (84-24) 3934 3137 Fax: (84-24) 3826 5548.

Chương II

CÁC QUY ĐỊNH VỀ MỤC TIÊU, CHÍNH SÁCH VÀ HẠN CHẾ ĐẦU TƯ

Điều 8. Mục tiêu đầu tư

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là hướng tới bám sát mức sinh lời thực tế của Chỉ Số Tham Chiếu VNFIN LEAD trong tất cả các giai đoạn.

Điều 9. Chiến lược đầu tư

1. Chiến lược đầu tư:

Quỹ áp dụng chiến lược đầu tư thụ động với mục tiêu bám sát tỷ lệ tăng trưởng của Chỉ Số Tham Chiếu. Quỹ không chủ động tìm kiếm tăng trưởng cao hơn Chỉ Số Tham Chiếu, cũng như không sử dụng các biện pháp phòng thủ khi thị trường chứng khoán biến động bất lợi.

Với việc đầu tư thụ động, Quỹ có thể duy trì tỷ lệ vòng quay danh mục thấp hơn các quỹ có chiến lược đầu tư chủ động, từ đó giảm chi phí hoạt động cho Quỹ.

2. Lĩnh vực, ngành nghề dự định đầu tư: phù hợp với chiến lược đầu tư, Quỹ được phép đầu tư vào các lĩnh vực, ngành nghề mà pháp luật không cấm.

3. Danh Mục Đầu Tư của Quỹ ETF:

a) Danh Mục Đầu Tư của Quỹ ETF phải phù hợp với danh mục của Chỉ Số Tham Chiếu về cơ cấu, tỷ trọng tài sản, bao gồm tối thiểu 50% số chứng khoán cơ sở hình thành Chỉ Số Tham Chiếu (danh mục chứng khoán của Chỉ Số Tham Chiếu) và giá trị Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu không thấp hơn 95% giá trị của danh mục chứng khoán tương ứng của Chỉ Số Tham Chiếu. Danh Mục Đầu Tư có mức sai lệch so với Chỉ Số Tham Chiếu không vượt quá mức sai lệch tối đa theo quy định của Sở Giao Dịch Chứng Khoán và các quy định của pháp luật.

b) Danh Mục Đầu Tư của Quỹ ETF bao gồm các Chứng Khoán Cơ Cấu trong danh mục của Chỉ Số Tham Chiếu và các tài sản tài chính sau đây tại Việt Nam:

(i) Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật về ngân hàng; công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật. Công Ty Quản Lý Quỹ chỉ được gửi tiền và đầu tư vào công cụ thị trường tiền tệ tại các tổ chức tín dụng đã được Ban Đại Diện Quỹ phê duyệt;

(ii) Công cụ nợ của Chính Phủ, trái phiếu được Chính Phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương;

(iii) Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên sở giao dịch chứng khoán, chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu chào bán ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng;

(iv) Chứng khoán phái sinh niêm yết giao dịch tại các sở giao dịch chứng khoán. Việc đầu tư vào chứng khoán phái sinh chỉ nhằm mục đích phòng ngừa rủi ro và giảm thiểu mức sai lệch so với Chỉ Số Tham Chiếu;

(v) Các tài sản khác phát sinh từ việc sở hữu các chứng khoán có trong danh mục của Quỹ ETF.

Điều 10. Hạn chế đầu tư

1. Danh Mục Đầu Tư của Quỹ phải phù hợp với mục tiêu và chiến lược đầu tư đã được quy định tại Điều 9 Điều Lệ này và Bản Cáo Bạch.

2. Cơ cấu Danh Mục Đầu Tư của Quỹ ETF phải bảo đảm:

a) Không đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, ngoại trừ công cụ nợ Chính Phủ;

b) Không đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào chứng khoán đang lưu hành và các tài sản (nếu có) quy định tại mục (i), điểm b, khoản 3, Điều 9 Điều Lệ này của một tổ chức phát hành, ngoại trừ công cụ nợ của Chính Phủ;

- c) Trừ trường hợp là Chứng Khoán Cơ Cấu nằm trong danh mục Chỉ Số Tham Chiếu, không được đầu tư quá ba mươi phần trăm (30%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản quy định tại mục (i), (iii), (iv) điểm b, khoản 3 Điều 9 Điều Lệ này, phát hành bởi các công ty trong cùng một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau thuộc các trường hợp: công ty mẹ, công ty con; các công ty sở hữu trên 35% cổ phần, phần vốn góp của nhau, nhóm công ty con có cùng một công ty mẹ;
 - d) Không đầu tư vào chứng chỉ của chính Quỹ đó;
 - e) Chỉ được đầu tư vào chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán khác do công ty quản lý quỹ khác quản lý và bảo đảm các hạn chế sau:
 - (i) Không đầu tư vào quá 10% tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một quỹ đại chúng, cổ phiếu đang lưu hành của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
 - (ii) Không đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào chứng chỉ quỹ của một quỹ đại chúng, một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
 - (iii) Không đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
 - f) Không được đầu tư vào bất động sản;
 - g) Không được đầu tư vào chứng khoán phát hành bởi Công Ty Quản Lý Quỹ, Người Có Liên Quan của Công Ty Quản Lý Quỹ, Thành Viên Lập Quỹ trừ trường hợp đó là Chứng Khoán Cơ Cấu nằm trong danh mục Chỉ Số Tham Chiếu;
 - h) Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các hợp đồng/giao dịch chứng khoán phái sinh và dư nợ các khoản phải trả của Quỹ, không được vượt quá Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ.
3. Công Ty Quản Lý Quỹ không được sử dụng vốn và tài sản của Quỹ để cho vay hoặc bảo lãnh cho bất kỳ khoản vay nào. Công Ty Quản Lý Quỹ không được phép vay để tài trợ cho các hoạt động của Quỹ ETF, trừ trường hợp vay ngắn hạn để trang trải các chi phí cần thiết cho Quỹ hoặc thực hiện thanh toán cho các giao dịch Chứng Chỉ Quỹ với Nhà Đầu Tư. Tổng giá trị các khoản vay ngắn hạn của Quỹ không được quá năm phần trăm (5%) Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ tại mọi thời điểm và thời hạn vay tối đa là ba mươi (30) ngày. Công Ty Quản Lý Quỹ không được sử dụng tài sản của Quỹ để thực hiện các giao dịch ký quỹ (vay mua chứng khoán) cho Quỹ hoặc cho bất kỳ cá nhân, tổ chức khác; không được sử dụng tài sản của Quỹ thực hiện các giao dịch bán khống, cho vay chứng khoán.
4. Cơ cấu đầu tư của Quỹ ETF chỉ được vượt mức so với hạn chế đầu tư quy định tại Điểm a, b, c, e Khoản 2 Điều này và chỉ do các nguyên nhân sau:
- a) Biến động giá trên thị trường của tài sản trong Danh Mục Đầu Tư của Quỹ;
 - b) Hoạt động chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, của các tổ chức phát hành;
 - c) Cơ cấu danh mục chứng khoán của Chỉ Số Tham Chiếu thay đổi;
 - d) Quỹ thực hiện các khoản thanh toán hợp pháp; thực hiện các hoạt động hoán đổi Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu theo quy định tại Điều 16 Điều Lệ này;
 - e) Quỹ đang trong thời gian thanh lý, giải thể;
 - f) Thời gian hoạt động của Quỹ tính từ thời điểm được cấp Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Thành Lập Quỹ có hiệu lực chưa quá ba (03) tháng.

5. Trong thời hạn ba (03) tháng, kể từ ngày sai lệch phát sinh do các nguyên nhân quy định tại Điểm a, b, c, d và f Khoản 4 Điều này, Công Ty Quản Lý Quỹ có nghĩa vụ thông báo cho Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước và điều chỉnh lại danh mục đầu tư, bảo đảm phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều này.
6. Trường hợp sai lệch là do Công Ty Quản Lý Quỹ không tuân thủ các hạn chế đầu tư theo quy định của pháp luật hoặc Điều Lệ Quỹ, Công Ty Quản Lý Quỹ phải điều chỉnh lại Danh Mục Đầu Tư trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày phát hiện ra sai lệch. Công Ty Quản Lý Quỹ phải bồi thường thiệt hại cho Quỹ (nếu có) và chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến việc điều chỉnh lại Danh Mục Đầu Tư. Nếu phát sinh lợi nhuận, phải hạch toán ngay mọi khoản lợi nhuận có được cho Quỹ.
7. Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất việc điều chỉnh lại Danh Mục Đầu Tư, Công Ty Quản Lý Quỹ phải công bố thông tin theo quy định pháp luật, đồng thời thông báo cho Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước về các sai lệch cơ cấu Danh Mục Đầu Tư, nguyên nhân, thời điểm phát sinh hoặc phát hiện ra sự việc, mức độ thiệt hại gây ra cho Quỹ (nếu có) hoặc lợi nhuận tạo cho Quỹ (nếu có), biện pháp khắc phục, thời gian và kết quả khắc phục.
8. Quỹ thực hiện đầu tư gián tiếp ra nước ngoài theo quy định của pháp luật về đầu tư sau khi được Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước chấp thuận cho phép đầu tư gián tiếp ra nước ngoài và bảo đảm các nguyên tắc sau:
 - a) Quỹ đã được Ngân Hàng Nhà Nước Việt Nam cấp hạn mức đầu tư gián tiếp ra nước ngoài;
 - b) Quỹ chỉ được đầu tư gián tiếp ra nước ngoài vào các tài sản đã được quy định tại Điều Lệ quỹ và phù hợp với quy định của Ngân Hàng Nhà Nước Việt Nam;
 - c) Quỹ không được đầu tư quá 20% giá trị tài sản ròng của Quỹ ra nước ngoài và không vượt quá hạn mức đầu tư đăng ký đã được Ngân Hàng Nhà Nước Việt Nam xác nhận.
 - d) Cơ cấu đầu tư gián tiếp ra nước ngoài, hạn mức đầu tư gián tiếp ra nước ngoài, điều chỉnh hạn mức đầu tư gián tiếp ra nước ngoài của Quỹ phải tuân thủ quy định về cơ cấu đầu tư, hạn mức đầu tư, điều chỉnh hạn mức đầu tư theo các quy định tại Điều này.

Điều 11. Phương pháp lựa chọn đầu tư

Để mô phỏng Chỉ Số Tham Chiếu, Quỹ sẽ đầu tư vào toàn bộ hoặc gần như toàn bộ vào các Chứng Khoán Cơ Cấu của chỉ số VNFIN LEAD và luôn đảm bảo Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu sở hữu tối thiểu 50% số chứng khoán cơ sở hình thành Chỉ Số Tham Chiếu và giá trị Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu không thấp hơn 95% giá trị của danh mục chứng khoán tương ứng của Chỉ Số Tham Chiếu. Khi Chỉ Số Tham Chiếu có sự thay đổi tại các kỳ xem xét định kỳ hoặc bất thường thì Quỹ sẽ điều chỉnh Danh Mục Đầu Tư, tỷ trọng các mã tương ứng với sự thay đổi của Chỉ Số Tham Chiếu.

Chương III

NHÀ ĐẦU TƯ, SỔ ĐĂNG KÝ NHÀ ĐẦU TƯ VÀ GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ ETF

Điều 12. Nhà Đầu Tư

1. Nhà Đầu Tư của Quý có thể là tổ chức hay cá nhân trong và ngoài nước, sở hữu ít nhất là một (01) Chứng Chỉ Quý. Nhà Đầu Tư không chịu trách nhiệm pháp lý hoặc có bổn phận gì khác với Quý ngoài trách nhiệm trong phạm vi số Chứng Chỉ Quý mà họ sở hữu.
2. Nhà Đầu Tư là tổ chức bao gồm các tổ chức kinh tế, xã hội trong và ngoài nước được thành lập và hoạt động hợp pháp. Nhà Đầu Tư là tổ chức cử người đại diện hợp pháp đại diện cho số Chứng Chỉ Quý mà mình sở hữu. Việc đề cử, hủy bỏ hay thay thế người đại diện này phải được thông báo bằng văn bản, do người đại diện có thẩm quyền của Nhà Đầu Tư là tổ chức ký.
3. Cơ quan nhà nước, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam không được tham gia góp vốn lập Quý, mua Chứng Chỉ Quý. Việc tham gia góp vốn lập Quý, mua Chứng Chỉ Quý của các tổ chức tín dụng, doanh nghiệp bảo hiểm, tổ chức kinh doanh chứng khoán, công ty trách nhiệm hữu hạn nhà nước một thành viên thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành có liên quan.
4. Nhà Đầu Tư Nước Ngoài không bị hạn chế tỷ lệ sở hữu tại Quý.
5. Công Ty Quản Lý Quý và người có liên quan của Công Ty Quản Lý Quý được tham gia góp vốn lập quý, mua Chứng Chỉ Quý, giao dịch Chứng Chỉ Quý mà Công Ty đang quản lý với các mức giá giao dịch áp dụng như đối với các Nhà Đầu Tư khác.

Điều 13. Quyền và nghĩa vụ của Nhà Đầu Tư

1. Nhà Đầu Tư có các quyền:
 - a) Hưởng lợi từ hoạt động đầu tư của Quý tương ứng với số Chứng Chỉ Quý Nhà Đầu Tư sở hữu;
 - b) Hưởng các lợi ích và tài sản được chia hợp pháp từ việc thanh lý tài sản Quý tương ứng với số Chứng Chỉ Quý Nhà Đầu Tư sở hữu;
 - c) Được thực hiện giao dịch hoán đổi các Lô Chứng Chỉ Quý lấy Chứng Khoán Cơ Cấu hoặc ngược lại với Quý.
 - d) Thực hiện quyền của mình thông qua Đại Hội Nhà Đầu Tư; thực hiện quyền biểu quyết tại Đại Hội Nhà Đầu Tư dưới hình thức trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa (gửi thư, fax, thư điện tử, tham dự hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác);
 - e) Chuyển nhượng Chứng Chỉ Quý theo quy định tại Điều Lệ Quý;
 - f) Khởi kiện Công Ty Quản Lý Quý, Ngân Hàng Giám Sát hoặc tổ chức liên quan nếu tổ chức này vi phạm quyền, lợi ích hợp pháp của mình;
 - g) Quyền được đối xử công bằng, mỗi Chứng Chỉ Quý đều tạo cho người sở hữu quyền, nghĩa vụ, lợi ích ngang nhau;
 - h) Quyền được tiếp cận đầy đủ các thông tin định kỳ và thông tin bất thường về hoạt động của Quý;
 - i) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và tại Điều Lệ Quý.
2. Nhà Đầu Tư có nghĩa vụ:
 - a) Tuân thủ quy định của Điều Lệ này và chấp hành các nghị quyết của Đại Hội Nhà Đầu Tư;
 - b) Chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Quý tương ứng với số Chứng Chỉ Quý Nhà Đầu Tư sở hữu;

- c) Thanh toán đủ tiền, chứng khoán và Chứng Chỉ Quỹ như đã cam kết trong các giao dịch với Quỹ;
 - d) Các nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật và tại Điều Lệ.
3. Nhà Đầu Tư hoặc nhóm Nhà Đầu Tư sở hữu từ năm phần trăm (5%) trở lên tổng số Chứng Chỉ Quỹ đang lưu hành có các quyền sau đây:
- a) Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Ban Đại Diện Quỹ, báo cáo tài chính năm và báo cáo của Ngân Hàng Giám Sát liên quan đến hoạt động của Quỹ;
 - b) Yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ triệu tập họp Đại Hội Nhà Đầu Tư bất thường trong các trường hợp sau:
 - Có căn cứ xác thực về việc Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát vi phạm quyền của Nhà Đầu Tư hoặc nghĩa vụ của Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền quy định tại Điều Lệ Quỹ, Hợp Đồng Giám Sát hoặc được giao bởi Đại Hội Nhà Đầu Tư, gây tổn thất cho Quỹ;
 - Ban Đại Diện Quỹ đã hết nhiệm kỳ trên 06 tháng mà chưa được bầu thay thế;
 - Các trường hợp khác theo quy định tại Điều Lệ Quỹ.
 - c) Yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát giải trình các vấn đề bất thường liên quan đến tài sản và hoạt động quản lý, giao dịch tài sản của Quỹ. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu, Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát phải trả lời Nhà Đầu Tư;
 - d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại Hội Nhà Đầu Tư. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công Ty Quản Lý Quỹ chậm nhất mười (10) ngày làm việc trước ngày khai mạc;
 - e) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều Lệ Quỹ.
4. Nhà Đầu Tư hoặc nhóm Nhà Đầu Tư sở hữu từ 10% trở lên tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành có các quyền đề cử người vào Ban Đại Diện Quỹ. Trình tự, thủ tục đề cử thực hiện theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp áp dụng đối với việc đề cử người vào hội đồng quản trị của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% trở lên tổng số cổ phần phổ thông.
5. Yêu cầu, kiến nghị của Nhà Đầu Tư hoặc Nhóm Nhà Đầu Tư theo quy định tại khoản 3, 4 Điều này phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, số định danh cá nhân hoặc hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác; tên, địa chỉ trụ sở chính, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đối với Nhà Đầu Tư là tổ chức; số lượng chứng chỉ quỹ nắm giữ và thời điểm nắm giữ của từng Nhà Đầu Tư, tổng số chứng chỉ quỹ của cả nhóm Nhà Đầu Tư và tỷ lệ sở hữu trong tổng số Chứng Chỉ Quỹ đang lưu hành của Quỹ; nội dung yêu cầu, kiến nghị; căn cứ và lý do. Trường hợp triệu tập Đại Hội Nhà Đầu Tư bất thường theo quy định tại Điểm b Khoản 3 Điều này, phải kèm theo các tài liệu xác minh lý do việc triệu tập Đại Hội Nhà Đầu Tư bất thường; hoặc các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền theo quy định tại Điều Lệ Quỹ, Hợp Đồng Giám Sát.

Điều 14. Sổ đăng ký Nhà Đầu Tư

- 1. Trong thời hạn năm (05) ngày kể từ ngày Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Lập Quỹ có hiệu lực, Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan có trách nhiệm lập sổ đăng ký Nhà

Đầu Tư và xác nhận quyền sở hữu của Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư đối với số Chứng Chỉ Quỹ ETF đã đăng ký mua. Sổ đăng ký Nhà Đầu Tư phải ghi đúng, đầy đủ các nội dung chủ yếu sau:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công Ty Quản Lý Quỹ; tên, địa chỉ trụ sở chính của Ngân Hàng Giám Sát; tên đầy đủ của Quỹ;
 - b) Tổng số Chứng Chỉ Quỹ đã bán và giá trị vốn huy động được;
 - c) Danh sách Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư kèm theo các thông tin: họ tên, số định danh cá nhân hoặc hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác, địa chỉ liên lạc (đối với cá nhân), tên đầy đủ, tên viết tắt, số giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, số giấy phép thành lập và hoạt động, địa chỉ trụ sở chính (đối với tổ chức); số tài khoản lưu ký chứng khoán; ngày đăng ký sở hữu Chứng Chỉ Quỹ; số lượng Lô ETF đăng ký mua, tỷ lệ sở hữu;
 - d) Ngày lập sổ đăng ký Nhà Đầu Tư.
2. Trong thời hạn mười (10) ngày, kể từ ngày Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Lập Quỹ có hiệu lực, Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ Đại Lý Chuyển Nhượng có liên quan phải thực hiện đăng ký, lưu ký các Lô ETF cho Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư tại Trung Tâm Lưu Ký Chứng Khoán. Hồ sơ đăng ký, lưu ký các Lô ETF thực hiện theo hướng dẫn của Trung Tâm Lưu Ký Chứng Khoán.

Số lượng các Lô ETF được phát hành, mua lại tại ngày giao dịch tiếp theo được Trung Tâm Lưu Ký Chứng Khoán tự động cập nhật, đăng ký, lưu ký vào hệ thống của Trung Tâm Lưu Ký Chứng Khoán theo hướng dẫn của Trung Tâm Lưu Ký Chứng Khoán.

3. Công Ty Quản Lý Quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ Đại Lý Chuyển Nhượng phải luôn có đầy đủ thông tin về sở hữu của từng Nhà Đầu Tư. Thông tin về tài sản của Nhà Đầu Tư trên sổ chính là bằng chứng xác nhận quyền sở hữu Chứng Chỉ Quỹ của Nhà Đầu Tư. Quyền sở hữu của Nhà Đầu Tư được xác lập kể từ thời điểm thông tin về sở hữu của Nhà Đầu Tư được cập nhật tại sổ chính.

Điều 15. Điều kiện tham gia giao dịch hoán đổi đối với Nhà Đầu Tư

Nhà Đầu Tư khi tham gia giao dịch hoán đổi phải đảm bảo các điều kiện sau:

1. Có đủ Chứng Khoán Cơ Cấu và tiền mặt đáp ứng các yêu cầu về tỷ trọng, số lượng theo thông báo của Công Ty Quản Lý Quỹ khi thực hiện giao dịch hoán đổi Chứng Khoán Cơ Cấu lấy Lô Chứng Chỉ Quỹ; hoặc
2. Sở hữu tối thiểu một (01) Lô Chứng Chỉ Quỹ ETF khi thực hiện giao dịch hoán đổi Chứng Chỉ Quỹ ETF lấy Chứng Khoán Cơ Cấu;
3. Nhà Đầu Tư chỉ được thực hiện giao dịch hoán đổi thông qua Thành Viên Lập Quỹ, nơi Nhà Đầu Tư đã ký hợp đồng dịch vụ về giao dịch hoán đổi;
4. Việc thực hiện giao dịch hoán đổi phải phù hợp với quy định của pháp luật liên quan.

Điều 16. Giao dịch hoán đổi Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu lấy Lô Chứng Chỉ Quỹ ETF và ngược lại

1. Giao dịch hoán đổi áp dụng cho Nhà Đầu Tư, Thành Viên Lập Quỹ thực hiện theo nguyên tắc sau:

- a) Áp dụng cho Nhà Đầu Tư đáp ứng các điều kiện đã được quy định tại Điều 15 Điều Lệ Quỹ và Bản Cáo Bạch, và cho Thành Viên Lập Quỹ;
- b) Giao dịch hoán đổi của Nhà Đầu Tư chỉ được thực hiện thông qua Thành Viên Lập Quỹ, nơi Nhà Đầu Tư mở tài khoản giao dịch chứng khoán và đã ký hợp đồng dịch vụ về giao dịch hoán đổi;
- c) Tần suất giao dịch hoán đổi và Thời Điểm Đóng Sở Lệnh:
- (i) Tần suất Giao dịch hoán đổi được thực hiện hàng ngày vào các ngày làm việc ("Ngày Giao Dịch Hoán Đổi").
- (ii) Trong trường hợp Ngày Giao Dịch Hoán Đổi rơi vào ngày nghỉ, ngày nghỉ lễ tết, các ngày làm việc bù rơi vào ngày Thứ Bảy và/hoặc Chủ Nhật thì việc giao dịch sẽ được thực hiện vào Ngày Giao Dịch Hoán Đổi kế tiếp của Quỹ. Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ thông báo đến Nhà Đầu Tư, Đại Lý Phân Phối và các tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan về lịch giao dịch và Thời Điểm Đóng Sở Lệnh cụ thể khi có các ngày nghỉ lễ, tết và công bố trên trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc bằng thư điện tử.
- (iii) Việc giảm tần suất giao dịch sẽ được Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua và luôn đảm bảo tần suất giao dịch không được ít hơn hai (02) lần trong một (01) tháng.
- (iv) Thời Điểm Đóng Sở Lệnh: 14h40' của Ngày Giao Dịch Hoán Đổi.
- d) Đơn vị giao dịch tối thiểu là một (01) Lô Chứng Chỉ Quỹ. Công Ty Quản Lý Quỹ có quyền điều chỉnh số lượng Chứng Chỉ Quỹ trong một (01) Lô Chứng Chỉ Quỹ, tuy nhiên phải bảo đảm một Lô Chứng Chỉ Quỹ có không ít hơn một trăm nghìn (100.000) Chứng Chỉ Quỹ. Trong trường hợp có sự điều chỉnh, thời điểm áp dụng Lô Chứng Chỉ Quỹ mới sớm nhất là mười lăm (15) ngày kể từ ngày thông tin về quy mô Lô Chứng Chỉ Quỹ mới được công bố trên trang thông tin điện tử của Sở Giao Dịch Chứng Khoán, Trung Tâm Lưu Ký Chứng Khoán, Công Ty Quản Lý Quỹ, Thành Viên Lập Quỹ và các Đại Lý Phân Phối;
- e) Chứng Khoán Cơ Cấu, Chứng Chỉ Quỹ ETF trong giao dịch hoán đổi phải đảm bảo các điều kiện sau:
- (i) Chứng Khoán Cơ Cấu trong giao dịch hoán đổi phải nằm trong Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu hoán đổi theo thông báo của Công Ty Quản Lý Quỹ;
- (ii) Chứng Khoán Cơ Cấu và Chứng Chỉ Quỹ ETF trong giao dịch hoán đổi thuộc loại tự do chuyển nhượng;
- (iii) Chứng Khoán Cơ Cấu, Chứng Chỉ Quỹ ETF trong giao dịch hoán đổi được lấy từ các nguồn sau:
- Đối với Thành Viên Lập Quỹ:
 - Chứng Khoán Cơ Cấu, Chứng Chỉ Quỹ ETF có sẵn trên tài khoản lưu ký của Thành Viên Lập Quỹ tại Ngày Giao Dịch Hoán Đổi;
 - Chứng Khoán Cơ Cấu, Chứng Chỉ Quỹ ETF chờ thanh toán từ các lệnh mua đã khớp trước Ngày Giao Dịch Hoán Đổi;
 - Chứng Khoán Cơ Cấu, Chứng Chỉ Quỹ ETF đi vay qua hệ thống vay và cho vay của Trung Tâm Lưu Ký Chứng Khoán với mục đích thực hiện giao dịch hoán đổi đang nằm trên tài khoản tạm giữ.
 - Đối với Nhà Đầu Tư:

- Chứng Khoán Cơ Cấu, Chứng Chỉ Quỹ ETF có sẵn trên tài khoản lưu ký của Nhà Đầu Tư tại Ngày Giao Dịch Hoán Đổi.
 - f) Thành Viên Lập Quỹ chỉ được nhận lệnh giao dịch của Nhà Đầu Tư khi phiếu lệnh đã điền chính xác và đầy đủ các thông tin theo quy định. Phiếu lệnh phải được Thành Viên Lập Quỹ lưu trữ theo quy định của pháp luật về chứng khoán, đồng thời phải bảo đảm ghi nhận đầy đủ, chính xác, kịp thời và rõ ràng về thời điểm nhận lệnh, người nhận lệnh từ Nhà Đầu Tư. Trường hợp nhận lệnh giao dịch trực tuyến qua internet, điện thoại, fax hoặc các phương tiện điện tử, đường truyền khác thì phải tuân thủ theo quy định về giao dịch điện tử và lưu trữ phiếu lệnh theo hình thức tệp dữ liệu điện tử.
 - g) Lệnh giao dịch hoán đổi chỉ được thực hiện khi đáp ứng đầy đủ tối thiểu các điều kiện sau:
 - (i) Được Thành Viên Lập Quỹ chuyển tới Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc Đại Lý Chuyển Nhượng trước Thời Điểm Đóng Sổ Lệnh. Các lệnh giao dịch hoán đổi chuyển cho Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc Đại Lý Chuyển Nhượng sau Thời Điểm Đóng Sổ Lệnh được coi là lệnh không hợp lệ;
 - (ii) Được Tổng Công Ty Lưu Ký Và Bù Trừ Chứng Khoán Việt Nam xác nhận về việc Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư có đầy đủ Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu hoặc số Lô Chứng Chỉ Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát xác nhận số tiền Nhà Đầu Tư, Thành Viên Lập Quỹ nộp bổ sung để hoàn tất việc thanh toán giao dịch vào ngày thanh toán. Trường hợp bán Chứng Chỉ Quỹ ETF, số lượng Chứng Chỉ Quỹ ETF còn lại của Thành Viên Lập Quỹ sau khi bán không thấp hơn số lượng tối thiểu (nếu có) để duy trì tư cách là Thành Viên Lập Quỹ theo quy định tại hợp đồng ký với Công Ty Quản Lý Quỹ;
 - h) Hoạt động hoán đổi Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu lấy các Lô Chứng Chỉ Quỹ và ngược lại thực hiện dưới hình thức bút toán ghi sổ trên hệ thống tài khoản lưu ký của các Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư và Quỹ ETF tại Trung Tâm Lưu Ký Chứng Khoán. Việc chuyển khoản Chứng Khoán Cơ Cấu và Chứng Chỉ Quỹ trong hoạt động thanh toán được thực hiện theo quy trình đã được quy định chi tiết tại Bản Cáo Bạch và phù hợp với hướng dẫn của Trung Tâm Lưu Ký Chứng Khoán.
 - i) Việc thanh toán tiền chênh lệch phát sinh trong quá trình thực hiện giao dịch hoán đổi (nếu có) được quy định chi tiết trong Bản Cáo Bạch.
2. Quy trình thực hiện giao dịch hoán đổi:
- a) Trước phiên giao dịch hoán đổi hoặc cuối ngày liền trước Ngày Giao Dịch Hoán Đổi, Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm thông báo cho Thành Viên Lập Quỹ VSDC và công bố trên trang thông tin điện tử của mình và Sở Giao Dịch Chứng Khoán về Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu để hoán đổi lấy một (01) Lô Chứng Chỉ Quỹ. Thông tin bao gồm Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu, tỷ trọng và số lượng từng mã Chứng Khoán Cơ Cấu trong danh mục này. Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu nêu trên được xác định trên cơ sở giá cuối ngày tại ngày giao dịch liền trước Ngày Giao Dịch Hoán Đổi Chứng Chỉ Quỹ;
 - b) Lệnh giao dịch hoán đổi của Nhà Đầu Tư được chuyển tới Thành Viên Lập Quỹ (trực tiếp hoặc thông qua các Đại Lý Phân Phối) theo quy định tại Điều Lệ Quỹ và các hướng dẫn tại Bản Cáo Bạch, Bản Cáo Bạch Tóm Tắt. Trường hợp Thành Viên Lập Quỹ không thể tiếp nhận được lệnh từ Nhà Đầu Tư do Đại Lý Phân Phối, Thành Viên Lập Quỹ bị giải thể, phá sản, bị thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động, đình chỉ, tạm ngừng hoạt động hoặc do các lỗi kỹ thuật của hệ thống công nghệ thông tin hoặc các nguyên nhân bất khả kháng như hỏa hoạn, thiên tai,... thì lệnh giao dịch của Nhà Đầu Tư được chuyển thẳng tới Công Ty Quản Lý Quỹ. Công Ty Quản Lý

Quý sau đó chuyển lệnh tới VSDC trước thời điểm đóng cửa thị trường theo hướng dẫn của VSDC;

Lệnh giao dịch hoán đổi của Nhà Đầu Tư và của Thành Viên Lập Quỹ được Thành Viên Lập Quỹ chuyển tới Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc Đại Lý Chuyển Nhượng hoặc Tổng Công Ty Lưu Ký Và Bù Trừ Chứng Khoán Việt Nam trước thời điểm đóng cửa thị trường theo quy định tại Điều Lệ Quỹ và tại hợp đồng lập quỹ và hướng dẫn của Tổng Công Ty Lưu Ký Và Bù Trừ Chứng Khoán Việt Nam;

c) Trước thời điểm đóng sổ lệnh, nếu phát hiện lỗi do nhầm lẫn, sai sót trong quá trình đặt lệnh, tổng hợp thông tin, nhận lệnh, chuyển, nhập lệnh vào hệ thống, Đại Lý Phân Phối, Thành Viên Lập Quỹ phải thông báo cho Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát, Tổng Công Ty Lưu Ký Và Bù Trừ Chứng Khoán Việt Nam và đề nghị sửa lỗi giao dịch theo quy trình, hướng dẫn của Tổng Công Ty Lưu Ký Và Bù Trừ Chứng Khoán Việt Nam theo thời hạn quy định của pháp luật và phù hợp với quy trình của VSDC. Quá thời hạn nêu trên, Đại Lý Phân Phối, Thành Viên Lập Quỹ chịu trách nhiệm trước Nhà Đầu Tư về các lỗi giao dịch do mình thực hiện.

d) Sau khi tiếp nhận lệnh của Nhà Đầu Tư, Thành Viên Lập Quỹ, Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm kiểm tra (thông qua VSDC, Ngân Hàng Giám Sát) khả năng thực hiện được lệnh của Nhà Đầu Tư bảo đảm đáp ứng quy định tại Điểm g Khoản 1 Điều này, xác nhận và thực hiện lệnh giao dịch của Nhà Đầu Tư, Thành Viên Lập Quỹ theo các quy định tại khoản này và hướng dẫn của VSDC.

e) Trong vòng ba (03) ngày làm việc, kể từ Ngày Giao Dịch Hoán Đổi nhưng không quá Ngày Giao Dịch Chứng Chỉ Quỹ tiếp theo, VSDC, Ngân Hàng Giám Sát phải hoàn tất việc chuyển Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu từ tài khoản lưu ký của Nhà Đầu Tư, Thành Viên Lập Quỹ vào tài khoản lưu ký của Quỹ ETF hoặc ngược lại, đồng thời đăng ký, lưu ký Chứng Chỉ Quỹ vào tài khoản của Nhà Đầu Tư, Thành Viên Lập Quỹ; tiếp nhận các khoản thanh toán bằng tiền quy định tại Khoản 3 Điều này; Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc VSDC có trách nhiệm xác nhận hoàn tất giao dịch và xác nhận quyền sở hữu cho Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư. Trong vòng ba (03) ngày làm việc kể từ Ngày Giao Dịch Hoán Đổi, Ngân Hàng Giám Sát phải hoàn tất việc hoàn trả các khoản thanh toán bằng tiền cho Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư quy định tại khoản 3 Điều này theo yêu cầu hợp pháp của Công Ty Quản Lý Quỹ.

3. Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu là phương tiện thanh toán chủ yếu trong giao dịch hoán đổi giữa Quỹ và Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư trừ trường hợp:

a) Khi hoán đổi Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu lấy các Lô Chứng Chỉ Quỹ, giá trị của Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu thấp hơn Giá Trị Tài Sản Ròng của các Lô Chứng Chỉ Quỹ. Phần chênh lệch phát sinh được Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư thanh toán bổ sung bằng tiền vào tài khoản của Quỹ ETF mở tại Ngân Hàng Giám Sát trước hoặc tại ngày thanh toán theo quy định chi tiết tại Bản Cáo Bạch. Phần thanh toán bằng tiền, bao gồm khoản thanh toán cho các lô lẻ chứng khoán cơ cấu; khoản thanh toán cho các chứng khoán cơ cấu mà Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư bị hạn chế chuyển nhượng; các khoản cổ tức, trái tức của Chứng Khoán Cơ Cấu; khoản thanh toán cho các Chứng Khoán Cơ Cấu mua thêm để thực hiện giao dịch hoán đổi dẫn đến Nhà Đầu Tư sở hữu từ hai mươi lăm (25%) trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của một tổ chức mà Nhà Đầu Tư chưa thực hiện thủ tục chào mua công khai; khoản thanh toán cho các Chứng Khoán Cơ Cấu nắm giữ để thực hiện giao dịch hoán đổi dẫn đến Nhà Đầu Tư sở hữu cổ phiếu phát hành bởi chính Nhà Đầu Tư đó mà Nhà Đầu Tư chưa thực hiện thủ tục giao dịch cổ phiếu quỹ và các khoản thanh toán bằng tiền khác theo quy định tại Điều Lệ Quỹ, phù hợp với các quy định của pháp luật liên quan.

- b) Khi hoán đổi các Lô Chứng Chỉ Quỹ ETF lấy Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu, giá trị các Lô Chứng Chỉ Quỹ ETF mà Công Ty Quản Lý Quỹ tiếp nhận từ Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư nhiều hơn giá trị Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu. Phần chênh lệch này được Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát hoàn trả lại bằng các Chứng Chỉ Quỹ ETF vào các tài khoản lưu ký chứng khoán của Nhà Đầu Tư, Thành Viên Lập Quỹ tại ngày thanh toán hoặc thanh toán bằng tiền vào các tài khoản của Nhà Đầu Tư, Thành Viên Lập Quỹ theo quy định chi tiết tại Bản Cáo Bạch.
- c) Trường hợp trong Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu có những mã Chứng Khoán Cơ Cấu mà Thành Viên Lập Quỹ/Nhà Đầu Tư bị hạn chế đầu tư, hoặc Thành Viên Lập Quỹ/Nhà Đầu Tư chưa thực hiện thủ tục giao dịch cổ phiếu quỹ theo quy định của pháp luật liên quan, hoặc Nhà Đầu Tư nước ngoài không thể mua Chứng Khoán Cơ Cấu do các chứng khoán này đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa hoặc Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu có phát sinh sự kiện doanh nghiệp, Thành Viên Lập Quỹ/Nhà Đầu Tư phải thanh toán bổ sung bằng tiền vào tài khoản của Quỹ và ngược lại, được quy định chi tiết trong Bản Cáo Bạch. Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư thực hiện thông báo các mã chứng khoán hoán đổi bổ sung bằng tiền cho Công Ty Quản Lý Quỹ, tự chịu trách nhiệm và thực hiện giải trình khi có yêu cầu từ phía cơ quan quản lý và Công Ty Quản Lý Quỹ.
- d) Trường hợp Chứng Khoán Cơ Cấu của Quỹ phát sinh quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu và Quỹ đã có tên trên danh sách người sở hữu chứng khoán tại ngày đăng ký cuối cùng do VSDC lập nhưng tại ngày thanh toán giao dịch hoán đổi, số lượng chứng khoán phát sinh từ quyền chưa được phân bổ vào tài khoản lưu ký của Quỹ, Quỹ phải sử dụng hết số lượng Chứng Khoán Cơ Cấu đã có trên tài khoản lưu ký của Quỹ để hoàn trả cho Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư. Quỹ được hoàn trả bằng tiền thay thế cho số lượng Chứng Khoán Cơ Cấu phát sinh từ quyền nhưng chưa được phân bổ vào tài khoản lưu ký của Quỹ. Trước phiên giao dịch hoán đổi hoặc cuối ngày liền trước ngày giao dịch hoán đổi, Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm thông báo cho Thành Viên Lập Quỹ, VSDC và công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của mình và Sở Giao Dịch Chứng Khoán về Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu phát sinh từ quyền được thanh toán bằng tiền. Thông tin bao gồm các mã chứng khoán cơ cấu, số tiền được thanh toán cho một Chứng Khoán Cơ Cấu. Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu nêu trên được xác định trên cơ sở giá cuối ngày tại ngày giao dịch liền trước Ngày Giao Dịch Hoán Đổi Chứng Chỉ Quỹ.
4. Trường hợp Quỹ ETF tiếp nhận các Lô Chứng Chỉ Quỹ của Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư và hoàn trả Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu cho Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư, dẫn tới tỷ lệ sở hữu đối với Chứng Khoán Cơ Cấu vượt quá hạn mức tối đa theo quy định của pháp luật (tính tại ngày chuyển quyền sở hữu chứng khoán cơ cấu cho Nhà Đầu Tư, Thành Viên Lập Quỹ) hoặc dẫn tới Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư đó sở hữu trên hai mươi lăm (25%) số cổ phiếu đang lưu hành của một tổ chức bao gồm cả cổ phiếu hiện có trên tài khoản lưu ký của Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư, hoặc Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư sở hữu cổ phiếu phát hành bởi chính Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư đó thì Trung Tâm Lưu Ký Chứng Khoán có trách nhiệm thông báo cho Công Ty Quản Lý Quỹ và yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ, Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư thực hiện:
- a) Trường hợp là nhà đầu tư nước ngoài, Công Ty Quản Lý Quỹ phải bán số Chứng Khoán Cơ Cấu vượt tỷ lệ sở hữu tối đa và thanh toán cho Nhà Đầu Tư này bằng hình thức chuyển khoản;
- b) Trường hợp chuyển hoàn Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu cho Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư dẫn tới Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư đó sở hữu trên hai mươi lăm phần trăm (25%) số cổ phiếu đang lưu hành của một tổ chức bao gồm cả cổ phiếu hiện có trên tài khoản lưu ký của

Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư, hoặc Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư sở hữu cổ phiếu phát hành bởi chính Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư mà Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư đó chưa thực hiện thủ tục chào mua công khai hoặc giao dịch cổ phiếu quỹ theo quy định của pháp luật liên quan, thì Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm bán phần chứng khoán vượt trội so với tỷ lệ phải thực hiện chào mua công khai hoặc bán toàn bộ phần chứng khoán phát hành bởi chính Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư đó và thanh toán bằng tiền cho các Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư này;

Việc thanh toán tiền cho các Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư quy định tại khoản này phụ thuộc vào tiến độ bán thanh lý phần chứng khoán vượt quá các tỷ lệ sở hữu tối đa hoặc tỷ lệ sở hữu phải thực hiện chào mua công khai, giao dịch ký quỹ theo quy định. Khoản thanh toán cho nhà đầu tư là giá trị giao dịch, sau khi khấu trừ thuế (nếu có), chi phí giao dịch theo quy định của pháp luật liên quan;

Nếu phát sinh cổ tức hoặc quyền mua trong thời gian Công Ty Quản Lý Quỹ thực hiện bán các Chứng Khoán Cơ Cấu vượt quá tỷ lệ nêu trên, Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ thực hiện theo nguyên tắc sau:

- (i) Đối với cổ tức bằng tiền: Nhà Đầu Tư, Thành Viên Lập Quỹ sẽ được thanh toán bằng tiền sau khi Quỹ ETF nhận được khoản tiền cổ tức này.
- (ii) Đối với cổ tức bằng cổ phiếu, cổ phiếu thường thì Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ thanh toán bằng tiền sau khi nhận số lượng cổ phiếu đó và thực hiện bán thành công.
- (iii) Đối với quyền mua thì Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ sử dụng khoản tiền từ việc bán số chứng khoán đó (nếu đã bán thành công trước đó) để thực hiện quyền mua với điều kiện giá thực hiện nhỏ hơn giá thị trường tại ngày đăng ký thực hiện quyền, sau khi cổ phiếu thực hiện bằng quyền mua về tài khoản của Quỹ thì Quỹ sẽ thực hiện bán số cổ phiếu này và thanh toán tiền cho Nhà Đầu Tư, Thành Viên Lập Quỹ.
- (iv) Những khoản thanh toán liên quan đến việc hưởng cổ tức hoặc quyền nêu trên sẽ được thực hiện sau ba (3) ngày làm việc kể từ ngày Quỹ ETF nhận tiền hoặc thực hiện việc bán thành công các cổ phiếu phát sinh từ cổ tức, cổ phiếu thường hoặc từ việc thực hiện quyền này.
- (v) Khoản thanh toán cho Nhà Đầu Tư là giá trị giao dịch, sau khi khấu trừ thuế, chi phí giao dịch theo quy định của pháp luật liên quan;
- (vi) Việc phân bổ số tiền hoàn lại cho Thành Viên Lập Quỹ/Nhà Đầu Tư được thực hiện theo nguyên tắc sau:
 - Tính toán theo nguyên tắc ưu tiên về thời gian (FIFO) đối với các giao dịch bán chứng khoán ở các kỳ hoán đổi khác nhau, tiếp theo là tỷ lệ đối với các giao dịch bán chứng khoán ở cùng kỳ hoán đổi.
 - Tỷ lệ phân bổ sẽ phụ thuộc vào khả năng thanh toán của Quỹ cũng như số tiền thu được từ việc bán chứng khoán thông qua giao dịch khớp lệnh.
- (vii) Việc thực hiện lệnh bán hộ cho Thành Viên Lập Quỹ/Nhà Đầu Tư được thực hiện theo quy định tại Bản Cáo Bạch.
- c) Trường hợp Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư bị hạn chế sở hữu vì các lý do khác theo quy định của pháp luật hoặc quy định tại điều lệ của Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư đó, Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư có trách nhiệm bán số Chứng Khoán Cơ Cấu vượt hạn chế sở hữu trong ngày giao dịch kế tiếp sau ngày thanh toán. Trong thời gian chưa điều chỉnh tỷ lệ sở hữu về các

hạn mức theo quy định của pháp luật, Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư không được thực hiện quyền biểu quyết trong đại hội cổ đông của các tổ chức phát hành đối với số Chứng Khoán Cơ Cấu vượt hạn chế sở hữu theo quy định của pháp luật.

5. Công Ty Quản Lý Quỹ có quyền tạm ngừng nhận, thực hiện các lệnh giao dịch hoán đổi lấy các Lô Chứng Chỉ Quỹ ETF từ Nhà Đầu Tư một trong các trường hợp sau:
 - a) Sở Giao Dịch Chứng Khoán thay đổi cơ cấu danh mục của Chỉ Số Tham Chiếu;
 - b) Tổ chức phát hành chứng khoán có trong danh mục đầu tư của Quỹ ETF bị phá sản, giải thể, tạm ngừng giao dịch, hủy niêm yết; hoặc Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu, Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ ETF không thể xác định được tại ngày giao dịch liền trước Ngày Giao Dịch Hoán Đổi do Sở Giao Dịch Chứng Khoán quyết định đình chỉ giao dịch chứng khoán trong danh mục đầu tư của Quỹ;
 - c) Cơ cấu lại Danh Mục Đầu Tư nhằm giảm mức sai lệch so với Chỉ Số Tham Chiếu;
 - d) Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát, Trung Tâm Lưu Ký Chứng Khoán không thể thực hiện được việc hoán đổi danh mục do nguyên nhân bất khả kháng;
 - e) Sở Giao Dịch Chứng Khoán ngừng cung cấp, công bố Chỉ Số Tham Chiếu mà chưa có chỉ số tham chiếu thay thế;
 - f) Công Ty Quản Lý Quỹ đang trong giai đoạn chuyển đổi Chỉ Số Tham Chiếu sang một chỉ số tham chiếu khác theo chấp thuận của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước;
 - g) Công Ty Quản Lý Quỹ nhận thấy việc thực hiện các lệnh giao dịch hoán đổi có thể dẫn đến danh mục đầu tư của quỹ vi phạm quy định về hạn chế đầu tư theo quy định của pháp luật và tại Điều Lệ Quỹ này;
 - h) Các trường hợp khác phù hợp với quy định pháp luật hoặc Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước xét thấy là cần thiết.
6. Trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện quy định tại Khoản 6 Điều này, Công Ty Quản Lý Quỹ phải báo cáo Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước đồng thời công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Sở Giao Dịch Chứng Khoán, Công Ty Quản Lý Quỹ, Đại Lý Phân Phối, Thành Viên Lập Quỹ và phải tiếp tục thực hiện việc hoán đổi danh mục ngay sau khi các sự kiện này chấm dứt.
7. Thời hạn tạm ngừng giao dịch Chứng Chỉ Quỹ: không được kéo dài quá ba mươi (30) ngày, kể từ Ngày Giao Dịch Hoán Đổi gần nhất. Trường hợp việc tạm ngừng giao dịch hoán đổi do nguyên nhân quy định tại Điểm a, b Khoản 6 Điều này, thời hạn tạm ngừng nhận, thực hiện các lệnh giao dịch hoán đổi không quá ba (03) ngày làm việc trước và sau khi kết thúc các sự kiện đó.
8. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày kết thúc thời hạn tạm ngừng giao dịch Chứng Chỉ Quỹ theo quy định tại Khoản 8 Điều này mà các nguyên nhân dẫn tới tình trạng tạm ngừng hoạt động chưa được khắc phục, Công Ty Quản Lý Quỹ phải tổ chức họp bất thường để lấy ý kiến Đại Hội Nhà Đầu Tư về việc giải thể Quỹ, hoặc tiếp tục kéo dài thời hạn tạm ngừng giao dịch Chứng Chỉ Quỹ. Trong thời hạn triệu tập Đại Hội Nhà Đầu Tư, nếu các nguyên nhân dẫn tới việc tạm ngừng giao dịch Chứng Chỉ Quỹ chấm dứt, Công Ty Quản Lý Quỹ được hủy bỏ việc triệu tập Đại Hội Nhà Đầu Tư.
9. Giá Dịch Vụ Phát Hành, Giá Dịch Vụ Mua Lại
 - a) Giá Dịch Vụ Phát Hành:

- (i) Là giá dịch vụ mà Nhà Đầu Tư, Thành Viên Lập Quỹ phải trả cho Công ty Quản Lý Quỹ khi thực hiện giao dịch hoán đổi Chứng Khoán Cơ Cấu lấy Chứng Chỉ Quỹ, sau khi Quỹ được thành lập. Giá Dịch Vụ này được thu khi thực hiện giao dịch hoán đổi, và được tính theo tỷ lệ phần trăm trên giá trị giao dịch Chứng Chỉ Quỹ.

Giá Dịch Vụ Phát Hành áp dụng đối với Thành Viên Lập Quỹ được quy định tại hợp đồng thành viên lập quỹ và không vượt quá 0,5% giá trị giao dịch.

- (ii) Giá Dịch Vụ Phát Hành áp dụng đối với Thành Viên Lập Quỹ làm Tổ Chức Tạo Lập Thị Trường được quy định tại hợp đồng tổ chức tạo lập thị trường và không vượt quá 0,5% giá trị giao dịch.

- (iii) Giá Dịch Vụ Phát Hành áp dụng đối với nhà đầu tư không vượt quá 1% giá trị giao dịch.

b) Giá Dịch Vụ Mua Lại:

- (i) Là giá dịch vụ mà Nhà Đầu Tư/Thành Viên Lập Quỹ phải trả khi thực hiện giao dịch hoán đổi Chứng Chỉ Quỹ lấy Chứng Khoán Cơ Cấu, sau khi Quỹ được thành lập. Giá Dịch Vụ này được thu khi thực hiện giao dịch hoán đổi, và được tính theo tỷ lệ phần trăm trên giá trị giao dịch Chứng Chỉ Quỹ.

- (ii) Giá Dịch Vụ Mua Lại sẽ được trừ vào số tiền chênh lệch giữa giá trị của Lô Chứng Chỉ Quỹ và giá trị Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu, trong trường hợp Giá Dịch Vụ Mua Lại lớn hơn phần tiền chênh lệch, Nhà Đầu Tư phải chuyển khoản phần tiền còn thiếu này vào tài khoản của Quỹ ETF tại Ngân Hàng Giám Sát chậm nhất vào 11h00 ngày T+1 (một ngày làm việc kể từ Ngày Giao Dịch Hoán Đổi).

- (iii) Giá Dịch Vụ Mua Lại áp dụng đối với Thành Viên Lập Quỹ được quy định tại hợp đồng thành viên lập quỹ và không vượt quá 0,5% giá trị giao dịch.

- (iv) Giá Dịch Vụ Mua Lại áp dụng đối với Thành Viên Lập Quỹ làm Tổ Chức Tạo Lập Thị Trường được quy định tại hợp đồng tổ chức tạo lập thị trường và không vượt quá 0,5% giá trị giao dịch.

- (v) Giá Dịch Vụ Mua Lại áp dụng đối với nhà đầu tư không vượt quá 1% giá trị giao dịch.

Các mức giá dịch vụ cụ thể được quy định tại Bản Cáo Bạch, Bản Cáo Bạch Tóm Tắt, trên trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc dưới các hình thức khác. Việc thanh toán các khoản giá dịch vụ được quy định cụ thể tại Bản Cáo Bạch.

- c) Việc điều chỉnh mức Giá Dịch Vụ Phát Hành và Giá Dịch Vụ Mua Lại áp dụng đối với Thành Viên Lập Quỹ và Thành Viên Lập Quỹ là Tổ Chức Tạo Lập Thị Trường được thực hiện theo thỏa thuận giữa Công Ty Quản Lý Quỹ và Thành Viên Lập Quỹ, Thành Viên Lập Quỹ là Tổ Chức Tạo Lập Thị Trường.

- d) Việc tăng các mức Giá Dịch Vụ Phát Hành và Giá Dịch Vụ Mua Lại áp dụng đối với Nhà Đầu Tư chỉ được thực hiện khi mức giá dịch vụ sau khi tăng không vượt quá 1% giá trị giao dịch. Thời điểm áp dụng mức giá dịch vụ sau khi tăng sớm nhất là sau ba mươi (30) ngày kể từ ngày Công Ty Quản Lý Quỹ công bố về các mức giá dịch vụ mới trên trang thông tin điện tử của Công Ty.

- e) Trường hợp giảm mức Giá Dịch Vụ Phát Hành và Giá Dịch Vụ Mua Lại áp dụng đối với Nhà Đầu Tư so với quy định tại Bản Cáo Bạch, Bản Cáo Bạch Tóm Tắt, thời điểm áp dụng mức giá dịch vụ mới sớm nhất là kể từ ngày Bản Cáo Bạch, Bản Cáo Bạch Tóm Tắt công bố về mức giá dịch vụ mới có hiệu lực.

Điều 17. Giao dịch Chứng Chỉ Quỹ ETF trên Sở Giao Dịch Chứng Khoán

1. Nhà Đầu Tư, Thành Viên Lập Quỹ giao dịch Chứng Chỉ Quỹ ETF đã niêm yết thông qua hệ thống giao dịch của Sở Giao Dịch Chứng Khoán theo nguyên tắc sau:
 - a) Nhà Đầu Tư, Thành Viên Lập Quỹ đặt lệnh giao dịch trên các tài khoản giao dịch chứng khoán của mình. Hoạt động giao dịch và thanh toán giao dịch thực hiện theo quy định về giao dịch chứng khoán của Sở Giao Dịch Chứng Khoán, Trung Tâm Lưu Ký Chứng Khoán;
 - b) Đơn vị giao dịch thực hiện theo quy định của Sở Giao Dịch Chứng Khoán nơi Chứng Chỉ Quỹ ETF niêm yết;
 - c) Chứng Chỉ Quỹ có thể được sử dụng trong hoạt động cho vay mua kỳ quỹ và các hoạt động khác phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán.
2. Thành Viên Lập Quỹ chỉ được bán Chứng Chỉ Quỹ, bán Chứng Khoán Cơ Cấu trên hệ thống của Sở Giao Dịch Chứng Khoán khi bảo đảm có đủ Chứng Chỉ Quỹ ETF, Chứng Khoán Cơ Cấu để chuyển giao trước thời điểm thanh toán theo quy định của Trung Tâm Lưu Ký Chứng Khoán. Số Chứng Chỉ Quỹ ETF, Chứng Khoán Cơ Cấu này bao gồm số Chứng Chỉ Quỹ, số Chứng Khoán Cơ Cấu đã có sẵn trên tài khoản của Thành Viên Lập Quỹ tại ngày thực hiện giao dịch, số Chứng Chỉ Quỹ, số Chứng Khoán Cơ Cấu nhận được trước hoặc vào ngày thanh toán từ giao dịch hoán đổi trên cơ sở Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu, số Chứng Chỉ Quỹ ETF có được trong các giao dịch mua trên thị trường hoặc giao dịch vay trên hệ thống của Trung Tâm Lưu Ký Chứng Khoán đã thực hiện thành công trước đó.

Điều 18. Giá Phát Hành, Giá Mua Lại

1. Giá Phát Hành: là mức giá nhà đầu tư phải thanh toán để mua một (01) Lô Chứng Chỉ Quỹ.
Giá Phát Hành bằng Giá Trị Tài Sản Ròng trên một (01) Lô Chứng Chỉ Quỹ tính tại cuối ngày liền trước Ngày Giao Dịch Hoán Đổi cộng thêm Giá Dịch Vụ Phát Hành.
2. Giá Mua Lại: là mức giá mà Công Ty Quản Lý Quỹ phải thanh toán cho Nhà Đầu Tư đặt lệnh hoán đổi Lô Chứng Chỉ Quỹ lấy Chứng Khoán Cơ Cấu.
Giá Mua Lại: bằng Giá Trị Tài Sản Ròng trên một (01) Lô Chứng Chỉ Quỹ tính tại cuối ngày liền trước Ngày Giao Dịch trừ đi Giá Dịch Vụ Mua Lại.

Điều 19. Chuyển nhượng phi thương mại

1. Các giao dịch chuyển nhượng phi thương mại (tặng cho, thừa kế,...) Chứng Chỉ Quỹ ETF được thực hiện tương tự việc chuyển quyền sở hữu các chứng khoán niêm yết ngoài hệ thống giao dịch của Sở Giao Dịch Chứng Khoán được quy định tại quy chế hoạt động đăng ký chứng khoán do Trung Tâm Lưu Ký Chứng Khoán ban hành.
2. Việc tặng cho, thừa kế Chứng Chỉ Quỹ phải phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành. Quỹ không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ tranh chấp nào liên quan đến việc tặng cho, thừa kế và/hoặc người tặng cho, thừa kế.
3. Tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng sẽ đăng ký người nhận tặng cho, người thừa kế hợp pháp trong Sổ Đăng Ký Nhà Đầu Tư sau khi người nhận tặng cho, người thừa kế đó đã cung cấp đầy đủ bằng chứng hợp pháp về việc tặng cho, thừa kế và người nhận tặng cho, người thừa kế đó xác nhận và cam kết rằng các thông tin cung cấp là trung thực, chính xác và việc nhận tặng cho, thừa kế không có bất kỳ tranh chấp nào.

Điều 20. Giải pháp cho vấn đề thua lỗ của Quỹ

Trong trường hợp Quỹ bị thua lỗ, Nhà Đầu Tư có thể thực hiện bán lại Chứng Chỉ Quỹ hoặc yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát giải trình theo quy định tại Điều Lệ này.

Chương IV ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ

Điều 21. Đại Hội Nhà Đầu Tư

1. Đại Hội Nhà Đầu Tư là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Quỹ. Tất cả các Nhà Đầu Tư có tên trong Sổ Đăng Ký Nhà Đầu Tư tại thời điểm chốt danh sách để triệu tập cuộc họp đều có quyền tham dự Đại Hội Nhà Đầu Tư.
2. Đại Hội Nhà Đầu Tư được tổ chức theo thông báo của Công Ty Quản Lý Quỹ. Quỹ không bắt buộc phải tổ chức Đại Hội Nhà Đầu Tư thường niên.
3. Đại Hội Nhà Đầu Tư bất thường được triệu tập trong các trường hợp sau:
 - a) Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc Ngân Hàng Giám Sát hoặc Ban Đại Diện Quỹ khi xét thấy là cần thiết vì quyền lợi của Quỹ;
 - b) Theo yêu cầu của Nhà Đầu Tư hoặc nhóm Nhà Đầu Tư quy định tại điểm b, Khoản 3 Điều 13 Điều Lệ này.
4. Việc tổ chức Đại Hội Nhà Đầu Tư bất thường theo quy định tại Khoản 3 Điều này phải được thực hiện trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày Công Ty Quản Lý Quỹ nhận được yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại Hội Nhà Đầu Tư trong đó nêu rõ lý do và mục tiêu của việc triệu tập họp bất thường Đại Hội Nhà Đầu Tư.
5. Trường hợp Công Ty Quản Lý Quỹ không triệu tập họp Đại Hội Nhà Đầu Tư theo quy định tại khoản 4 Điều này, Công Ty Quản Lý Quỹ phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Quỹ (nếu có). Trường hợp Công Ty Quản Lý Quỹ không triệu tập họp Đại Hội Nhà Đầu Tư theo quy định tại khoản 4 Điều này, trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban Đại Diện Quỹ hoặc Ngân Hàng Giám Sát thay thế Công Ty Quản Lý quỹ triệu tập họp Đại Hội Nhà Đầu Tư theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều Lệ này.

Điều 22. Quyền và nghĩa vụ của Đại Hội Nhà Đầu Tư

1. Sửa đổi, bổ sung Điều Lệ Quỹ;
2. Quyết định các thay đổi cơ bản trong chính sách, mục tiêu đầu tư của quỹ quy định tại Điều Lệ Quỹ; thay đổi mức giá dịch vụ trả cho Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát; thay đổi Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát;
3. Sáp nhập Quỹ, hợp nhất Quỹ;
4. Chia, tách quỹ;
5. Giải thể Quỹ, thay đổi thời hạn hoạt động của Quỹ;
6. Quyết định phương án phân phối lợi tức;

7. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Ban Đại Diện Quý và thành viên của Ban Đại Diện Quý; quyết định mức thù lao và chi phí hoạt động của Ban Đại Diện Quý;
8. Thông qua việc lựa chọn tổ chức kiểm toán được chấp thuận để kiểm toán báo cáo tài chính hàng năm của Quý, tổ chức định giá độc lập (nếu có); thông qua các báo cáo về tình hình tài chính, tài sản và hoạt động hàng năm của Quý;
9. Xem xét và xử lý vi phạm của Công Ty Quản Lý Quý, Ngân Hàng Giám Sát và Ban Đại Diện Quý gây tổn thất cho Quý;
10. Yêu cầu Công Ty Quản Lý Quý, Ngân Hàng Giám Sát trình sổ sách hoặc giấy tờ giao dịch tại Đại Hội Nhà Đầu Tư;
11. Các quyền khác theo quy định pháp luật và tại Điều Lệ Quý.

Điều 23. Điều kiện, thể thức tiến hành họp Đại Hội Nhà Đầu Tư

1. Chương trình, nội dung họp của Đại Hội Nhà Đầu Tư phải được thông báo công khai cho Nhà Đầu Tư và báo cáo Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước tối thiểu bảy (7) ngày làm việc trước khi tiến hành Đại Hội.
2. Cuộc họp Đại Hội Nhà Đầu Tư được tiến hành khi có số Nhà Đầu Tư tham dự đại diện cho trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết. Hình thức tham gia và biểu quyết là trực tiếp, hoặc ủy quyền tham gia và biểu quyết, hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa (gửi thư, fax, thư điện tử, tham dự hội nghị trực tuyến, Bỏ Phiếu Điện Tử hoặc hình thức điện tử khác) hoặc các hình thức khác.
3. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này, cuộc họp lần thứ hai được triệu tập trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày cuộc họp lần thứ nhất dự định khai mạc. Trong trường hợp này, Đại Hội Nhà Đầu Tư được tiến hành không phụ thuộc vào số Nhà Đầu Tư tham dự.
4. Thể thức họp Đại Hội Nhà Đầu Tư:
 - a) Đại Hội Nhà Đầu Tư có thể được tổ chức dưới hình thức họp tập trung hoặc không tập trung bằng cách thông qua lấy ý kiến bằng văn bản. Trường hợp cuộc họp Đại Hội Nhà Đầu Tư được tổ chức đồng thời ở nhiều địa điểm khác nhau thì địa điểm họp Đại Hội Nhà Đầu Tư được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp.
 - b) Đại Hội Nhà Đầu Tư do Chủ tịch Ban Đại Diện Quý chủ trì. Trường hợp Chủ tịch Ban Đại Diện Quý vắng mặt thì các thành viên còn lại chỉ định một thành viên Ban Đại Diện Quý đứng ra chủ trì.
5. Tất cả các cuộc họp của Đại Hội Nhà Đầu Tư phải được lập thành biên bản và lưu giữ tại trụ sở chính của Công Ty Quản Lý Quý.
6. Đại Hội Nhà Đầu Tư có thể được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản, ngoại trừ trường hợp buộc phải tổ chức họp theo quy định tại khoản 7 Điều này. Nguyên tắc, nội dung, trình tự, thủ tục lấy ý kiến Nhà Đầu Tư bằng văn bản:
 - a) Công Ty Quản Lý Quý phải chuẩn bị phiếu/thư lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu/thư lấy ý kiến được gửi bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của Nhà Đầu Tư. Tài liệu họp được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quý và Công Ty Quản Lý Quý sẽ gửi tài liệu họp cho Nhà Đầu Tư nếu Nhà Đầu Tư có yêu cầu.

- b) Phiếu/thư lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- (i) Tên, số và ngày cấp Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Thành Lập Quỹ; tên, trụ sở chính, số và ngày cấp giấy phép thành lập Công Ty Quản Lý Quỹ;
 - (ii) Mục đích lấy ý kiến;
 - (iii) Họ, tên, địa chỉ, quốc tịch, số định danh cá nhân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của Nhà Đầu Tư là cá nhân; tên, địa chỉ, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của Nhà Đầu Tư và đại diện theo uỷ quyền của Nhà Đầu Tư là tổ chức; số lượng Chứng Chỉ Quỹ của từng loại và số phiếu biểu quyết của Nhà Đầu Tư;
 - (iv) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - (v) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - (vi) Thời hạn phải gửi về Công Ty Quản Lý Quỹ phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - (vii) Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công Ty Quản Lý Quỹ;
- c) Ý kiến của Nhà Đầu Tư gửi về Công Ty Quản Lý Quỹ theo một trong các hình thức sau: gửi thư, fax, thư điện tử, Bỏ Phiếu Điện Tử hoặc hình thức khác. Các ý kiến gửi về Công Ty Quản Lý Quỹ sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu/thư lấy ý kiến đều không hợp lệ. Phiếu/thư lấy ý kiến không được gửi về được coi là không tham gia biểu quyết.
- d) Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- (i) Tên, số và ngày cấp Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Thành Lập Quỹ; tên, trụ sở chính, số và ngày cấp giấy phép thành lập Công Ty Quản Lý Quỹ;
 - (ii) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - (iii) Số Nhà Đầu Tư với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách Nhà Đầu Tư tham gia biểu quyết;
 - (iv) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
 - (v) Các quyết định đã được thông qua.
- e) Những người tham gia kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.
- f) Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công Ty Quản Lý Quỹ;
- g) Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến Nhà Đầu Tư bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại Hội Nhà Đầu Tư.
7. Trong trường hợp lấy ý kiến về các vấn đề quy định tại khoản 2, 3, 4, 5 Điều 22 Điều Lệ này, Công Ty Quản Lý Quỹ buộc phải tổ chức họp Đại Hội Nhà Đầu Tư.

Điều 24. Thông qua Quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư

1. Mỗi Chứng Chỉ Quỹ sẽ có một quyền biểu quyết. Ngân Hàng Giám Sát, Công Ty Quản Lý Quỹ, tổ chức kiểm toán, tổ chức cung cấp dịch vụ tư vấn luật cho Quỹ được quyền tham gia Đại Hội Nhà Đầu Tư nhưng không được biểu quyết.
2. Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết, lấy ý kiến bằng văn bản.
3. Trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này, quyết định tại cuộc họp của Đại Hội Nhà Đầu Tư được thông qua khi được số Nhà Đầu Tư đại diện trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết của các Nhà Đầu Tư dự họp tán thành.
4. Đối với các nội dung quy định tại khoản 2, 3, 4, 5 Điều 22 Điều Lệ này, quyết định tại cuộc họp được thông qua khi số Nhà Đầu Tư đại diện trên sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số phiếu biểu quyết của các Nhà Đầu Tư dự họp tán thành.
5. Trường hợp lấy ý kiến Đại Hội Nhà Đầu Tư dưới hình thức bằng văn bản, quyết định được thông qua nếu được số Nhà Đầu Tư đại diện cho trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết của các Nhà Đầu Tư có quyền biểu quyết tán thành.
6. Công Ty Quản Lý Quỹ và Ban Đại Diện Quỹ có trách nhiệm đảm bảo rằng mọi quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư phù hợp với quy định pháp luật và Điều Lệ Quỹ. Trong trường hợp quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư không phù hợp với quy định của pháp luật và Điều Lệ Quỹ thì phải tổ chức lại cuộc họp Đại Hội Nhà Đầu Tư để lấy ý kiến hoặc lấy ý kiến Nhà Đầu Tư bằng văn bản.
7. Trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ sau khi kết thúc Đại Hội Nhà Đầu Tư hoặc sau ngày kết thúc việc kiểm phiếu lấy ý kiến Nhà Đầu Tư bằng văn bản, Công Ty Quản Lý Quỹ, Ban Đại Diện Quỹ có trách nhiệm lập biên bản và nghị quyết Đại Hội và gửi cho Ngân Hàng Giám Sát, cung cấp cho Nhà Đầu Tư và công bố thông tin theo quy định của pháp luật trên trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ.
8. Những nghị quyết của Đại Hội Nhà Đầu Tư được thông qua không phù hợp với quy định của pháp luật và Điều Lệ sẽ không có hiệu lực pháp lý và giá trị thi hành. Những nghị quyết này mặc nhiên bị hủy. Đồng thời, Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm thông báo cho Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước và Nhà Đầu Tư về việc nghị quyết không có hiệu lực thi hành và bị hủy.

Điều 25. Phản đối quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư

1. Nhà Đầu Tư phản đối quyết định đã được thông qua bởi Đại Hội Nhà Đầu Tư về một số các nội dung quy định tại Khoản 2, 3, 4, 5 Điều 22 có quyền yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ mua lại Chứng Chỉ Quỹ của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của Nhà Đầu Tư, số lượng Chứng Chỉ Quỹ, lý do yêu cầu mua lại. Yêu cầu phải được Nhà Đầu Tư gửi tới trụ sở chính của Công Ty Quản Lý Quỹ trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua quyết định về các vấn đề nêu trên.
2. Trong thời hạn bốn mươi lăm (45) ngày, kể từ ngày công bố kết quả họp Đại Hội Nhà Đầu Tư, Công Ty Quản Lý Quỹ phải hoàn tất việc mua lại Chứng Chỉ Quỹ cho Nhà Đầu Tư phản đối quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư theo quy định tại Khoản 1 Điều này. Trong trường hợp này, mức giá mua lại được xác định trên cơ sở Giá Trị Tài Sản Ròng xác định tại ngày họp Đại Hội Nhà Đầu Tư và Nhà Đầu Tư không phải thanh toán Giá Dịch Vụ Mua Lại.

Chương V
BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Điều 26. Ban Đại Diện Quỹ

1. Ban Đại Diện Quỹ đại diện cho Nhà Đầu Tư, được bầu tại các cuộc họp Đại Hội Nhà Đầu Tư hoặc được Nhà Đầu Tư cho ý kiến bằng văn bản. Ban Đại Diện Quỹ có từ ba (03) đến mười một (11) thành viên, trong đó có ít nhất hai phần ba (2/3) là các thành viên độc lập, không phải là người có liên quan tới Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát hoặc đại diện theo ủy quyền của các tổ chức này.
2. Trong Ban Đại Diện Quỹ phải có:
 - a) Tối thiểu một (01) thành viên độc lập có trình độ, chuyên môn, có kinh nghiệm trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán;
 - b) Tối thiểu một (01) thành viên độc lập có trình độ, chuyên môn và kinh nghiệm trong hoạt động phân tích đầu tư chứng khoán hoặc quản lý tài sản;
 - c) Tối thiểu một (01) thành viên có trình độ chuyên môn về pháp luật.
3. Trong quá trình hoạt động, trường hợp thành viên Ban Đại Diện Quỹ bị đình chỉ hoặc bãi nhiệm, hoặc trường hợp cơ cấu Ban Đại Diện Quỹ hoặc thành viên không còn đáp ứng điều kiện, trong thời hạn mười lăm (15) ngày sau khi có sự thay đổi, Ban Đại Diện Quỹ và Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm chọn thành viên đáp ứng quy định để tạm thời thay thế. Thành viên tạm thời thay thế sẽ thực hiện quyền và nghĩa vụ của thành viên Ban Đại Diện Quỹ cho đến khi Đại Hội Nhà Đầu Tư chính thức bổ nhiệm thành viên thay thế.
4. Công Ty Quản Lý Quỹ phải thông báo công khai trên trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ việc thay đổi cơ cấu Ban Đại Diện Quỹ cho nhà đầu tư và báo cáo cho Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước.
5. Việc đề cử, ứng cử thành viên Ban Đại Diện Quỹ phải tuân thủ các quy định của pháp luật về doanh nghiệp và chứng khoán.

Điều 27. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn lựa chọn thành viên Ban Đại Diện Quỹ

1. Nhiệm kỳ của thành viên Ban Đại Diện Quỹ không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Thành viên Ban Đại Diện Quỹ phải đảm bảo các điều kiện sau:
 - a) Có đủ năng lực hành vi dân sự;
 - b) Có trình độ chuyên môn về kế toán, kiểm toán hoặc phân tích đầu tư chứng khoán, quản lý tài sản và/hoặc pháp luật.
3. Những người sau đây không được là thành viên Ban Đại Diện Quỹ:
 - a) Các trường hợp thực hiện theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và chứng khoán áp dụng đối với thành viên hội đồng quản trị;

- b. Là thành viên của trên 05 ban đại diện quỹ đại chúng, hội đồng quản trị công ty đầu tư chứng khoán đại chúng.
4. Trong trường hợp người đại diện theo ủy quyền của Nhà Đầu Tư tổ chức là thành viên Ban Đại Diện Quỹ, việc thay đổi người đại diện theo ủy quyền đó của Nhà Đầu Tư tổ chức là sự kiện để chấm dứt tư cách thành viên Ban Đại Diện Quỹ đối với người bị thay đổi. Người được cử làm người đại diện theo ủy quyền mới của Nhà Đầu Tư tổ chức nêu trên không đương nhiên trở thành thành viên Ban Đại Diện Quỹ mà chỉ trở thành thành viên Ban Đại Diện Quỹ nếu được bầu theo quy định tại Điều Lệ này.

Điều 28. Quyền và nghĩa vụ của Ban Đại Diện Quỹ

1. Đại diện cho quyền lợi của Nhà Đầu Tư; thực hiện các hoạt động phù hợp với quy định pháp luật để bảo vệ quyền lợi của Quỹ và Nhà Đầu Tư.
2. Trung thành với lợi ích của Quỹ, tránh xung đột về quyền lợi, gây thiệt hại cho Quỹ, bảo đảm tuân thủ các nguyên tắc trong trường hợp có mâu thuẫn về lợi ích giữa thành viên và Quỹ, giữa thành viên và những người có liên quan của Quỹ.
3. Quyết định các vấn đề chưa có sự thống nhất giữa Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát trên cơ sở quy định của pháp luật.
4. Phê duyệt Sổ Tay Định Giá giá trị tài sản ròng của Quỹ, danh sách các tổ chức cung cấp báo giá; phê duyệt danh sách các tổ chức tín dụng mà Quỹ sẽ gửi tiền, đầu tư vào công cụ thị trường tiền tệ theo quy định tại Mục (i) Điểm b Khoản 3 Điều 9 Điều Lệ này. Các quyết định này phải được đưa ra trên cơ sở thận trọng nhất để bảo đảm an toàn tài sản của Quỹ.
5. Chấp thuận các giao dịch tài sản của Quỹ thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ban Đại Diện Quỹ theo quy định của pháp luật và quy định tại Điều Lệ này.
6. Quyết định mức lợi nhuận phân phối theo phương án phân chia lợi nhuận quy định tại Điều Lệ Quỹ hoặc đã được Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua; thời điểm thực hiện, cách thức, hình thức phân phối lợi nhuận;
7. Yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát kịp thời cung cấp đầy đủ các tài liệu, thông tin về hoạt động quản lý tài sản và hoạt động giám sát.
8. Thực hiện các nghị quyết của Đại Hội Nhà Đầu Tư và các quyết định của Ban Đại Diện Quỹ.
9. Kiến nghị việc thay đổi Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc Ngân Hàng Giám Sát.
10. Ban Đại Diện Quỹ không được trực tiếp hay gián tiếp:
 - a) Dùng tài sản Quỹ cho bất kỳ nhà đầu tư nào của Quỹ vay tiền;
 - b) Dùng tài sản Quỹ để bảo lãnh hay cung cấp tài sản thế chấp cho Nhà Đầu Tư vay tiền;
 - c) Dùng tài sản của Quỹ để bảo lãnh hoặc cung cấp tài sản thế chấp cho một công ty khác vay tiền;
 - d) Cung cấp các thông tin không được phép phổ biến của Quỹ cũng như của khách hàng cho bất kỳ ai.
11. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định pháp luật và tại Điều Lệ Quỹ.

Điều 29. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Ban Đại Diện Quỹ

Thành viên Ban Đại Diện Quỹ có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

1. Được cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Quỹ;

2. Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của Nhà Đầu Tư và của Quý; không được ủy quyền cho người khác thực hiện quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của mình đối với Quý;
3. Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Ban Đại Diện Quý và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;
4. Quyền, trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật và Điều Lệ này.

Điều 30. Chủ Tịch Ban Đại Diện Quý

1. Đại Hội Nhà Đầu Tư bầu Chủ Tịch Ban Đại Diện Quý trong số thành viên Ban Đại Diện Quý bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại Hội Nhà Đầu Tư hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Chủ Tịch Ban Đại Diện Quý phải là thành viên độc lập.
2. Chủ Tịch Ban Đại Diện Quý có các quyền và nhiệm vụ sau đây:
 - a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Ban Đại Diện Quý;
 - b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Ban Đại Diện Quý;
 - c) Theo dõi quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Ban Đại Diện Quý;
 - d) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định pháp luật và tại Điều Lệ Quý.
3. Trường hợp Chủ Tịch Ban Đại Diện Quý vắng mặt hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ được giao thì thành viên Ban Đại Diện Quý được Chủ Tịch ủy quyền sẽ thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ Tịch.
4. Trong trường hợp không có thành viên Ban Đại Diện Quý được ủy quyền thì các thành viên Ban Đại Diện Quý còn lại chỉ định một thành viên tạm thời giữ chức Chủ Tịch Ban Đại Diện Quý. Việc bầu lại Chủ Tịch Ban Đại Diện Quý sẽ được thực hiện tại Đại Hội Nhà Đầu Tư gần nhất.

Điều 31. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Ban Đại Diện Quý

1. Thành viên Ban Đại Diện Quý không còn tư cách thành viên Ban Đại Diện Quý trong các trường hợp sau:
 - a) Thành viên đó chết, hoặc bị toà án tuyên bố mất tích, chết hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc không đủ tư cách làm thành viên Ban Đại Diện Quý theo quy định của Điều Lệ Quý, quy định của pháp luật liên quan hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Ban Đại Diện Quý;
 - b) Thành viên đó bị khởi tố, truy tố;
 - c) Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công Ty Quản Lý Quý;
 - d) Thành viên đó không tham dự các cuộc họp của Ban Đại Diện Quý liên tục trong vòng sáu (06) tháng, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - e) Thành viên đó bị bãi nhiệm theo quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư;
 - f) Có văn bản thông báo thành viên Ban Đại Diện Quý chấm dứt tư cách đại diện theo ủy quyền của Nhà Đầu Tư tổ chức, Thành Viên Lập Quý.
2. Ban Đại Diện Quý và Công Ty Quản Lý Quý có thể bổ nhiệm người khác tạm thời làm thành viên Ban Đại Diện Quý để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận

tại Đại Hội Nhà Đầu Tư ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội Nhà Đầu Tư chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Ban Đại Diện Quý bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên Ban Đại Diện Quý mới được tính từ ngày việc bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của Ban Đại Diện Quý. Trong trường hợp thành viên mới không được Đại Hội Nhà Đầu Tư chấp thuận, mọi quyết định của Ban Đại Diện Quý cho đến trước thời điểm diễn ra Đại Hội Nhà Đầu Tư có sự tham gia biểu quyết của thành viên Ban Đại Diện Quý thay thế vẫn được coi là có hiệu lực.

Điều 32. Cuộc họp Ban Đại Diện Quý

1. Ban Đại Diện Quý tổ chức họp tối thiểu mỗi quý một (01) lần hoặc theo yêu cầu của Công Ty Quản Lý Quý.
2. Thể thức cuộc họp, chương trình họp và các tài liệu liên quan được thông báo cho các thành viên trước cuộc họp.
3. Quyết định của Ban đại diện quý được thông qua bằng biểu quyết tại các cuộc họp. Cuộc họp Ban Đại Diện Quý được tổ chức dưới hình thức trực tiếp, họp thông qua điện thoại, internet và các phương tiện truyền tin nghe, nhìn, hoặc dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản hoặc các hình thức khác mà Ban Đại Diện cho là phù hợp.
4. Cuộc họp Ban Đại Diện Quý được tổ chức khi có tối thiểu hai phần ba (2/3) thành viên dự họp, trong đó số các thành viên độc lập phải chiếm đa số (trên 50% số thành viên dự họp trở lên), bao gồm cả trường hợp thành viên Ban Đại Diện Quý không dự họp trực tiếp nhưng có gửi phiếu biểu quyết hoặc dự họp thông qua các phương thức khác.
5. Mỗi thành viên Ban Đại Diện Quý có một phiếu biểu quyết. Thành viên không trực tiếp dự họp có quyền biểu quyết thông qua bỏ phiếu bằng văn bản. Quyết định của Ban Đại Diện Quý được thông qua nếu được đa số thành viên và đa số thành viên độc lập dự họp thông qua..
6. Công Ty Quản Lý Quý và Ngân Hàng Giám Sát có quyền tham dự cuộc họp của Ban Đại Diện Quý nhưng không được quyền biểu quyết.

Điều 33. Biên bản họp Ban Đại Diện Quý

Biên bản họp Ban Đại Diện Quý phải được lập chi tiết và rõ ràng. Chủ tọa và thư ký phiên họp phải ký tên vào các biên bản họp. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Ban Đại Diện Quý tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp Ban Đại Diện Quý phải được lưu giữ tại Công Ty Quản Lý Quý theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và Điều Lệ Quý.

Chương VI

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Điều 34. Tiêu chuẩn lựa chọn Công Ty Quản Lý Quý

Công Ty Quản Lý Quý được lựa chọn phải thỏa mãn các điều kiện sau:

1. Đã được Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp phép hoạt động quản lý Quý; có đủ vốn theo quy định của pháp luật về thành lập, tổ chức và hoạt động công ty quản lý quỹ.

2. Hoàn toàn độc lập với Ngân Hàng Giám Sát.
3. Có đầy đủ khả năng thực hiện công tác quản lý Quỹ.
4. Đồng ý thực hiện các cam kết đối với Quỹ như nêu tại Phụ lục 1 và Phụ lục 3 của Điều Lệ này.

Điều 35. Quyền và nghĩa vụ của Công Ty Quản Lý Quỹ

1. Công Ty Quản Lý Quỹ có quyền sau:

- a) Lựa chọn Ngân Hàng Giám Sát theo các tiêu chuẩn quy định tại Điều 38 Điều Lệ này;
- b) Được ủy quyền cho Ngân Hàng Giám Sát và một số tổ chức được cung cấp các dịch vụ liên quan tới hoạt động quản lý quỹ thực hiện một số hoặc toàn bộ hoạt động quản trị quỹ. Công Ty Quản Lý Quỹ phải chịu trách nhiệm liên quan tới việc ủy quyền, và bảo đảm quan hệ ủy quyền trách nhiệm trong hoạt động quản trị quỹ cho các tổ chức này không gây ảnh hưởng bất lợi đến quyền lợi của Nhà Đầu Tư vào Quỹ;
- c) Có quyền từ chối phát hành Chứng Chỉ Quỹ cho những tổ chức, cá nhân không được phép đầu tư vào Quỹ theo quy định của Điều Lệ Quỹ hoặc pháp luật;
- d) Được thay mặt, đại diện cho Quỹ thực hiện mọi quyền lợi, nghĩa vụ, trách nhiệm đối với tài sản thuộc sở hữu của Quỹ theo quy định của pháp luật;
- e) Ký hợp đồng phân phối Chứng Chỉ Quỹ với Đại Lý Phân Phối Chứng Chỉ Quỹ, hợp đồng thành viên lập quỹ với Thành Viên Lập Quỹ, hợp đồng với Tổ Chức Tạo Lập Thị Trường (nếu cần);
- f) Sửa đổi, bổ sung Bản Cáo Bạch phù hợp với Điều Lệ Quỹ;
- g) Quyết định Giá Dịch Vụ Phát Hành, Giá Dịch Vụ Mua Lại Chứng Chỉ Quỹ trên khung giá dịch vụ được quy định tại Điều Lệ Quỹ và Bản Cáo Bạch;
- h) Yêu cầu Thành Viên Lập Quỹ, Đại Lý Phân Phối, Nhà Đầu Tư cung cấp đầy đủ thông tin mà Công Ty Quản Lý Quỹ cho là cần thiết nhằm mục đích tuân thủ quy định pháp luật;
- i) Được hưởng các khoản giá dịch vụ được quy định trong Điều Lệ Quỹ phù hợp với quy định của pháp luật;
- j) Quản lý các Quỹ khác trong và/hoặc ngoài Việt Nam, tiến hành các hoạt động kinh doanh khác phù hợp với quy định của pháp luật;
- k) Được tham gia các cuộc họp định kỳ và bất thường của Đại Hội Nhà Đầu Tư và của Ban Đại Diện Quỹ;
- l) Được quyết định các khoản đầu tư của Quỹ phù hợp với quy định của Điều Lệ này và các quy định khác của pháp luật;
- m) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và tại Điều Lệ này.

2. Công Ty Quản Lý Quỹ có nghĩa vụ sau:

- a) Tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty quản lý quỹ. Thực hiện việc quản lý tài sản của Quỹ theo Điều Lệ này và quy định pháp luật. Công Ty Quản Lý Quỹ tuân thủ các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp, tự nguyện và luôn hoạt động một cách công bằng, trung thực cho Quỹ và vì lợi ích của Nhà Đầu Tư, Thành Viên Lập Quỹ, tránh xung đột về lợi ích và hành động ngay tình trong trường hợp không thể tránh được xung đột về lợi ích;

- b) Công Ty Quản Lý Quỹ phải đảm bảo rằng tổ chức và nhân sự có năng lực và được cơ cấu để hoàn thành các nghĩa vụ đối với Nhà Đầu Tư, tuân thủ Điều Lệ này, pháp luật và thông lệ quốc tế tốt nhất;
- c) Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ bảo đảm việc ủy quyền cho bên thứ ba tuân thủ pháp luật và không ảnh hưởng bất lợi đến quyền lợi của Quỹ và Nhà Đầu Tư;
- d) Công ty Quản Lý Quỹ sẽ tách biệt tài sản của từng quỹ, tài sản của Công Ty Quản Lý Quỹ với các tài sản của Quỹ, và các tài sản khác do Công Ty Quản Lý Quỹ quản lý;
- e) Công Ty Quản Lý Quỹ phải chịu trách nhiệm cho những tổn thất đối với Quỹ do mình quản lý trong trường hợp Công Ty Quản Lý Quỹ không tuân thủ pháp luật và Điều Lệ này;
- f) Công Ty Quản Lý Quỹ đảm bảo tuân thủ các quy định đối với hoạt động của Công Ty Quản Lý Quỹ và nhân viên của Công Ty Quản Lý Quỹ theo quy định tại Thông Tư số 99/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 hướng dẫn về hoạt động của công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có).
- g) Thực hiện các cam kết của Công Ty Quản Lý Quỹ được nêu tại Phụ Lục 1 của Điều Lệ này.

Điều 36. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Công Ty Quản Lý Quỹ

1. Công Ty Quản Lý Quỹ chấm dứt quyền và nghĩa vụ của mình đối với Quỹ trong các trường hợp sau:
 - a) Công Ty Quản Lý Quỹ tự nguyện đề nghị chấm dứt quyền, nghĩa vụ đối với Quỹ;
 - b) Theo yêu cầu của Đại Hội Nhà Đầu Tư;
 - c) Bị thu hồi Giấy Phép Thành Lập Và Hoạt Động, bị giải thể;
 - d) Tổ chức lại Công Ty Quản Lý Quỹ;
 - e) Quỹ hết thời hạn hoạt động; hoặc
 - f) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc chấm dứt quyền và nghĩa vụ của Công ty Quản lý Quỹ đối với Quỹ theo tuân thủ quy định pháp luật hiện hành. Trong trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Công Ty Quản Lý Quỹ được chuyển giao cho một Công Ty Quản Lý Quỹ khác phải theo quy định của pháp luật hiện hành.
3. Công Ty Quản Lý Quỹ phải tổ chức họp Đại Hội Nhà Đầu Tư để lấy ý kiến về phương án xử lý tài sản và công ty quản lý quỹ thay thế trong trường hợp quy định tại điểm a, c, d Khoản 1 Điều này.
4. Chi phí bồi thường khi thay đổi Công Ty Quản Lý Quỹ:

Trong trường hợp Quỹ có sự thay đổi Công Ty Quản Lý Quỹ theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều này, Quỹ sẽ phải trả cho Công Ty Quản Lý Quỹ một khoản tiền bồi thường (ngoài các khoản giá dịch vụ đã được quy định tại Điều Lệ này) theo bảng tính như sau:

Tiền bồi thường được tính trên NAV của Quỹ	Thời điểm thay thế Công Ty Quản Lý Quỹ
2,0%	Trong vòng ba (03) năm kể từ ngày Quỹ bắt đầu hoạt động.

1,5%	Sau ba (03) năm kể từ ngày Quỹ bắt đầu hoạt động.
------	---

NAV được sử dụng để tính tiền bồi thường cho Công Ty Quản Lý Quỹ là NAV bình quân của NAV theo báo cáo NAV của năm mươi hai (52) tuần liền trước thời điểm Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua quyết định thay đổi Công Ty Quản Lý Quỹ đã được Ngân Hàng Giám Sát xác nhận.

Khoản tiền bồi thường này nhằm để bù đắp những chi phí phát sinh cho Công Ty Quản Lý Quỹ do hậu quả của việc giảm hoạt động, thay đổi nguồn nhân sự, hệ thống quản lý, cơ sở hạ tầng.

Nếu Đại Hội Nhà Đầu Tư quyết định thay đổi Công Ty Quản Lý Quỹ vì lý do vi phạm các quy định pháp luật và được Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước chấp thuận thì Quỹ sẽ không phải trả cho Công Ty Quản Lý Quỹ khoản tiền nêu trên.

Điều 37. Hạn chế hoạt động của Công Ty Quản Lý Quỹ

1. Công Ty Quản Lý Quỹ không được là người có liên quan hoặc có quan hệ sở hữu, vay hoặc cho vay của Ngân Hàng Giám Sát của Quỹ. Chủ Tịch Công Ty, Kiểm Soát Viên, Ban Điều Hành, nhân viên bộ phận Kiểm Toán Nội Bộ, nhân viên của Công Ty Quản Lý Quỹ không được làm việc ở các bộ phận cung cấp dịch vụ lưu ký, giám sát, quản trị quỹ tại Ngân Hàng Giám Sát và ngược lại.
2. Công Ty Quản Lý Quỹ, nhân viên làm việc tại Công Ty Quản Lý Quỹ, người có liên quan của Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc nhân viên làm việc tại các bên có liên quan của Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ chỉ được phép mua hoặc bán Chứng Chỉ Quỹ theo các phương thức quy định tại Điều Lệ Quỹ, Bản Cáo Bạch, trừ những hoạt động không được phép thực hiện quy định tại Điểm b, Khoản 5 Điều này.
3. Mọi giao dịch chứng khoán do Ban Điều Hành, nhân viên của Công Ty Quản Lý Quỹ tiến hành phải được báo cáo cho bộ phận Kiểm Soát Nội Bộ trước và ngay sau khi giao dịch. Báo cáo giao dịch của các cá nhân phải bao gồm: tên chứng khoán giao dịch, số lượng, giá giao dịch, tổng giá trị giao dịch, thời gian thực hiện, phương thức thực hiện, số tài khoản giao dịch, công ty chứng khoán nơi mở tài khoản giao dịch. Báo cáo về giao dịch cá nhân phải được lưu trữ và quản lý tập trung tại bộ phận Kiểm Soát Nội Bộ và cung cấp cho Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước khi có yêu cầu.
4. Chủ Tịch Công Ty, Kiểm Soát Viên, Ban Điều Hành, nhân viên bộ phận Kiểm Toán Nội Bộ, nhân viên của Công Ty Quản Lý Quỹ không được phép yêu cầu, đòi hỏi hoặc tiếp nhận, dưới danh nghĩa cá nhân hoặc danh nghĩa Công Ty, bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận hay lợi ích nào, ngoài các loại giá dịch vụ đã được quy định rõ tại Điều Lệ Quỹ.
5. Trong hoạt động quản lý tài sản của Quỹ, Công Ty Quản Lý Quỹ bảo đảm:
 - a) Không được sử dụng tài sản của Quỹ để đầu tư vào chính Quỹ đó;
 - b) Không được sử dụng tài sản ủy thác của khách hàng ủy thác quản lý danh mục, quỹ, công ty đầu tư chứng khoán do mình quản lý để đầu tư vào Quỹ, ngoại trừ khách hàng ủy thác quản lý danh mục chỉ định đầu tư, khách hàng ủy thác là cá nhân nước ngoài, tổ chức được thành lập theo pháp luật nước ngoài, doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài, quỹ hưu trí bổ sung tự nguyện và các khách hàng này đã chấp thuận cho phép thực hiện các giao dịch nêu trên;
 - c) Không được sử dụng tài sản của Quỹ để đầu tư vào chính Công Ty Quản Lý Quỹ; không đầu tư vào tổ chức là người có liên quan của Công Ty Quản Lý Quỹ, trừ trường hợp sử dụng tài sản của Quỹ để đầu tư vào chứng khoán nằm trong danh mục chứng khoán cơ cấu của chỉ số tham

chiếu; không đầu tư vào tổ chức mà Chủ Tịch Công Ty, Ban Điều Hành, nhân viên của Công Ty là cổ đông hoặc thành viên sở hữu trên mười phần trăm (10%) vốn điều lệ;

- d) Không được sử dụng tài sản của Quý để cho vay dưới mọi hình thức, bảo lãnh cho các khoản vay dưới mọi hình thức hoặc thanh toán các nghĩa vụ nợ của Công Ty Quản Lý Quý, người có liên quan của Công Ty Quản Lý Quý, tổ chức, cá nhân khác.
6. Công Ty Quản Lý Quý không được ủy quyền, thuê ngoài các tổ chức trên lãnh thổ Việt Nam để cung cấp dịch vụ tư vấn đầu tư chứng khoán, quản lý tài sản ủy thác.
7. Các hạn chế khác theo quy định của pháp luật về thành lập, tổ chức và hoạt động Công Ty Quản Lý Quý.

Chương VII

NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Điều 38. Tiêu chuẩn lựa chọn Ngân Hàng Giám Sát

Ngân Hàng Giám Sát được lựa chọn phải đáp ứng các điều kiện sau:

1. Ngân Hàng Giám Sát là ngân hàng thương mại có giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp, thực hiện các dịch vụ lưu ký và giám sát việc quản lý quỹ đại chúng đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật;
2. Ngân Hàng Giám Sát phải hoàn toàn độc lập và tách biệt với Công Ty Quản Lý Quý mà ngân hàng cung cấp dịch vụ giám sát.
3. Ngân Hàng Giám Sát, Thành viên Hội Đồng Quản Trị, Thành viên Ban Tổng Giám Đốc, nhân viên của Ngân Hàng Giám Sát làm nhiệm vụ giám sát hoạt động và bảo quản tài sản quỹ không được là người có liên quan, có quan hệ sở hữu, vay hoặc cho vay với Công Ty Quản Lý Quý và ngược lại;
4. Ngân Hàng Giám Sát, Thành viên Hội Đồng Quản Trị, Thành viên Ban Tổng Giám Đốc, nhân viên của Ngân Hàng Giám Sát làm nhiệm vụ giám sát hoạt động và bảo quản tài sản Quỹ không được là đối tác mua, bán tài sản của Quý;
5. Có đầy đủ năng lực cung cấp dịch vụ giám sát, lưu ký;
6. Thực hiện các cam kết đối với Quý như nêu tại Phụ Lục 02, Phụ Lục 03 của Điều Lệ này.

Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ngân Hàng Giám Sát

1. Ngân Hàng Giám Sát có nghĩa vụ sau:
 - a) Luôn luôn hành động vì lợi ích tốt nhất của các Nhà Đầu Tư;
 - b) Chịu trách nhiệm đối với những tổn thất gây ra cho Quý do những sai sót của Ngân Hàng Giám Sát;
 - c) Đảm bảo thực hiện giám sát hoạt động của Công Ty Quản Lý Quý trong việc quản lý tài sản Quỹ theo quy định tại Luật chứng khoán, các quy định có liên quan và Điều Lệ Quý;
 - d) Cung cấp các dịch vụ giám sát, lưu ký tài sản của Quý theo đúng quy định của pháp luật liên quan, Hợp Đồng Lưu ký Giám Sát và Điều Lệ Quý;

- e) Tách bạch tài sản của Quỹ với tài sản của Công Ty Quản Lý Quỹ (trong trường hợp Ngân Hàng Giám Sát đồng thời là ngân hàng lưu ký của Quỹ và Công Ty Quản Lý Quỹ), tài sản của các quỹ khác của cùng một Công Ty quản lý, tài sản của những khách hàng khác của Ngân Hàng Giám Sát và những tài sản của Ngân Hàng Giám Sát. Trong mọi trường hợp, vốn và tài sản của Quỹ không được sử dụng để thanh toán hoặc bảo lãnh cho những khoản nợ của bất kỳ tổ chức hoặc cá nhân nào khác ngoài Quỹ;
 - f) Đảm bảo và hoàn toàn chịu trách nhiệm đối với tài sản của Quỹ khi ủy thác cho tổ chức lưu ký phụ theo thỏa thuận trong hợp đồng cung cấp dịch vụ và theo quy định của pháp luật;
 - g) Giám sát hoặc tính toán Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ phù hợp với các quy định pháp luật và Điều Lệ Quỹ, đảm bảo việc tính toán Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ là chính xác;
 - h) Xử lý các giao dịch về chứng khoán phù hợp với chỉ thị hợp pháp của Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát có thể từ chối những chỉ thị đó nếu Ngân Hàng Giám Sát có cơ sở để tin rằng những chỉ thị này là không hợp pháp hoặc không phù hợp với Điều Lệ Quỹ. Việc từ chối phải được gửi bằng văn bản đến Công Ty Quản Lý Quỹ và nếu rõ lý do, bản sao gửi đến UBCKNN;
 - i) Thực hiện đối chiếu định kỳ tài sản của Quỹ với Công Ty Quản Lý Quỹ theo quy định của pháp luật và theo thỏa thuận dịch vụ với Công Ty Quản Lý Quỹ;
 - j) Thanh toán những khoản chi phí hợp lý, hợp lệ của Quỹ theo chỉ thị hợp pháp của Công Ty Quản Lý Quỹ, đảm bảo những khoản chi phí đó phù hợp với các quy định pháp luật và các điều khoản của Điều Lệ quỹ;
 - k) Thanh toán tiền cho Nhà Đầu Tư của Quỹ khi Công Ty Quản Lý Quỹ thực hiện việc mua lại Chứng Chỉ Quỹ của Nhà Đầu Tư, hoặc khi Quỹ phân phối thu nhập hoặc khi Quỹ thanh lý, giải thể thanh toán cho Nhà Đầu Tư và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều Lệ Quỹ theo đúng chỉ thị hợp pháp của Công Ty Quản Lý Quỹ, đảm bảo rằng những khoản thanh toán được thực hiện phù hợp với các điều khoản của Điều Lệ;
 - l) Ngân Hàng Giám Sát phải tuân thủ các quy định khác tại Luật Chứng Khoán và các văn bản pháp luật liên quan, Điều Lệ Quỹ và Hợp Đồng Giám Sát;
2. Ngân Hàng Giám Sát có quyền:
- a) Ngân Hàng Giám Sát được hưởng các loại giá dịch vụ cung cấp dịch vụ giám sát, bảo quản tài sản quỹ theo Điều Lệ Quỹ và phù hợp với các quy định của pháp luật;
 - b) Được tham gia các cuộc họp của Đại Hội Nhà Đầu Tư và của Ban Đại Diện Quỹ, nhưng không có quyền biểu quyết.
 - c) Các quyền khác theo quy định của pháp luật, Hợp Đồng Giám Sát được ký giữa các bên.

Điều 40. Hoạt động giám sát của Ngân Hàng Giám Sát

- 1. Phạm vi giám sát chỉ hạn chế trong các hoạt động của Công ty Quản Lý Quỹ có liên quan tới Quỹ mà Ngân Hàng Giám Sát thực hiện chức năng giám sát. Trong hoạt động giám sát, Ngân Hàng Giám Sát phải:
 - a) Phối hợp với Công Ty Quản Lý Quỹ định kỳ rà soát quy trình nội bộ về nguyên tắc, phương pháp xác định NAV của Quỹ; giám sát việc xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ; kiểm tra, bảo đảm giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ, giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ là tính đúng, chính xác và phù hợp với quy định của pháp luật, quy định tại Điều lệ Quỹ.

- b) Giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của Quỹ, kiểm tra lại bảo đảm loại tài sản đầu tư, cơ cấu danh mục đầu tư là phù hợp với các quy định về hạn chế đầu tư, hạn chế vay theo quy định của pháp luật và Điều Lệ Quỹ, giám sát các giao dịch tài sản giữa Quỹ với Công Ty Quản Lý Quỹ và người có liên quan của Công Ty Quản Lý Quỹ, bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật và Điều Lệ Quỹ. Trong trường hợp phát hiện dấu hiệu vi phạm các quy định của Pháp Luật, Ngân Hàng Giám Sát phải báo cáo cho UBCKNN và thông báo cho Công Ty Quản Lý Quỹ trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ, kể từ khi phát hiện sự việc đồng thời yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ thực hiện biện pháp xử lý, khắc phục kịp thời các hậu quả phát sinh trong thời hạn quy định;
 - c) Giám sát việc tổ chức thực hiện và kiểm tra kết quả hợp nhất, sáp nhập, giải thể, thanh lý tài sản Quỹ;
 - d) Giám sát, bảo đảm tính hợp pháp và chỉ thanh toán từ tài sản của Quỹ các khoản chi phù hợp với quy định của pháp luật và Điều Lệ Quỹ;
 - e) Giám sát các hoạt động khác của Công Ty Quản Lý Quỹ trong việc quản lý tài sản của Quỹ theo đúng quy định tại Điều 116 Luật Chứng Khoán và Điều Lệ này.
 - f) Xác nhận các báo cáo về giá trị tài sản ròng, hoạt động đầu tư, danh mục đầu tư của Quỹ do Công Ty Quản Lý Quỹ lập.
2. Ngân Hàng Giám Sát có trách nhiệm lập và lưu trữ trong thời gian mười (10) năm các hồ sơ, chứng từ dưới dạng văn bản và tệp dữ liệu điện tử nhằm xác nhận việc tuân thủ trong hoạt động của Ngân Hàng Giám Sát đối với Công Ty Quản Lý Quỹ theo các quy định của pháp luật. Các tài liệu này phải được cung cấp theo yêu cầu bằng văn bản của UBCKNN.
 3. Khi có yêu cầu bằng văn bản của Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát có trách nhiệm cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác những thông tin cần thiết cho Công Ty Quản Lý Quỹ, tổ chức kiểm toán được chấp thuận để các tổ chức này thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ đối với Quỹ theo quy định của Pháp Luật và Điều Lệ này.
 4. Ngân Hàng Giám Sát có quyền yêu cầu công ty quản lý quỹ kịp thời cung cấp các tài liệu, thông tin cần thiết, có liên quan; thông tin về tổ chức phát hành mà quỹ, công ty đầu tư chứng khoán đầu tư để ngân hàng giám sát có thể thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với quỹ, công ty đầu tư chứng khoán theo quy định của pháp luật. Ngân Hàng Giám Sát có trách nhiệm bảo mật theo quy định của pháp luật đối với mọi tài liệu, thông tin nhận được từ công ty quản lý quỹ.
 5. Trường hợp Công Ty Quản Lý Quỹ phải bồi thường thiệt hại cho Quỹ, Nhà Đầu Tư, Ngân Hàng Giám Sát phải phối hợp với Công Ty Quản Lý Quỹ thực hiện thủ tục thanh toán một cách kịp thời và đầy đủ cho Nhà Đầu Tư theo chỉ thị hợp pháp của Công Ty Quản Lý Quỹ. Ngân Hàng Giám Sát có trách nhiệm liên đới và phải đền bù thiệt hại cho Nhà Đầu Tư và Quỹ trong trường hợp các thiệt hại phát sinh do Ngân Hàng Giám Sát không thực hiện đầy đủ và kịp thời trách nhiệm giám sát hoạt động đầu tư của Quỹ, xác định Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ và các hoạt động giám sát khác đối với Quỹ theo các quy định của pháp luật và Hợp Đồng Lưu ký Giám Sát.

Điều 41. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Ngân Hàng Giám Sát

1. Ngân Hàng Giám Sát chấm dứt toàn bộ quyền và nghĩa vụ của mình đối với Quỹ trong các trường hợp sau:
 - a) Ngân Hàng Giám Sát bị chia, tách, giải thể, phá sản, bị hợp nhất, bị sáp nhập, chuyển đổi tư cách pháp nhân hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán theo quy định tại Khoản 2 Điều 60 Luật Chứng Khoán;

- b) Đơn phương chấm dứt Hợp Đồng Giám Sát;
 - c) Quỹ hết thời gian hoạt động, bị giải thể, bị chia, tách hợp nhất, bị sáp nhập;
 - d) Theo quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư của Quỹ;
 - e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Trong trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều này, quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Ngân Hàng Giám Sát được chuyển giao cho một Ngân Hàng Giám Sát khác phải theo quy định của pháp luật.

Chương VIII

CÁC TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ LIÊN QUAN

Điều 42. Các hoạt động được ủy quyền

Công Ty Quản Lý Quỹ được phép thuê các tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan thực hiện các dịch vụ cho Quỹ theo đúng các quy định tại Điều Lệ này và quy định pháp luật có liên quan.

Hoạt động được ủy quyền bao gồm:

- 1. Hoạt động quản trị quỹ đầu tư;
- 2. Hoạt động đại lý chuyển nhượng;
- 3. Các hoạt động khác (khi phát sinh).

Điều 43. Tiêu chí lựa chọn tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan

- 1. Tiêu chí về đủ năng lực, hệ thống nhân sự, kinh nghiệm, tính chuyên nghiệp
Tổ chức được Công Ty Quản Lý Quỹ lựa chọn để cung cấp dịch vụ liên quan phải là các tổ chức được pháp luật cho phép về lĩnh vực thực hiện. Đồng thời, các tổ chức này phải tổ chức hệ thống cơ sở lưu trữ, xử lý dữ liệu đầy đủ. Hệ thống nhân sự phải có kinh nghiệm, được huấn luyện cập nhật thường xuyên và hoạt động chuyên nghiệp.
- 2. Tiêu chí về cơ cấu tổ chức của bộ phận cung cấp dịch vụ liên quan của bên nhận ủy quyền, hệ thống quy trình nghiệp vụ, hệ thống báo cáo và phê duyệt báo cáo.
Giữa các bộ phận cung cấp dịch vụ liên quan của bên nhận ủy quyền phải có quy trình nghiệp vụ lẫn nhau và phải đưa ra hệ thống báo cáo và phê duyệt báo cáo đầy đủ, rõ ràng, theo luật định. Bộ phận cung cấp dịch vụ của bên nhận ủy quyền phải tách biệt với các bộ phận còn lại của bên nhận ủy quyền về tổ chức nhân sự, hệ thống quy trình nghiệp vụ, hệ thống báo cáo và phê duyệt báo cáo.

Điều 44. Trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan

- 1. Nguyên tắc của hoạt động ủy quyền:
Tổ chức nhận ủy quyền phải thực hiện các công việc theo đúng ủy quyền đã giao phù hợp với các qui định của pháp luật và chịu trách nhiệm trên các công việc mà mình làm.
- 2. Phạm vi hoạt động, chức năng, nhiệm vụ của các bên nhận ủy quyền:
 - a) Đối với dịch vụ quản trị quỹ:
 - (i) Ghi nhận kế toán các giao dịch của Quỹ: ghi nhận biến động phản ánh dòng tiền ra, vào Quỹ;

- (ii) Lập báo cáo tài chính của Quỹ; phối hợp, hỗ trợ tổ chức kiểm toán của Quỹ trong việc thực hiện kiểm toán cho Quỹ theo quy định của pháp luật và hợp đồng quản trị quỹ;
 - (iii) Xác định Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ, Giá Trị Tài Sản Ròng trên một Lô Chứng Chỉ Quỹ, giá trị tài sản ròng trên một đơn vị Chứng Chỉ Quỹ theo quy định của pháp luật và tại Điều Lệ Quỹ;
 - (iv) Thực hiện các hoạt động khác theo quy định của pháp luật và hợp đồng ký với Công Ty Quản Lý Quỹ.
- b) Đối với dịch vụ đại lý chuyển nhượng:
- (i) Lập và quản lý sổ đăng ký Nhà Đầu Tư, hệ thống các tài khoản của Nhà Đầu Tư, Thành Viên Lập Quỹ; xác nhận quyền sở hữu Chứng Chỉ Quỹ;
 - (ii) Ghi nhận các lệnh hoán đổi, lệnh mua, lệnh bán của Nhà Đầu Tư; chuyển quyền sở hữu Chứng Chỉ Quỹ; cập nhật sổ đăng ký Nhà Đầu Tư;
 - (iii) Hỗ trợ Nhà Đầu Tư thực hiện các quyền liên quan tới việc sở hữu Chứng Chỉ Quỹ của Nhà Đầu Tư, Thành Viên Lập Quỹ;
 - (iv) Thực hiện các hoạt động khác theo quy định của pháp luật và hợp đồng ký với Công Ty Quản Lý Quỹ.
3. Yêu cầu về chứng từ, sổ sách, báo cáo liên quan, cơ sở dữ liệu:
- Các chứng từ, sổ sách liên quan đến các dịch vụ được ủy quyền thực hiện phải được tổ chức nhận ủy quyền lưu trữ trong thời hạn quy định của pháp luật. Đồng thời, tổ chức nhận ủy quyền phải có trách nhiệm tạo dựng cơ sở dữ liệu phù hợp với nhu cầu công việc đảm nhận sao cho thuận tiện, đầy đủ và đúng theo yêu cầu do luật định.
4. Bên nhận ủy quyền phải thực hiện các hoạt động ủy quyền một cách hiệu quả, cẩn trọng, có trách nhiệm bảo mật mọi thông tin liên quan tới Nhà Đầu Tư và đối tác của Công Ty Quản Lý Quỹ;
5. Bên nhận ủy quyền có trách nhiệm cung cấp cho Công Ty Quản Lý Quỹ các báo cáo kiểm toán độc lập đối với các nội dung có liên quan tới hoạt động ủy quyền, phục vụ cho hoạt động kiểm tra, giám sát định kỳ hoặc bất thường của Công Ty Quản Lý Quỹ.

Điều 45. Trách nhiệm của Công Ty Quản Lý Quỹ đối với hoạt động đã ủy quyền

1. Việc ủy quyền không làm giảm trách nhiệm hoặc thay đổi trách nhiệm của Công Ty Quản Lý Quỹ đối với Quỹ.
2. Trước khi ký kết hợp đồng sử dụng dịch vụ của bên nhận ủy quyền, Công Ty Quản Lý Quỹ phải thẩm định và lập biên bản đánh giá năng lực và cơ sở vật chất, bảo đảm bên nhận ủy quyền có đủ trang thiết bị cơ sở vật chất, giải pháp kỹ thuật, quy trình nghiệp vụ, nhân sự có kinh nghiệm và trình độ chuyên môn phù hợp để thực hiện các hoạt động được ủy quyền;
3. Thường xuyên kiểm tra, giám sát bảo đảm hoạt động đã ủy quyền được thực hiện thận trọng, an toàn, phù hợp với quy định của pháp luật, quy định tại Điều Lệ này, bảo đảm chất lượng dịch vụ cung cấp của bên nhận ủy quyền, phù hợp với tiêu chí và yêu cầu của Quỹ.
4. Công Ty Quản Lý Quỹ được sử dụng tư vấn độc lập, dịch vụ cung cấp bởi các tổ chức chuyên nghiệp, hoạt động hợp pháp khác để thực hiện trách nhiệm quy định này;
5. Duy trì nhân sự có kinh nghiệm, chuyên môn, nghiệp vụ cần thiết để có đủ khả năng giám sát, nhận diện và quản lý hiệu quả các rủi ro phát sinh từ hoạt động đã ủy quyền;

6. Xây dựng quy trình, hệ thống bảo đảm tại mọi thời điểm Công Ty Quản Lý Quỹ, tổ chức kiểm toán độc lập, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền có thể tiếp cận các thông tin cần thiết để kiểm tra, giám sát các hoạt động ủy quyền, đánh giá và quản lý các rủi ro phát sinh từ hoạt động ủy quyền;
7. Công Ty Quản Lý Quỹ phải chịu hoàn toàn trách nhiệm phát sinh từ việc ủy quyền. Công Ty Quản Lý Quỹ phải bảo đảm tính liên tục đối với các hoạt động đã ủy quyền, không gián đoạn và gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của Nhà Đầu Tư;
8. Cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác các thông tin liên quan cho bên nhận ủy quyền có thể thực thi đầy đủ, kịp thời mọi quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm trong hoạt động ủy quyền;
9. Lưu trữ đầy đủ, kịp thời, chính xác các chỉ thị, yêu cầu, văn bản gửi cho bên nhận ủy quyền để thực hiện các hoạt động ủy quyền.

Điều 46. Chấm dứt hoạt động ủy quyền

1. Tổ chức nhận ủy quyền chấm dứt toàn bộ quyền và nghĩa vụ đã được Công Ty Quản Lý Quỹ ủy quyền đối với Quỹ trong các trường hợp sau:
 - a) Tổ chức nhận ủy quyền đề nghị chấm dứt quyền, nghĩa vụ của mình;
 - b) Tổ chức nhận ủy quyền chấm dứt hoạt động, bị giải thể, phá sản;
 - c) Theo đề nghị của Công Ty Quản Lý Quỹ;
 - d) Theo đề nghị của Đại Hội Nhà Đầu Tư;
 - e) Quỹ bị giải thể;
 - f) Quỹ bị sáp nhập, hợp nhất vào một quỹ khác theo quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư;
 - g) Tổ chức nhận ủy quyền bị thu hồi Giấy phép về lĩnh vực thực hiện;
 - h) Tổ chức nhận ủy quyền hợp nhất hoặc bị sáp nhập bởi tổ chức khác.
2. Quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của tổ chức nhận ủy quyền chỉ chấm dứt từ thời điểm hoàn tất việc bàn giao quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ cho tổ chức nhận ủy quyền nhận bàn giao hoặc với Công Ty Quản Lý Quỹ. Tổ chức nhận ủy quyền nhận bàn giao phải lập biên bản bàn giao giữa hai tổ chức có xác nhận của Công Ty Quản Lý Quỹ.

Chương IX

THÀNH VIÊN LẬP QUỸ, TỔ CHỨC TẠO LẬP THỊ TRƯỜNG

Điều 47. Điều kiện lựa chọn Thành Viên Lập Quỹ

1. Là công ty chứng khoán có nghiệp vụ môi giới và tự doanh chứng khoán; hoặc ngân hàng thương mại có giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký.
2. Trong vòng mười hai (12) tháng gần nhất, trước tháng nộp hồ sơ đăng ký thành lập Quỹ ETF, duy trì tỷ lệ vốn khả dụng tối thiểu đạt hai trăm hai mươi phần trăm (220%), hoặc một tỷ lệ khác cao hơn theo yêu cầu của Công Ty Quản Lý Quỹ. Ngân hàng lưu ký phải đáp ứng tỷ lệ an toàn vốn theo quy định của pháp luật về ngân hàng.

3. Đã ký hợp đồng lập Quỹ ETF với Công Ty Quản Lý Quỹ.
4. Luôn nắm giữ số lượng Lô Chứng Chỉ Quỹ tối thiểu như đã cam kết với Công Ty Quản Lý Quỹ.
5. Đáp ứng các điều kiện khác (nếu có) tại hợp đồng thành viên lập Quỹ.

Điều 48. Quyền và trách nhiệm của Thành Viên Lập Quỹ

1. Quyền của Thành Viên Lập Quỹ:
 - a) Được cung cấp dịch vụ môi giới cho Nhà Đầu Tư trong hoạt động hoán đổi danh mục theo quy định tại Điều 16 Điều Lệ và Bản Cáo Bạch;
 - b) Được thực hiện các giao dịch tự doanh với Quỹ ETF, theo cơ chế hoán đổi Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu của mình lấy các Lô Chứng Chỉ Quỹ ETF và ngược lại;
 - c) Được vay Chứng Khoán Cơ Cấu để hoán đổi lấy các Lô Chứng Chỉ Quỹ ETF; hoặc vay các Lô Chứng Chỉ Quỹ ETF để hoán đổi lấy Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu. Hoạt động vay chứng khoán, Chứng Chỉ Quỹ ETF này phải được thực hiện trên hệ thống và theo hướng dẫn của Trung Tâm Lưu Ký Chứng Khoán;
 - d) Được thực hiện các giao dịch Chứng Chỉ Quỹ ETF, Chứng Khoán Cơ Cấu khi đã có lệnh đối ứng được khớp, bảo đảm có đủ tài sản tại thời điểm để thanh toán giao dịch theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 Điều Lệ này và theo quy định pháp luật.
2. Trách nhiệm của Thành Viên Lập Quỹ:
 - a) Nhận lệnh giao dịch (trực tiếp hoặc thông qua Đại Lý Phân Phối) và chuyển lệnh giao dịch của từng Nhà Đầu Tư tới Công Ty Quản Lý Quỹ, Trung Tâm Lưu Ký Chứng Khoán, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan một cách đầy đủ, kịp thời, chính xác. Quy định này chỉ áp dụng đối với Thành Viên Lập Quỹ là công ty chứng khoán;
 - b) Không được tổng hợp, bù trừ lệnh giao dịch của các Nhà Đầu Tư. Lệnh giao dịch của Nhà Đầu Tư phải được xử lý độc lập, tách biệt với việc xử lý các lệnh giao dịch của chính Thành Viên Lập Quỹ. Trong giao dịch Chứng Chỉ Quỹ ETF trên Sở Giao Dịch Chứng Khoán, Thành Viên Lập Quỹ phải thực hiện lệnh của Nhà Đầu Tư trước lệnh của mình. Trong giao dịch hoán đổi lấy các Lô Chứng Chỉ Quỹ ETF, Thành Viên Lập Quỹ chỉ được sử dụng tài sản trên tài khoản tự doanh, tài sản của chính mình để hoán đổi lấy các Lô Chứng Chỉ Quỹ ETF, không được sử dụng tài sản của Nhà Đầu Tư;
 - c) Bảo đảm Nhà Đầu Tư có đầy đủ tiền, chứng khoán ký quỹ để thực hiện giao dịch theo quy định của pháp luật;
 - d) Quản lý tách biệt tài sản của Nhà Đầu Tư trên tài khoản của từng Nhà Đầu Tư, độc lập với tài sản của mình. Không được sử dụng tài sản của Nhà Đầu Tư dưới mọi hình thức; không được gửi, rút, chuyển khoản, thực hiện các giao dịch liên quan tới tài sản của Nhà Đầu Tư; không được nhận ủy quyền của Nhà Đầu Tư và thực hiện chuyển tiền, tài sản giữa các tài khoản của các Nhà Đầu Tư. Các giao dịch liên quan tới tài sản của Nhà Đầu Tư chỉ được phép thực hiện nếu phù hợp với quy định của pháp luật và theo lệnh, chỉ thị hợp pháp và bằng văn bản của Nhà Đầu Tư;
 - e) Duy trì kênh liên lạc liên tục và thông suốt với Nhà Đầu Tư, đảm bảo cập nhật cho Nhà Đầu Tư một cách chính xác, đầy đủ, kịp thời mọi thông tin và giải đáp các thắc mắc của Nhà Đầu Tư về sản phẩm Quỹ đã chào bán; thống kê, tổng hợp sao kê tài khoản, xác nhận giao dịch theo yêu cầu của Nhà Đầu Tư; cung cấp cho Nhà Đầu Tư Bản Cáo Bạch, Bản Cáo Bạch Tóm Tắt, báo cáo

tài chính của Quỹ, tài liệu về các cuộc họp Đại Hội Nhà Đầu Tư, các thông tin khác; thực hiện nghĩa vụ báo cáo, công bố thông tin theo ủy quyền của Công Ty Quản Lý Quỹ;

- f) Tổng hợp, lưu trữ thông tin chi tiết về nhà đầu tư và các giao dịch của Nhà Đầu Tư. Cung cấp các thông tin này cho Công Ty Quản Lý Quỹ, Sở Giao Dịch Chứng Khoán, Trung Tâm Lưu Ký Chứng Khoán, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan và Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước theo yêu cầu của các cơ quan, tổ chức này;
- g) Tuân thủ các nguyên tắc hoạt động của Đại Lý Phân Phối theo các quy định về thành lập và quản lý quỹ mở do Bộ Tài Chính ban hành.

Điều 49. Tổ chức tạo lập thị trường

1. Công Ty Quản Lý Quỹ có thể chỉ định một hoặc một số Thành Viên Lập Quỹ làm Tổ Chức Tạo Lập Thị Trường Quỹ ETF. Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm gửi Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước bản sao hợp đồng tạo lập thị trường trong thời hạn năm (5) ngày làm việc kể từ ngày ký hợp đồng tạo lập thị trường.
2. Hoạt động tổ chức tạo lập thị trường cho Quỹ thực hiện theo quy chế hoạt động tổ chức tạo lập thị trường do Sở Giao Dịch Chứng Khoán xây dựng và ban hành.

Chương X

ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI

Điều 50. Điều kiện lựa chọn Đại Lý Phân Phối Chứng Chỉ Quỹ

1. Là công ty chứng khoán có nghiệp vụ môi giới chứng khoán đã có giấy chứng nhận đăng ký hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ đại chúng, ký hợp đồng phân phối chứng chỉ quỹ với Công Ty Quản Lý Quỹ và Thành Viên Lập Quỹ.
2. Tại thời điểm đăng ký hoạt động, có ít nhất một địa điểm kinh doanh được lựa chọn là địa điểm phân phối Chứng Chỉ Quỹ đáp ứng quy định pháp luật về yêu cầu của địa điểm phân phối chứng chỉ quỹ mở.

Điều 51. Hoạt động của Đại Lý Phân Phối

Hoạt động của Đại Lý Phân Phối bao gồm:

1. Tổng hợp đầy đủ thông tin về Nhà Đầu Tư và người được hưởng lợi theo quy định của pháp luật chứng khoán và các quy định về phòng chống rửa tiền và đấu tranh chống tài trợ khủng bố;
2. Nhận và chuyển lệnh giao dịch của từng Nhà Đầu Tư tới Tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng một cách đầy đủ, kịp thời, chính xác. Đại Lý Phân Phối không được tổng hợp, bù trừ lệnh giao dịch, không được trực tiếp nhận tiền và thanh toán giao dịch Chứng Chỉ Quỹ cho Nhà Đầu Tư;
3. Hỗ trợ Nhà Đầu Tư thực hiện các thủ tục thay đổi thông tin tại sổ chính, xác nhận quyền sở hữu Chứng Chỉ Quỹ của Nhà Đầu Tư, chuyển quyền sở hữu theo quy định pháp luật;
4. Duy trì kênh liên lạc liên tục và thông suốt với Nhà Đầu Tư, đảm bảo cập nhật cho Nhà Đầu Tư một cách chính xác, đầy đủ, và kịp thời mọi thông tin và giải đáp các thắc mắc của Nhà Đầu Tư về sản phẩm quỹ đã chào bán; thống kê, tổng hợp sao kê tài khoản, xác nhận giao dịch theo yêu cầu của Nhà Đầu Tư; cung cấp cho Nhà Đầu Tư bản cáo bạch, bản cáo bạch tóm tắt, báo cáo tài

chính của quỹ, tài liệu về các cuộc họp Đại Hội Nhà Đầu Tư, các thông tin khác; thực hiện chế độ báo cáo, công bố thông tin theo ủy quyền của Công Ty Quản Lý Quỹ.

5. Hỗ trợ Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan tổ chức họp Đại Hội Nhà Đầu Tư; nhận ủy quyền tham dự và thực hiện quyền biểu quyết theo chỉ thị bằng văn bản của Nhà Đầu Tư;
6. Tổng hợp, lưu trữ thông tin chi tiết về Nhà Đầu Tư và các giao dịch của Nhà Đầu Tư theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp. Cung cấp các thông tin này cho Công Ty Quản Lý Quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo yêu cầu của các tổ chức này.
7. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Chương XI

KIỂM TOÁN, KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

Điều 52. Tiêu chuẩn lựa chọn và thay đổi Công Ty Kiểm Toán

Hàng năm, Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ đề xuất công ty kiểm toán để trình Đại Hội Nhà Đầu Tư lựa chọn. Công Ty Kiểm Toán được lựa chọn phải thỏa mãn các điều kiện sau:

1. Có giấy phép được cung cấp dịch vụ kiểm toán do Bộ Tài Chính cấp;
2. Có đầy đủ khả năng cung cấp dịch vụ kiểm toán;
3. Được Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cho phép kiểm toán quỹ đầu tư;
4. Không phải là người có liên quan của Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc Ngân Hàng Giám Sát.

Điều 53. Năm Tài Chính

Năm Tài Chính là mười hai (12) tháng tính từ đầu ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 năm dương lịch hàng năm. Năm Tài Chính đầu tiên của Quỹ sẽ được tính từ đầu ngày Quỹ được Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp Giấy Chứng Nhận Lập Quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 năm đó.

Trường hợp thời gian từ ngày Quỹ được Ủy ban chứng khoán nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký thành lập Quỹ ETF đến hết ngày 31 tháng 12 cùng năm ngắn hơn 90 ngày thì kỳ kế toán đầu tiên được tính từ ngày Quỹ được Ủy ban chứng khoán nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký thành lập Quỹ ETF đến hết ngày 31 tháng 12 của năm tiếp theo.

Điều 54. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán

Quỹ sẽ áp dụng chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định khác liên quan đến công tác kế toán cho Quỹ do các cơ quan có thẩm quyền quy định.

2. Báo cáo tài chính

Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm chuẩn bị các báo cáo tài chính thường kỳ về kết quả kinh doanh và tình hình tài chính của Quỹ và các báo cáo cần thiết khác để tường trình hoạt động của Quỹ.

Báo cáo tài chính bán niên /báo cáo tài chính hàng năm sẽ được soát xét bán niên/ kiểm toán độc lập hàng năm bởi Công Ty Kiểm Toán được lựa chọn. Các bản sao của báo cáo kiểm toán và

báo cáo tổng kết hoạt động của Quỹ phải được gửi đến từng thành viên Ban đại diện quỹ và công bố công khai trên website của Công ty quản lý quỹ để nhà đầu tư có thể tham khảo.

3. Báo cáo khác

Công Ty Quản Lý Quỹ phải tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật về chế độ báo cáo và công bố thông tin liên quan đến các hoạt động kinh doanh của Quỹ.

Chương XII

PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ

Điều 55. Xác định Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ

1. Công Ty Quản Lý Quỹ phải xây dựng sổ tay định giá bao gồm những nội dung sau:
 - a) Nguyên tắc, tiêu chí lựa chọn, thay đổi các tổ chức cung cấp báo giá. Các tổ chức cung cấp báo giá không phải là người có liên quan của Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát;
 - b) Nguyên tắc, quy trình thực hiện và các phương pháp định giá phải rõ ràng, hợp lý, phù hợp với quy định của pháp luật, quy định tại Điều Lệ Quỹ.
2. Sổ tay định giá, danh sách của tối thiểu ba (03) tổ chức cung cấp báo giá không phải là người có liên quan của Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát phải được Ban Đại Diện Quỹ phê duyệt và cung cấp cho Ngân Hàng Giám Sát để giám sát việc tính toán giá trị tài sản ròng.
3. Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm hàng ngày xác định Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ ETF, Giá Trị Tài Sản Ròng trên một Lô Chứng Chỉ Quỹ, Giá Trị Tài Sản Ròng trên một Chứng Chỉ Quỹ;
4. Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm xác định hoặc ủy quyền cho Sở Giao Dịch Chứng Khoán xác định và công bố thông tin về Giá Trị Tài Sản Ròng tham chiếu trên một Chứng Chỉ Quỹ (iNAV) trên cơ sở giá thị trường của chứng khoán cơ cấu từ giao dịch được thực hiện gần nhất của Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu hoá đổi. Giá Trị Tài Sản Ròng tham chiếu trên một Chứng Chỉ Quỹ chỉ là giá trị tham chiếu, không phải là giá trị để xác định giá giao dịch. Giá Trị Tài Sản Ròng tham chiếu trên một Chứng Chỉ Quỹ được cập nhật tối thiểu mười lăm giây (15s) một lần và được công bố trên các trang thông tin điện tử của Công Ty hoặc trên hệ thống của Sở Giao Dịch Chứng Khoán.
5. Công Ty Quản Lý Quỹ được ủy quyền cho Ngân Hàng Giám Sát xác định Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ, Giá Trị Tài Sản Ròng trên một Lô Chứng Chỉ Quỹ, Giá Trị Tài Sản Ròng trên một Chứng Chỉ Quỹ. Trong trường hợp này, Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát phải có cơ chế và quy trình đối chiếu, soát xét, kiểm tra, giám sát bảo đảm hoạt động xác định giá trị tài sản ròng được tính chính xác và phù hợp với Điều lệ Quỹ, sổ tay định giá và các quy định của pháp luật.
6. Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi phát hiện giá trị tài sản ròng bị định giá sai, Ngân Hàng Giám Sát phải thông báo và yêu cầu công ty quản lý quỹ kịp thời điều chỉnh hoặc ngược lại trong trường hợp Ngân Hàng Giám Sát cung cấp dịch vụ xác định giá trị tài sản ròng.
7. Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày phát hiện giá trị tài sản ròng bị định giá sai, Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc Ngân Hàng Giám Sát (trong trường hợp Ngân Hàng Giám Sát cung cấp dịch vụ xác định giá trị tài sản ròng) phải điều chỉnh lại và công bố thông tin theo quy định, đồng thời thông báo cho Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước về việc định giá sai, bao gồm nguyên

nhân xảy ra sự việc, thời gian bị định giá sai, biện pháp xử lý. Nội dung thông báo phải được Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát cùng ký xác nhận

8. Trong vòng ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ giảm xuống thấp hơn ba mươi (30) tỷ đồng, Công Ty Quản Lý Quỹ phải báo cáo Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước và đề xuất phương án khắc phục. Trường hợp Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ giảm xuống thấp hơn mười (10) tỷ đồng trong vòng sáu (06) tháng liên tục thì Công Ty Quản Lý Quỹ phải thanh lý tài sản để giải thể Quỹ theo quy định tại Điều Lệ Quỹ.

Điều 56. Nguyên tắc, tiêu chí lựa chọn, thay đổi tổ chức cung cấp báo giá

Nguyên tắc, tiêu chí lựa chọn, thay đổi tổ chức cung cấp báo giá được quy định tại sổ tay định giá.

Điều 57. Phương pháp xác định Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ

1. Ngày Định Giá: Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ phải được xác định định kỳ vào các Ngày Định Giá và phải được công bố thông tin trên thị trường chứng khoán theo quy định của pháp luật hiện hành. Ngày Định Giá bao gồm: (a) Ngày Định Giá theo mỗi Ngày Giao Dịch, (b) Ngày Định Giá hàng tuần và (c) Ngày Định Giá hàng tháng.
 - a) Ngày Định Giá theo mỗi Ngày Giao Dịch được xác định như sau:
 - (i) Ngày Giao Dịch trong tuần từ Thứ Hai đến Thứ Sáu;
 - (ii) Vào Ngày Giao Dịch liền sau nếu ngày tại Mục (i), Điểm a, Khoản 4 Điều này rơi vào ngày nghỉ, ngày nghỉ lễ tết theo quy định của pháp luật.
 - (iii) Ngày làm việc liền sau ngày nêu tại Mục (ii), Điểm a, Khoản 4 Điều này nếu ngày nêu tại Mục (ii), Điểm a, Khoản 4 Điều này là ngày làm việc bù rơi vào ngày Thứ Bảy và/hoặc Chủ Nhật.
 - b) Ngày Định Giá hàng tuần được xác định như sau:
 - (i) Một ngày được chọn cố định trong tuần;
 - (ii) Ngày làm việc liền sau ngày nêu tại Mục (i), Điểm b, Khoản 4 Điều này nếu ngày nêu tại Mục (i), Điểm b, Khoản 4 Điều này rơi vào ngày nghỉ, ngày nghỉ lễ tết theo quy định của pháp luật;
 - (iii) Ngày làm việc liền sau ngày nêu tại Mục (ii), Điểm b, Khoản 4 Điều này nếu ngày nêu tại Mục (ii), Điểm b, Khoản 4 Điều này là ngày làm việc bù rơi vào ngày Thứ Bảy và/hoặc Chủ Nhật.
 - c) Ngày Định Giá hàng tháng là ngày dương lịch đầu tiên của tháng tiếp theo.

Trường hợp Công Ty Quản Lý Quỹ thay đổi kỳ xác định Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ thì Công Ty Quản Lý Quỹ phải xin ý kiến chấp thuận từ Ban Đại Diện Quỹ trước khi thực hiện.
2. Giá Trị Tài Sản Ròng tham chiếu trên một Chứng Chỉ Quỹ (iNAV): iNAV được xác định trên cơ sở giá thị trường của Chứng Khoán Cơ Cấu từ giao dịch được thực hiện gần nhất. Giá trị này được tính và cung cấp bởi Sở Giao Dịch Chứng Khoán.
3. Việc xác định Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ ETF, Giá Trị Tài Sản Ròng trên một Lô Chứng Chỉ Quỹ, Giá Trị Tài Sản Ròng trên một Chứng Chỉ Quỹ theo nguyên tắc sau:
 - a) Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ được xác định bằng tổng giá trị tài sản trừ đi tổng nợ phải trả của Quỹ. Tổng giá trị tài sản của Quỹ được xác định theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý của tài sản (trong trường hợp không xác định được giá thị trường) tại ngày liền trước ngày định giá. Tổng nợ phải trả của Quỹ là các khoản nợ hoặc nghĩa vụ thanh toán của Quỹ tính đến ngày trước Ngày Định Giá. Phương pháp xác định giá thị trường, giá trị hợp lý các tài sản có trong danh mục, giá trị các khoản nợ và nghĩa vụ thanh toán thực hiện theo nguyên tắc quy định của luật và quy định nội bộ tại sổ tay định giá hoặc được Ban Đại Diện Quỹ chấp nhận bằng văn bản;

Ngân Hàng Giám Sát sẽ thực hiện giám sát việc các định giá tài sản ròng (bao gồm tổng tài sản và tổng nợ phải trả) của Quý. Đồng thời sẽ thực hiện kiểm tra, bảo đảm Giá Trị Tài Sản Ròng trên một (01) lô chứng chỉ quỹ, Giá Trị Tài Sản Ròng trên một (01) chứng chỉ quỹ là tính đúng, chính xác và phù hợp quy định của pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ.

- b) Giá Trị Tài Sản Ròng trên một lô Chứng Chỉ Quỹ bằng Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quý chia cho tổng số Lô Chứng Chỉ Quỹ và làm tròn xuống lấy đến hàng đơn vị; Giá Trị Tài Sản Ròng trên một Chứng Chỉ bằng Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quý chia cho tổng số Chứng Chỉ Quỹ đang lưu hành tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá, và làm tròn xuống lấy đến hai (02) số thập phân.
- c) Sau khi xác định Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quý, Giá Trị Tài Sản Ròng trên một Lô Chứng Chỉ Quỹ, Giá Trị Tài Sản Ròng trên một Chứng Chỉ Quỹ, Công Ty Quản Lý Quỹ phải thông báo kết quả để Ngân Hàng Giám Sát xác nhận. Việc xác nhận giá trị thực hiện bằng văn bản, hoặc truy xuất thông qua hệ thống thông tin điện tử của Ngân Hàng Giám Sát đã được Công Ty Quản Lý Quỹ chấp thuận.
- d) Ngay sau khi Ngân Hàng Giám Sát xác nhận, các Giá Trị Tài Sản Ròng nêu trên phải được công bố theo quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Việc công bố Giá Trị Tài Sản Ròng cho Nhà Đầu Tư được thực hiện muộn nhất vào ngày làm việc tiếp theo của Ngày Định Giá.

Chương XIII

LỢI NHUẬN VÀ CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

Điều 58. Thu nhập của Quỹ

Thu nhập của Quỹ bao gồm:

1. Cổ tức.
2. Lãi trái phiếu.
3. Lãi tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi.
4. Chênh lệch mua bán từ các hoạt động đầu tư của quỹ.
5. Các khoản thu nhập khác, nếu có, phát sinh từ việc đầu tư tài sản hoặc các hoạt động của Quỹ.

Điều 59. Phân chia lợi nhuận của Quỹ

1. Nhà Đầu Tư được nhận lợi tức từ Quỹ theo chính sách phân phối lợi nhuận quy định tại Điều Lệ Quỹ và theo phương án phân chia đã được Đại Hội Nhà Đầu Tư gần nhất thông qua.
2. Lợi tức có thể được thanh toán bằng tiền, bằng Chứng Chỉ Quỹ phát hành thêm. Tối thiểu mười lăm (15) ngày trước khi phân phối lợi tức, Công Ty Quản Lý Quỹ phải thông báo đến Nhà Đầu Tư bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc hoặc thư điện tử đã đăng ký của Nhà Đầu Tư. Thông báo phải bao gồm tối thiểu các nội dung theo quy định pháp luật.
3. Việc chi trả lợi tức Quỹ bảo đảm nguyên tắc:
 - a) Lợi nhuận phân chia được lấy từ nguồn lợi nhuận trong kỳ hoặc lợi nhuận lũy kế sau khi Quỹ đã hoàn tất mọi nghĩa vụ thuế, tài chính theo quy định pháp luật;

- b) Sau khi chi trả, Quỹ vẫn phải đảm bảo có nguồn vốn để thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn và Giá Trị Tài Sản Ròng quỹ sau khi chi trả lợi nhuận phải không thấp hơn năm mươi (50) tỷ đồng;
 - c) Trường hợp phân phối lợi tức bằng Chứng Chỉ Quỹ, Quỹ phải có đủ nguồn vốn đối ứng từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối căn cứ trên báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét.
 - d) Công Ty Quản Lý Quỹ được phân chia tài sản của Quỹ cho Nhà Đầu Tư nhiều hơn lợi nhuận đã thực hiện, nhưng bảo đảm Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ sau khi thực hiện không được thấp hơn năm mươi (50) tỷ đồng. Kế hoạch, lộ trình thực hiện, quy mô tài sản phân chia, nguồn vốn thực hiện phải được Đại Hội Nhà Đầu Tư chấp thuận.
4. Ngân Hàng Giám Sát có trách nhiệm chi trả cho Nhà Đầu Tư, Thành Viên Lập Quỹ vào tài khoản của chính các tổ chức, cá nhân này theo chỉ thị của Công Ty Quản Lý Quỹ. Chi tiết về việc phân chia lợi nhuận được quy định tại Bản Cáo Bạch.
 5. Công Ty Quản Lý Quỹ phải khấu trừ các khoản thuế, phí, lệ phí theo quy định của pháp luật trước khi phân phối cổ tức cho Nhà Đầu Tư. Phí chuyển khoản ngân hàng cho phần cổ tức này sẽ do Nhà Đầu Tư chịu.

Điều 60. Các loại chi phí và giá dịch vụ do Quỹ trả

1. Giá Dịch Vụ Quản Lý Quỹ và giá dịch vụ/tiền cung cấp dịch vụ thanh toán cho các tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan được Công Ty Quản Lý Quỹ ủy quyền để thực hiện các dịch vụ cho Quỹ ETF.
 - a) Giá Dịch Vụ Quản Lý Quỹ
 - (i) Giá Dịch Vụ Quản Lý Quỹ được trả cho Công Ty Quản Lý Quỹ để thực hiện dịch vụ quản lý quỹ ETF. Giá Dịch Vụ Quản Lý được tính trên tỷ lệ phần trăm trên NAV của Quỹ.
 - (ii) Giá Dịch Vụ Quản Lý Quỹ ETF là 0,65% NAV/năm, tối thiểu 30.000.000VNĐ/tháng (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (nếu có)).
 - (iii) Số tiền giá dịch vụ trả hàng tháng là tổng số tiền giá dịch vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.
 - (iv) Công thức tính Giá Dịch Vụ Quản Lý vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau:
 Giá Dịch Vụ Quản Lý cho kỳ định giá = Số lớn hơn giữa [Giá dịch vụ tối thiểu hàng tháng*số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá/ số ngày trong tháng] và [Tỷ lệ (%) Giá Dịch Vụ Quản Lý Quỹ tính theo năm đang được áp dụng trong kỳ tính Giá Dịch Vụ x NAV tại ngày trước Ngày Định Giá x số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá / số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)].
 - b) Giá Dịch Vụ Quản Trị Quỹ
 - (i) Giá Dịch Vụ Quản Trị Quỹ được trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị quỹ cho Quỹ.
 - (ii) Giá Dịch Vụ Quản Trị Quỹ ETF được tính như sau:
 - Giá Dịch Vụ Quản Trị Quỹ ETF: tối đa 0,03% NAV/năm
 - Giá Dịch Vụ Quản Trị Quỹ tối thiểu: 15.000.000 VNĐ/tháng

- Các mức giá dịch vụ nêu trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (nếu có) và các chi phí ngoài thông thường, bao gồm nhưng không giới hạn chi phí thanh toán cho VSDC, chi phí pháp lý và chi phí tem thư.
 - (iii) Số tiền giá dịch vụ trả hàng tháng là tổng số tiền giá dịch vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.
 - (iv) Công thức tính Giá Dịch Vụ Quản Trị Quỹ vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau:
 Giá Dịch Vụ Quản Trị Quỹ cho kỳ định giá = Số lớn hơn giữa [Giá Dịch Vụ tối thiểu hàng tháng * số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá / số ngày trong tháng] và [Tỷ lệ % Giá Dịch Vụ Quản Trị Quỹ (năm) x NAV tại ngày trước ngày định giá x số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá / số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)].
 - (v) Mức giá dịch vụ và phương thức thanh toán giá dịch vụ được quy định cụ thể trong Hợp đồng giữa Công ty quản lý quỹ và Tổ chức cung cấp dịch vụ.
 - c) Tiền cung cấp dịch vụ Đại Lý Chuyển Nhượng
 - (i) Tiền cung cấp dịch vụ Đại Lý Chuyển Nhượng được trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ Đại Lý Chuyển Nhượng cho Quỹ.
 - (ii) Tiền cung cấp dịch vụ Đại Lý Chuyển Nhượng: được quy định chi tiết tại Bản Cáo Bạch.
 - (iii) Tiền cung cấp dịch vụ Đại Lý Chuyển Nhượng và phương pháp thanh toán tiền cung cấp dịch vụ Đại Lý Chuyển Nhượng được quy định cụ thể trong hợp đồng giữa Công Ty Quản Lý Quỹ và tổ chức cung cấp dịch vụ Đại Lý Chuyển Nhượng. Ngoài ra, Quỹ sẽ chi trả các chi phí liên quan đến việc thực hiện quyền cho Đại Lý Chuyển Nhượng theo các quy định trên hợp đồng này.
 - (iv) Công thức tính giá dịch vụ Đại Lý Chuyển Nhượng vào mỗi kỳ định giá trong tháng được xác định như sau:
 Giá dịch vụ Đại Lý Chuyển Nhượng vào mỗi kỳ định giá = Giá dịch vụ Đại Lý Chuyển Nhượng hàng tháng / số ngày thực tế của tháng x số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá.
 - d) Tiền cung cấp dịch vụ trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ tính Giá Trị Tài Sản Ròng tham chiếu (iNAV), iINDEX, mức sai lệch so với Chỉ Số Tham Chiếu (TE)
 - (i) Tiền cung cấp dịch vụ nêu tại khoản này trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ tính iNAV, iINDEX và TE.
 - (ii) Tiền cung cấp dịch vụ nêu tại khoản này: 0,05% NAV/năm, tối thiểu 50.000.000VNĐ/năm (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (nếu có))
 - (iii) Số tiền cung cấp dịch vụ trả hàng tháng là tổng số tiền cung cấp dịch vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.
 - (iv) Công thức tính Tiền cung cấp dịch vụ nêu tại khoản này vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau:
 Tiền cung cấp dịch vụ nêu tại khoản này cho kỳ định giá = Số lớn hơn giữa [Tiền cung cấp dịch vụ tối thiểu * số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá / số ngày trong năm] và [0,05% tính trên Giá Trị Tài Sản Ròng hàng ngày của Quỹ ETF trong năm].
- Thời điểm tính Tiền cung cấp dịch vụ được tính từ ngày giao dịch đầu tiên của Quỹ tại Sở Giao Dịch Chứng Khoán. Năm được hiểu là năm của hợp đồng với tổ chức cung cấp dịch vụ.

Giá trị tài sản ròng (NAV) dùng để tính Tiền cung cấp dịch vụ là "NAV trước giá/tiền cung cấp dịch vụ". NAV trước giá/tiền dịch vụ là NAV không bao gồm các loại giá/tiền cung cấp dịch vụ được tính dựa trên % của NAV.

Trong đó NAV trước giá/tiền cung cấp dịch vụ = Tổng tài sản – Tổng các khoản phải trả - Các khoản phải trả cho chi phí cố định (không lệ thuộc vào giá trị NAV).

NAV dùng để tính Tiền cung cấp dịch vụ sử dụng Chỉ Số Tham Chiếu là NAV được tính tại từng Ngày Định Giá, bao gồm cả ngày nghỉ và ngày lễ.

Đối với những ngày nghỉ, ngày lễ, NAV dùng để tính Tiền cung cấp dịch vụ là NAV của ngày định giá liền ngay sau đó.

2. Giá Dịch Vụ Giám Sát, Giá Dịch Vụ Lưu Ký

a) Giá Dịch Vụ Lưu Ký, Giá Dịch Vụ Giám Sát được trả cho Ngân Hàng Giám Sát để thực hiện dịch vụ lưu ký tài sản Quý và giám sát hoạt động của Công Ty Quản Lý Quý. Giá Dịch Vụ Lưu Ký, Giá Dịch Vụ Giám Sát được tính trên tỷ lệ phần trăm trên NAV của Quý chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (nếu có) và các chi phí ngoài thông thường, bao gồm nhưng không giới hạn chi phí thanh toán cho VSDC, chi phí pháp lý và chi phí tem thư, phí sửa đổi/hủy bỏ giao dịch, phí đăng ký cổ phiếu từ chưa niêm yết sang niêm yết hay từ trái phiếu chuyển đổi sang cổ phiếu.

b) Giá Dịch Vụ Lưu Ký: tối đa 0,06% NAV/năm chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (nếu có).

Giá Dịch Vụ Lưu Ký tối thiểu (không bao gồm giá dịch vụ giao dịch chứng khoán): 20.000.000 VNĐ/tháng

c) Giá Dịch Vụ Giám Sát: 0,02% NAV/năm (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (nếu có)).

Giá Dịch Vụ Giám Sát tối thiểu: 5.000.000 VNĐ/tháng (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (nếu có)).

Tổng số Giá Dịch Vụ Lưu Ký và Giám Sát tuân thủ theo quy định của pháp luật.

d) Số tiền giá dịch vụ trả hàng tháng là tổng số tiền giá dịch vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

Công thức tính Giá Dịch Vụ Lưu Ký, Giá Dịch Vụ Giám Sát vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau:

Giá Dịch Vụ Lưu Ký, Giá Dịch Vụ Giám Sát (chưa bao gồm giá dịch vụ giao dịch chứng khoán) cho kỳ định giá = Số lớn hơn giữa [Giá dịch vụ tối thiểu hàng tháng * số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá / số ngày trong tháng] và [Tỷ lệ % giá dịch vụ lưu ký, giám sát (năm) x NAV tại ngày trước Ngày Định Giá x số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá / số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)].

3. Tiền cung cấp dịch vụ sử dụng Chỉ Số Tham Chiếu

a) Tiền cung cấp dịch vụ sử dụng Chỉ Số Tham Chiếu được trả cho Sở Giao Dịch Chứng Khoán cho dịch vụ quản lý và vận hành Chỉ Số Tham Chiếu.

b) Tiền cung cấp dịch vụ Quản Lý Và Vận Hành Chỉ Số Tham Chiếu:

Chỉ số	Tiền cung cấp dịch vụ tối	Tiền cung cấp dịch vụ cơ bản (%NAV/năm)			
		Dưới 500 tỷ	Từ 500 đến dưới	Từ 1.000 đến dưới	Từ 2.000 tỷ

	thiểu/năm (VNĐ)	đồng	1.000 tỷ đồng	2.000 tỷ đồng	đồng trở lên
VNFIN LEAD	195.000.000	0,065	0,055	0,040	0,030

- c) Các mức tiền cung cấp dịch vụ nêu trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (nếu có). Số tiền cung cấp dịch vụ trả hàng tháng là tổng số tiền giá dịch vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.
- d) Công thức tính Tiền cung cấp dịch vụ sử dụng Chỉ Số Tham Chiếu vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau:

Tiền cung cấp dịch vụ sử dụng Chỉ Số Tham Chiếu cho kỳ định giá = Số lớn hơn giữa [Tiền cung cấp dịch vụ tối thiểu * số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá/ số ngày trong năm] và Tỷ lệ (%) tính trên Giá Trị Tài Sản Ròng hàng ngày của Quỹ trong năm.

Thời điểm tính Tiền cung cấp dịch vụ sử dụng Chỉ Số Tham Chiếu được tính từ ngày giao dịch đầu tiên của Quỹ tại Sở Giao Dịch Chứng Khoán. Năm được hiểu là năm của hợp đồng với tổ chức cung cấp dịch vụ.

Giá trị tài sản ròng (NAV) dùng để tính Tiền cung cấp dịch vụ là "NAV trước giá/tiền cung cấp dịch vụ". NAV trước giá/tiền cung cấp dịch vụ là NAV không bao gồm các loại giá/tiền cung cấp dịch vụ được tính dựa trên % của NAV.

Trong đó NAV trước giá/tiền cung cấp dịch vụ = Tổng tài sản – Tổng các khoản phải trả - Các khoản phải trả cho chi phí cố định (không lệ thuộc vào giá trị NAV).

NAV dùng để tính Tiền cung cấp dịch vụ sử dụng Chỉ Số Tham Chiếu là NAV được tính tại từng ngày định giá, bao gồm cả ngày nghỉ và ngày lễ.

Đối với những ngày nghỉ, ngày lễ, NAV dùng để tính Tiền cung cấp dịch vụ là NAV của ngày định giá liền ngay sau đó.

4. Các loại chi phí và lệ phí khác

Các chi phí khác của Quỹ bao gồm:

- Phí/giá dịch vụ giao dịch bao gồm phí/giá dịch vụ môi giới, phí/giá dịch vụ chuyển nhượng các giao dịch tài sản của Quỹ phải trả cho công ty chứng khoán và các bên khác.
- Chi phí kiểm toán trả cho tổ chức kiểm toán.
- Chi phí dịch vụ tư vấn pháp lý, dịch vụ báo giá và các dịch vụ hợp lý khác;
- Chi phí trả cho Thành Viên Lập Quỹ, tổ chức tạo lập thị trường theo các hợp đồng đã ký;
- Chi phí dự thảo, in ấn, gửi Bản Cáo Bạch, Bản Cáo Bạch tóm tắt, báo cáo tài chính, báo cáo thường niên, xác nhận giao dịch, sao kê tài khoản và các tài liệu khác cho Nhà Đầu Tư; chi phí công bố thông tin của Quỹ; chi phí tổ chức họp Đại Hội Nhà Đầu Tư, Ban Đại Diện Quỹ;
- Chi phí liên quan đến thực hiện các giao dịch tài sản của Quỹ;
- Chi phí liên quan đến việc thuê các tổ chức độc lập cung cấp dịch vụ định giá, đánh giá tài sản Quỹ;
- Thù lao cho Ban Đại Diện Quỹ;
- Các chi phí hợp lý và hợp lệ và được Ban Đại Diện Quỹ quyết định;

- j) Chi phí bảo hiểm (nếu có);
- k) Thuế, phí, lệ phí mà Quỹ phải thanh toán theo quy định của pháp luật;
- l) Lãi tiền vay phải trả cho các khoản vay của Quỹ phù hợp với Điều Lệ Quỹ và quy định của pháp luật;
- m) Chi phí phát sinh từ việc thay thế Ngân Hàng Giám Sát (nếu có) hoặc thay thế các tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan khác;
- n) Các loại chi phí khác phù hợp với quy định của pháp luật.

Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ thay mặt Quỹ để thực hiện ký kết các hợp đồng dịch vụ hợp lý hợp lệ cho Quỹ đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật và Điều Lệ Quỹ.

Điều 61. Chi phí hoạt động của Quỹ

1. Chi phí hoạt động của Quỹ bao gồm các khoản giá dịch vụ, phí, chi phí sau:
 - a) Giá dịch vụ quản lý tài sản trả cho Công Ty Quản Lý Quỹ và giá dịch vụ/tiền cung cấp dịch vụ thanh toán cho các tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan được Công Ty Quản Lý Quỹ ủy quyền để thực hiện các dịch vụ cho Quỹ ETF;
 - b) Giá dịch vụ lưu ký tài sản quỹ, Giá dịch vụ giám sát trả cho Ngân Hàng Giám Sát;
 - c) Giá dịch vụ quản lý và vận hành chỉ số tham chiếu;
 - d) Chi phí kiểm toán trả cho tổ chức kiểm toán;
 - e) Chi phí dịch vụ tư vấn pháp lý, dịch vụ báo giá và các dịch vụ hợp lý khác, chi phí hoạt động, thù lao trả cho Ban Đại Diện Quỹ;
 - f) Chi phí dự thảo, in ấn, gửi Bản Cáo Bạch, Bản Cáo Bạch Tóm Tắt, báo cáo tài chính, xác nhận giao dịch, sao kê tài khoản và các tài liệu khác cho Nhà Đầu Tư; chi phí công bố thông tin của Quỹ; chi phí tổ chức họp Đại Hội Nhà Đầu Tư, Ban Đại Diện Quỹ;
 - g) Chi phí liên quan đến thực hiện các giao dịch tài sản của Quỹ và chi phí khác theo quy định của pháp luật và Điều Lệ này;
2. Trong thời hạn bốn mươi lăm (45) ngày, kể từ ngày kết thúc Quý II và Quý IV hàng năm, Công Ty Quản Lý Quỹ phải công bố thông tin trên các trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ các nội dung sau:
 - a) Thông tin về hiệu quả hoạt động của Quỹ so với chỉ số tham chiếu (nếu có); thông tin về các hoạt động phân phối lợi nhuận (nếu có);
 - b) Tỷ lệ tổng chi phí của Quỹ trên giá trị tài sản ròng trung bình của quỹ theo quy định của pháp luật có liên quan.

Chương XIV GIẢI THỂ QUỸ

Điều 62. Các điều kiện giải thể Quỹ

1. Việc thanh lý, giải thể Quỹ được tiến hành trong các trường hợp sau đây:

- a) Công Ty Quản Lý Quỹ bị giải thể, phá sản, hoặc bị thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán mà Ban Đại Diện Quỹ không xác lập được Công Ty Quản Lý Quỹ thay thế trong thời hạn hai (02) tháng, kể từ ngày phát sinh sự kiện;
 - b) Ngân Hàng Giám Sát bị giải thể, phá sản, đơn phương chấm dứt hợp đồng giám sát hoặc bị Công Ty Quản Lý Quỹ chấm dứt hợp đồng giám sát; hoặc giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán bị thu hồi mà Công Ty Quản Lý Quỹ không xác lập được Ngân Hàng Giám Sát thay thế trong thời hạn hai (02) tháng, kể từ ngày phát sinh sự kiện;
 - c) Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ xuống dưới mức mười (10) tỷ đồng liên tục trong sáu (06) tháng;
 - d) Quỹ hủy niêm yết, trừ trường hợp hủy niêm yết tự nguyện do thay đổi chỉ số tham chiếu;
 - e) Đại Hội Nhà Đầu Tư quyết định giải thể Quỹ;
 - f) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật (nếu có).
2. Trong thời hạn ba (3) tháng trước ngày tiến hành giải thể theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều này hoặc trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày Quỹ buộc phải giải thể theo quy định tại Điểm a, b, c, d, và f Khoản 1 Điều này, Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc Ngân Hàng Giám Sát và Ban Đại Diện Quỹ (trong trường hợp không có Công Ty Quản Lý Quỹ) triệu tập Đại Hội Nhà Đầu Tư để thông qua phương án giải thể Quỹ.
3. Đại Hội Nhà Đầu Tư có quyền chỉ định một tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm tra, đánh giá, giám sát toàn bộ hoạt động thanh lý, định giá, thẩm định lại việc định giá và phân phối tài sản của Quỹ cho Nhà Đầu Tư; hoặc duy trì hoạt động của Ban Đại Diện Quỹ đương nhiệm để thực hiện việc giám sát quá trình thanh lý và phân phối tài sản Quỹ.
4. Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát chịu trách nhiệm hoàn tất việc thanh lý tài sản Quỹ và phân chia tài sản quỹ cho Nhà Đầu Tư theo phương án đã được Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua. Trường hợp Quỹ giải thể theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này thì Ngân Hàng Giám Sát chịu trách nhiệm thanh lý, phân chia tài sản Quỹ.
5. Trừ trường hợp Đại Hội Nhà Đầu Tư có quyết định khác, kể từ ngày Đại Hội Nhà Đầu Tư quyết định giải thể Quỹ, Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát không được:
- a) Thực hiện các hoạt động đầu tư, giao dịch mua các tài sản cho Quỹ;
 - b) Chuyển các khoản nợ không có bảo đảm thành các khoản nợ có bảo đảm bằng tài sản của Quỹ;
 - c) Tặng, cho tài sản của Quỹ cho tổ chức, cá nhân khác;
 - d) Thanh toán hợp đồng trong đó giá trị phần nghĩa vụ của Quỹ lớn hơn giá trị phần nghĩa vụ của bên kia; hoặc thanh toán nợ cho các chủ nợ đồng thời là bên nợ của Quỹ mà không thực hiện bù trừ;
 - e) Thực hiện các giao dịch khác với mục đích tẩu tán tài sản của Quỹ.
6. Tài sản của Quỹ đang giải thể bao gồm :
- a) Tài sản và quyền về tài sản mà Quỹ có tại thời điểm Quỹ buộc phải giải thể;
 - b) Các khoản lợi nhuận, các tài sản và các quyền về tài sản mà Quỹ sẽ có do việc thực hiện các giao dịch được xác lập trước thời điểm Quỹ buộc phải giải thể;
 - c) Tài sản là vật bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của Quỹ. Trường hợp thanh toán tài sản là vật bảo đảm được trả cho các chủ nợ có bảo đảm, nếu giá trị của vật bảo đảm vượt quá khoản nợ có bảo đảm phải thanh toán thì phần vượt quá đó là tài sản của Quỹ.

7. Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát có trách nhiệm chuyển giao Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu cho Nhà Đầu Tư tương ứng với tỷ lệ sở hữu của Nhà Đầu Tư tại Quỹ theo quy định tại Điểm c Khoản 9 Điều này.
8. Trường hợp Nhà Đầu Tư có yêu cầu bằng văn bản hoặc số lượng Chứng Chỉ Quỹ quá nhỏ theo quy định tại Điều Lệ Quỹ, Công Ty Quản Lý Quỹ được bán thanh lý tài sản và thanh toán tiền cho Nhà Đầu Tư. Việc bán thanh lý tài sản là chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch được thực hiện thông qua hệ thống giao dịch của Sở Giao Dịch Chứng Khoán, hoặc giao dịch theo các phương thức khác bảo đảm lợi ích lớn nhất cho Quỹ và phù hợp với phương án giải thể đã được Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua.
9. Tài sản từ việc thanh lý Quỹ được thanh toán theo thứ tự ưu tiên sau đây:
 - a) Nghĩa vụ tài chính đối với Nhà Nước;
 - b) Các khoản phải trả cho Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát, các khoản phải trả khác và chi phí giải thể Quỹ. Trong trường hợp Quỹ buộc phải giải thể theo quy định tại Điểm a hoặc Điểm b Khoản 1 Điều này, Quỹ không phải thanh toán cho Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc Ngân Hàng Giám Sát các khoản phí theo hợp đồng kể từ ngày phát sinh sự kiện;
 - c) Phần tài sản còn lại được dùng để thanh toán cho Nhà Đầu Tư tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Nhà Đầu Tư trong Quỹ. Trường hợp là các tài sản đăng ký sở hữu, Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát có trách nhiệm yêu cầu Trung Tâm Lưu Ký Chứng Khoán, tổ chức quản lý sổ cổ đông, tổ chức phát hành thực hiện việc chuyển khoản, đăng ký sở hữu tài sản cho Nhà Đầu Tư.
10. Kết quả thanh lý tài sản của Quỹ phải được xác nhận bởi Ngân Hàng Giám Sát và Công Ty Quản Lý Quỹ, được thông qua bởi tổ chức kiểm toán độc lập được Đại Hội Nhà Đầu Tư Chỉ Định theo quy định tại Khoản 3 Điều này hoặc Ban Đại Diện Quỹ thực hiện việc giám sát quá trình thanh lý tài sản.

Điều 63. Trình tự, thủ tục giải thể Quỹ

1. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày Đại Hội Nhà Đầu Tư quyết định giải thể Quỹ, Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc Ngân Hàng Giám Sát và Ban Đại Diện Quỹ (trong trường hợp không có Công Ty Quản Lý Quỹ) phải nộp hồ sơ giải thể Quỹ cho Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước.
2. Tài liệu thông báo việc giải thể Quỹ bao gồm:
 - a) Giấy đề nghị giải thể Quỹ;
 - b) Biên bản họp và nghị quyết của Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua việc giải thể quỹ, phương án giải thể Quỹ;
 - c) Phương án giải thể Quỹ;
 - d) Cam kết bằng văn bản được ký bởi đại diện theo pháp luật của Công Ty Quản Lý Quỹ (nếu có) và Ngân Hàng Giám Sát (nếu có) về việc chịu trách nhiệm hoàn tất các thủ tục thanh lý tài sản để giải thể Quỹ.
3. Việc giải thể Quỹ phải được Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước chấp thuận. Trình tự, thủ tục thực hiện theo quy định pháp luật có liên quan.

Chương XV

GIẢI QUYẾT CÁC XUNG ĐỘT VỀ LỢI ÍCH

Điều 64. Kiểm soát xung đột lợi ích giữa Quỹ và các quỹ khác, các khách hàng đầu tư ủy thác của Công Ty Quản Lý Quỹ và giữa Quỹ và Công Ty Quản Lý Quỹ

1. Công Ty Quản Lý Quỹ phải tách biệt tài sản của Công Ty Quản Lý Quỹ với tài sản của các quỹ, tài sản của nhà đầu tư ủy thác do Công Ty Quản Lý Quỹ quản lý; tách biệt tài sản của từng quỹ, từng nhà đầu tư ủy thác do Công Ty Quản Lý Quỹ quản lý.
2. Tất cả các giao dịch chứng khoán của Chủ tịch Công Ty Quản Lý Quỹ, thành viên Ban Giám Đốc, Kiểm soát viên, người hành nghề quản lý quỹ và nhân viên của Công Ty Quản Lý Quỹ phải được báo cáo và kiểm soát phù hợp với quy định của Điều Lệ Quỹ và pháp luật hiện hành;
3. Thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro, giám sát việc xung đột lợi ích trong Công Ty Quản Lý Quỹ.

Chương XVI

CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ

Điều 65. Công bố thông tin

1. Việc công bố thông tin liên quan đến hoạt động của Quỹ sẽ được Công Ty Quản Lý Quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
2. Thông báo triệu tập phiên họp Ban Đại Diện Quỹ được xem là truyền đạt đến mỗi thành viên Ban Đại Diện Quỹ nếu được thông báo trực tiếp cho thành viên Ban Đại Diện Quỹ hoặc được thư điện tử đến địa chỉ do thành viên Ban Đại Diện Quỹ đã thông báo cho Quỹ.
3. Hoạt động công bố thông tin liên quan tới việc huy động vốn lập Quỹ, hoạt động đầu tư của Quỹ và các hoạt động khác có liên quan tới Quỹ được Công Ty Quản Lý Quỹ thực hiện thông qua một trong các phương tiện thông tin đại chúng dưới đây:
 - a) Trên các ấn phẩm, trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ, Sở Giao Dịch Chứng Khoán nơi Chứng Chỉ Quỹ niêm yết, Thành Viên Lập Quỹ;
 - b) Trên một tờ báo điện tử hoặc báo viết.
4. Thư triệu tập, thông báo, mệnh lệnh, hoặc tài liệu cần gửi cho Quỹ hoặc người điều hành của Quỹ có thể gửi bằng cách giao thẳng hoặc gửi qua bưu điện đến địa chỉ của văn phòng do Quỹ đã đăng ký, trong một phong bì có dán tem ghi tên Quỹ hay người điều hành Quỹ nhận.

Điều 66. Sửa đổi, bổ sung Điều Lệ

1. Điều Lệ này chỉ được bổ sung và sửa đổi khi có sự chấp thuận của Đại Hội Nhà Đầu Tư, ngoại trừ trường hợp sửa các lỗi ngữ pháp, lỗi chính tả, văn phạm tại Điều Lệ Quỹ. Việc sửa đổi, bổ sung Điều Lệ phải báo cáo Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Quỹ chưa được đề cập trong bản Điều Lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều Lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Quỹ.

Điều 67. Đăng ký Điều Lệ

1. Bản Điều Lệ này bao gồm mười sáu (16) Chương, sáu mươi tám (68) Điều và bốn (04) Phụ lục, đã được Đại Hội Nhà Đầu Tư của Quý thông qua và có hiệu lực kể từ ngày 18/05/2026.

Các bản trích hay sao y của bản Điều Lệ này do Quý cấp phải có chữ ký của Chủ tịch Ban Đại Diện Quý hoặc người đại diện theo pháp luật của Công Ty Quản Lý Quý thì mới có giá trị.

2. Điều Lệ này được lập thành bốn (04) bản chính có giá trị như nhau bằng tiếng Việt Nam:

- (i) 01 bản đăng ký tại Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước.
- (ii) 02 bản lưu tại trụ sở chính của Công Ty Quản Lý Quý.
- (iii) 01 bản lưu tại trụ sở chính của Ngân Hàng Giám Sát.

Điều 68. Điều khoản thi hành

Quý được chính thức thành lập sau khi Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp Giấy Đăng Ký Lập Quý. Công Ty Quản Lý Quý chịu trách nhiệm hoàn tất mọi thủ tục hồ sơ theo đúng quy định của pháp luật.

Đính kèm cùng Điều Lệ các phụ lục sau:

PHỤ LỤC 1.1: CAM KẾT CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

PHỤ LỤC 1.2: CAM KẾT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

PHỤ LỤC 1.3: CAM KẾT CHUNG CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VÀ NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

PHỤ LỤC 1.4: NGUYÊN TẮC ĐỊNH GIÁ TÀI SẢN

PHỤ LỤC 1.1: CAM KẾT CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Công Ty Quản Lý Quỹ: CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ SSI

Số Giấy phép thành lập và hoạt động: 19/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 03/8/2007.

Công Ty Quản Lý Quỹ cam kết thực hiện các điều sau đây đối với Quỹ ETF SSIAM VNFIN LEAD:

1. Tuyệt đối tuân thủ các quy định của pháp luật và của Điều Lệ Quỹ trong hoạt động quản lý quỹ.
2. Thực hiện nhiệm vụ quản lý quỹ một cách hiệu quả, trung thực, tận tụy và phù hợp với mục tiêu đầu tư của Quỹ, ưu tiên quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà Đầu Tư.
3. Đảm bảo Quỹ luôn có một ngân hàng giám sát vào mọi thời điểm.
4. Trả cho Ngân Hàng Giám Sát các khoản phí, giá dịch vụ và cho các tổ chức cung ứng dịch vụ khác theo quy định tại Điều Lệ Quỹ.
5. Định kỳ cung cấp cho Ngân Hàng Giám Sát các thông tin sau:
 - a. Các báo cáo tình hình hoạt động và báo cáo tài chính của Quỹ, Sổ Đăng Ký Nhà Đầu Tư và số lượng Chứng Chỉ Quỹ mà Nhà Đầu Tư nắm giữ;
 - b. Các báo cáo liên quan đến Quỹ hoặc liên quan đến tài sản, Danh Mục Đầu Tư của Quỹ;
 - c. Bản đánh giá Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ, Giá Trị Tài Sản Ròng trên một Chứng Chỉ Quỹ;
 - d. Các thông tin có liên quan tới hoạt động quản lý quỹ và nghĩa vụ khác.
6. Cung cấp miễn phí hoặc được thu một mức giá dịch vụ hợp lý khi cung cấp bản sao Điều Lệ Quỹ (và các phụ lục kèm theo), Bản Cáo Bạch, Bản Cáo Bạch Tóm Tắt (và các phụ lục kèm theo) cho các Nhà Đầu Tư theo yêu cầu.
7. Không được đầu tư vào các chứng khoán, hoặc các tài sản mà chính Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc những Người Có Liên Quan đến Công Ty Quản Lý Quỹ có lợi ích trong đó hoặc có liên quan đến các lợi ích đó, ngoại trừ các trường hợp pháp luật cho phép.
8. Không sử dụng vị thế của Công Ty Quản Lý Quỹ trong hoạt động quản lý quỹ để thu lợi trực tiếp hoặc gián tiếp cho chính Công Ty hoặc những người có liên quan hoặc làm tổn hại đến lợi ích của các Nhà Đầu Tư
9. Thực hiện việc định giá và công tác kế toán cho Quỹ một cách trung thực, chính xác và kịp thời.
10. Cung cấp miễn phí hoặc được thu một mức giá dịch vụ hợp lý khi cung cấp bản sao báo cáo hàng năm và các báo cáo khác của Quỹ cho các Nhà Đầu Tư theo yêu cầu.
11. Cung cấp miễn phí hoặc được thu một mức giá dịch vụ hợp lý khi cung cấp bản sao báo cáo hàng năm của Ngân Hàng Giám Sát đánh giá về hoạt động quản lý quỹ của Công Ty Quản Lý Quỹ cho các Nhà Đầu Tư theo yêu cầu.
12. Đảm bảo rằng mọi thông tin đã được Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc người đại diện Công Ty Quản Lý Quỹ công bố là đầy đủ, trung thực, chính xác, không bỏ sót những sự kiện có ảnh hưởng đến quyền lợi Nhà Đầu Tư, những sự kiện ảnh hưởng đến nội dung của thông tin được công bố, không bỏ sót những thông tin phải công bố theo yêu cầu của pháp luật và không gây hiểu nhầm cho Nhà Đầu Tư.

13. Cung cấp đầy đủ các thông tin cần thiết để tổ chức kiểm toán độc lập của Quý có thể thực hiện nhiệm vụ kiểm toán hiệu quả và kịp thời.
14. Báo cáo kịp thời cho Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước trong trường hợp đối chiếu tài sản có/nợ của Quý giữa Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát không thống nhất.
15. Thực hiện nghĩa vụ triệu tập họp Đại Hội Nhà Đầu Tư theo quy định của pháp luật.

Tổng Giám Đốc Công Ty Quản Lý Quỹ



Nguyễn Ngọc Anh

PHỤ LỤC 1.2: CAM KẾT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Ngân Hàng Giám Sát: NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Doanh Nghiệp số 0100112437 do Sở Kế Hoạch Và Đầu Tư Thành Phố Hà Nội đăng ký lần đầu ngày 02/06/2008; đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 16/01/2019.

Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Hoạt Động Lưu Ký Chứng Khoán số 14/GPHĐLK do Ủy Ban Chứng khoán Nhà Nước cấp ngày 02/05/2003 và Giấy Chứng Nhận Thành Viên Lưu Ký số 18/GCNTVLK do Trung Tâm Lưu Ký Chứng Khoán Việt Nam cấp ngày 07/07/2006.

Ngân Hàng Giám Sát cam kết:

1. Tuyệt đối tuân thủ các quy định của pháp luật và của Điều Lệ Quỹ trong hoạt động giám sát.
2. Đảm bảo cho Quỹ luôn luôn có một Công Ty Quản Lý Quỹ tại mọi thời điểm.
3. Thực hiện một cách tận tụy, trung thực và thận trọng các chức năng ngân hàng giám sát đối với Quỹ.
4. Thực hiện lưu ký, thanh toán, bảo quản và giám sát tất cả các tài sản, chứng khoán của Quỹ thay cho các Nhà Đầu Tư; thực hiện việc đối chiếu tài sản có/nợ của Quỹ với Công Ty Quản Lý Quỹ theo định kỳ ít nhất một tháng một lần và báo cáo Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước nếu như tình trạng tài sản có/nợ là không thống nhất giữa Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát.
5. Tách biệt tài sản của Quỹ khỏi tài sản của Ngân Hàng Giám Sát, tài sản của Công Ty Quản Lý Quỹ và tài sản của các quỹ khác, tài sản của các khách hàng khác của Ngân Hàng Giám Sát.
6. Giám sát Danh Mục Đầu Tư của Quỹ, việc định giá tài sản quỹ, việc xác định Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ, xác định Giá Trị Tài Sản Ròng trên một đơn vị Chứng Chỉ Quỹ theo các quy định của pháp luật hiện hành và theo quy định tại Điều Lệ Quỹ.
7. Đảm bảo nghĩa vụ giám sát để Công Ty Quản Lý Quỹ không lợi dụng vị thế quản lý quỹ của mình thực hiện các hoạt động thu lợi trực tiếp hoặc gián tiếp cho Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc những Người Có Liên Quan làm tổn hại đến lợi ích của các Nhà Đầu Tư.
8. Thực hiện nghĩa vụ ghi chép và theo dõi tất cả các giao dịch, các khoản lãi, cổ tức và thu nhập được nhận hoặc được phân phối của Quỹ.
9. Đảm bảo Quỹ được kiểm toán bởi một Công Ty Kiểm Toán độc lập hàng năm.

Đại diện có thẩm quyền của Ngân Hàng Giám Sát



Võ Trí Thanh

PHỤ LỤC 1.3: CAM KẾT CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VÀ NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Công Ty Quản Lý Quỹ: CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ SSI

Số Giấy phép thành lập và hoạt động: 19/UBCK-GP do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp ngày 03/8/2007.

Ngân Hàng Giám Sát: NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Doanh Nghiệp số 0100112437 do Sở Kế Hoạch Và Đầu Tư Thành Phố Hà Nội đăng ký lần đầu ngày 02/06/2008; đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 16/01/2019.

Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Hoạt Động Lưu Ký Chứng Khoán số 14/GPHĐLK do Ủy Ban Chứng khoán Nhà Nước cấp ngày 02/05/2003 và Giấy Chứng Nhận Thành Viên Lưu Ký số 18/GCNTVLK do Trung Tâm Lưu Ký Chứng Khoán Việt Nam cấp ngày 07/07/2006.

1. Cùng cam kết thực hiện nghĩa vụ bảo vệ lợi ích cho các Nhà Đầu Tư.
2. Cùng cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều Lệ Quỹ trong suốt thời gian hoạt động của Quỹ.
3. Cùng cam kết thực hiện quyền bỏ phiếu phát sinh liên quan đến việc sở hữu các vốn góp mà Quỹ đã đầu tư theo tinh thần và vì lợi ích của người đầu tư tại Đại hội đồng cổ đông của các tổ chức phát hành.
4. Cùng cam kết không nhận bất kỳ một bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận hay lợi ích nào từ việc thực hiện các giao dịch tài sản Quỹ hoặc giao dịch các tài sản khác không được quy định rõ trong Điều Lệ Quỹ hoặc Bản Cáo Bạch, Bản Cáo Bạch Tóm Tắt.

Tổng Giám đốc

Công Ty Quản Lý Quỹ



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Ngọc Anh

Đại diện có thẩm quyền của

Ngân Hàng Giám Sát



TRƯỞNG TRUNG TÂM

Võ Trí Thành

PHỤ LỤC 1.4: NGUYÊN TẮC ĐỊNH GIÁ TÀI SẢN

A - Giá trị tài sản

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ		
1.	Tiền (VNĐ)	Số dư trên tài khoản thanh toán, tài khoản phong tỏa tại ngày trước Ngày Định Giá.
2.	Tiền gửi kỳ hạn	Giá trị tiền gửi cộng lãi chưa được thanh toán tính tới ngày trước Ngày Định Giá.
3.	Tín phiếu kho bạc, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng và các công cụ thị trường tiền tệ khác	Giá mua cộng lãi lũy kế tính tới ngày trước Ngày Định Giá.
4.	Các công cụ không trả lãi bao gồm tín phiếu, trái phiếu, giấy tờ có giá và các công cụ không trả lãi khác	<p>- Giá yết bình quân trên hệ thống giao dịch của sở giao dịch chứng khoán;</p> <p>- Trường hợp không có giá yết thì mức giá được xác định theo mô hình chiết khấu dòng tiền căn cứ vào thời gian nắm giữ công cụ và lãi suất được xác định là một trong các mức giá sau:</p> <p>+ Lãi suất trúng thầu vào ngày đấu giá gần nhất trên sở giao dịch chứng khoán trong vòng mười lăm (15) ngày trước Ngày Định Giá;</p> <p>+ Lãi suất khác do Ban Đại Diện Quý quy định.</p>
Trái phiếu		
5.	Trái phiếu niêm yết, trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ đăng ký giao dịch trên sở giao dịch chứng khoán	<p>- Giá yết bình quân (giá sạch) trên hệ thống giao dịch hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của sở giao dịch chứng khoán tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá cộng lãi lũy kế;</p> <p>- Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn mười lăm (15) ngày tính đến Ngày Định Giá (nhưng không bao gồm Ngày Định Giá), hoặc không có giao dịch nào từ ngày có quyết định niêm yết đến Ngày Định Giá hoặc chỉ có giao dịch với giá trái phiếu có biến động bất thường so với giá trái phiếu của kỳ định giá gần nhất hoặc so với giá mua (giá sạch) nếu không có giá của kỳ định giá gần nhất tăng hoặc giảm từ một phần trăm (1%) trở lên, giá trái phiếu được sử dụng để định giá là giá mua (giá sạch) cộng lãi lũy kế</p>

6.	Trái phiếu hủy niêm yết do thay đổi sổ giao dịch chứng khoán	Giá yết bình quân (giá sạch) trên hệ thống giao dịch hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của sổ giao dịch chứng khoán tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá cho đến ngày giao dịch đầu tiên trên sổ giao dịch mới cộng lãi lũy kế. Giá được xác định tại ngày này là giá theo phương thức xác định giá của trái phiếu niêm yết bên trên
7.	Trái phiếu niêm yết bị đình chỉ giao dịch, hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch vì lý do khác ngoài việc thay đổi sổ giao dịch chứng khoán hoặc trái phiếu hủy niêm yết để chờ đáo hạn	Giá xác định giá là mệnh giá cộng lãi lũy kế.
8.	Trái phiếu không niêm yết	- Giá mua (giá sạch) cộng lãi lũy kế.
Cổ phiếu		
9.	Cổ phiếu niêm yết trên sổ giao dịch chứng khoán, cổ phiếu chào bán riêng lẻ của tổ chức niêm yết, cổ phiếu chào bán thêm ra công chúng của tổ chức niêm yết	- Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của sổ giao dịch chứng khoán của ngày giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn mười lăm (15) ngày tính đến Ngày Định Giá (nhưng không bao gồm Ngày Định Giá), là một trong các mức giá sau: + Giá trị sổ sách; hoặc + Giá mua; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.
10.	Cổ phiếu của công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống UpCom, cổ phiếu chào bán riêng lẻ của tổ chức đăng ký giao dịch, cổ phiếu chào bán thêm ra công chúng của tổ chức đăng ký giao dịch	- Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của sổ giao dịch chứng khoán của ngày giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn mười lăm (15) ngày tính đến Ngày Định Giá (nhưng không bao gồm Ngày Định Giá), là một trong các mức giá sau; + Giá trị sổ sách; hoặc + Giá mua; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.

11.	Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch không phải do thay đổi sở giao dịch chứng khoán	<p>Giá được xác định là một trong các mức giá sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giá trị sổ sách; hoặc - Mệnh giá; hoặc - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện Quý chấp thuận.
12.	Cổ phiếu bị hủy niêm yết hoặc bị hủy đăng ký giao dịch do thay đổi sở giao dịch chứng khoán	<ul style="list-style-type: none"> - Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của sở giao dịch chứng khoán của ngày giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn mười lăm (15) ngày tính đến Ngày Định Giá (nhưng không bao gồm Ngày Định Giá), là một trong các mức giá sau: <ul style="list-style-type: none"> + Giá trị sổ sách, hoặc + Giá mua; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện Quý chấp thuận.
13.	Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản	<p>Là một trong các mức giá sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tám mươi phần trăm (80%) giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất trước Ngày Định Giá. Bảng cân đối kế toán là báo cáo trong Báo cáo tài chính soát xét, báo cáo tài chính kiểm toán hoặc báo cáo tài chính gần nhất đăng trên website của công ty (nếu có); hoặc - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện Quý chấp thuận.
14.	Cổ phần, phần vốn góp khác	<p>Giá thị trường là giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá do các tổ chức báo giá cung cấp. Trường hợp không có báo giá thì mức giá được xác định là một trong các mức giá sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Giá trị sổ sách; hoặc + Giá mua/giá trị vốn góp; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện Quý chấp thuận.
Chứng chỉ quỹ		
15.	Chứng chỉ quỹ đại chúng niêm yết	<ul style="list-style-type: none"> - Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác tùy thuộc vào quy định nội bộ của sở giao dịch chứng khoán của ngày giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn mười lăm (15)

		<p>ngày tính đến Ngày Định Giá (nhưng không bao gồm Ngày Định Giá), giá được xác định là một trong các mức giá sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ được công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của UBCKNN hoặc sở giao dịch chứng khoán hoặc công ty quản lý quỹ tại ngày gần nhất trước Ngày Định Giá; hoặc + Giá mua; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận. <p>- Đối với chứng chỉ quỹ từ thời điểm được cấp giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ đến trước kỳ giao dịch đầu tiên trên sở giao dịch:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Từ thời điểm Quỹ được cấp giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ đến trước kỳ định giá đầu tiên của chứng chỉ quỹ đó, giá được xác định là giá mua chứng chỉ quỹ đó. + Từ kỳ định giá đầu tiên đến trước kỳ giao dịch đầu tiên của chứng chỉ quỹ trên sở giao dịch chứng khoán, giá được xác định là giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ được công bố thông tin tại ngày gần nhất trước Ngày Định Giá.
16.	Chứng chỉ quỹ đại chúng không niêm yết	<p>Giá được xác định là giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ được công bố thông tin tại ngày gần nhất trước Ngày Định Giá.</p> <p>Từ thời điểm quỹ đại chúng được cấp giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ đến trước kỳ định giá đầu tiên của chứng chỉ quỹ đó, giá được xác định là giá mua chứng chỉ quỹ đó</p>
17.	Chứng chỉ quỹ đại chúng bị hủy niêm yết do thay đổi Sở giao dịch chứng khoán	<p>Là một trong các mức giá sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ được công bố thông tin tại ngày gần nhất trước Ngày Định Giá; hoặc - Giá mua; hoặc - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.
Chứng khoán phái sinh		
18.	Chứng khoán phái sinh niêm yết có giao dịch trong vòng mười lăm (15) ngày tính đến Ngày Định Giá	<p>Giá đóng cửa (giá thanh toán cuối ngày) hoặc tên gọi khác tùy thuộc vào quy định nội bộ của sở giao dịch chứng khoán tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá.</p> <p>Trong trường hợp không có giá đóng cửa của sở giao dịch chứng khoán như quy định trên, giá xác định theo giá thanh toán cuối ngày hoặc giá thanh toán cuối cùng (trong trường</p>

		<p>hợp đảo hạn) được Tổng Công Ty Lưu Ký và Bù Trừ Chứng Khoán Việt Nam cung cấp tới thành viên bù trừ giao dịch phái sinh và được Tổng Công Ty Lưu Ký và Bù Trừ Chứng Khoán Việt Nam công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng Công Ty Lưu Ký và Bù Trừ Chứng Khoán Việt Nam tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá.</p>
19.	Chứng khoán phái sinh niêm yết không có giao dịch nhiều hơn mười lăm (15) ngày tính đến ngày định giá	Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện Quý chấp thuận.
Chứng quyền có bảo đảm		
20.	Chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên sổ giao dịch chứng khoán	<ul style="list-style-type: none"> - Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của sổ giao dịch chứng khoán của ngày giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn mười lăm (15) ngày tính đến Ngày Định Giá, là một trong các mức giá sau: <ul style="list-style-type: none"> + Giá trị sổ sách; hoặc + Giá mua; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện Quý chấp thuận.
Các tài sản khác		
21.	Quyền mua cổ phiếu	Giá của quyền mua cổ phiếu là giá trị thị trường của cổ phiếu tại ngày giao dịch gần nhất đến Ngày Định Giá trừ đi giá phát hành nhân với tỷ lệ thực hiện quyền. Trong trường hợp giá trị quyền xác định là âm (-), giá sử dụng để định giá là không Đồng Việt Nam (0 VNĐ).
22.	Quyền mua trái phiếu	Giá xác định bằng không Đồng Việt Nam (0 VNĐ) trong trường hợp quyền mua trái phiếu mà trái phiếu đó chưa từng được phát hành lần đầu tiên.
23.	Các tài sản được phép đầu tư khác	<ul style="list-style-type: none"> - Giá thị trường là giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá do các tổ chức báo giá cung cấp. - Trường hợp không có báo giá thì mức giá được xác định theo mô hình lý thuyết đã được Ban Đại Diện Quý thông qua.

Ghi chú:

(1) Tổng Tài Sản Nợ, Có được xác định theo các nguyên tắc được quy định trong Chuẩn Mục Kế Toán Việt Nam, và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

(2) Xác định giá yết bình quân trên sàn giao dịch chứng khoán của trái phiếu niêm yết:

Giá yết bình quân được sử dụng là giá sạch của các giao dịch thông thường (out right).

Giá yết bình quân được xác định là tổng giá trị chia cho tổng khối lượng.

Trong trường hợp có nhiều hơn một (1) giao dịch với nhiều hơn một (1) giá yết tại ngày giao dịch đến Ngày Định Giá (dẫn đến có nhiều giá yết), giá của trái phiếu sẽ là giá bình quân gia quyền của các giá yết đã thực hiện trong ngày đó (giá yết bình quân gia quyền) đối với giao dịch mua bán thông thường (outright).

(3) Giá trị sổ sách là giá trị trên BCTC soát xét hoặc BCTC kiểm toán tại thời điểm gần nhất hoặc giá trị sổ sách trên báo cáo tài chính soát xét hoặc trên báo cáo tài chính kiểm toán hoặc báo cáo tài chính đăng trên website của công ty (nếu có) tại ngày gần nhất trước ngày định giá.

Đối với cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch vì lý do khác ngoài việc thay đổi sở giao dịch thì Giá trị sổ sách được xác định là giá trị trên BCTC soát xét hoặc BCTC kiểm toán tại thời điểm gần nhất trước khi cổ phiếu bị tạm ngừng giao dịch, hủy niêm yết và hủy đăng ký giao dịch hoặc giá trị sổ sách trên báo cáo tài chính soát xét hoặc trên báo cáo tài chính kiểm toán hoặc trên báo cáo tài chính đăng trên website của công ty (nếu có) tại ngày gần nhất trước ngày định giá.

(4) Phương án làm tròn Giá chứng khoán được làm tròn đến hàng đơn vị và được xác định theo quy định trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán hiện hành.

(5) Khác:

- Lãi lũy kế là tiền lãi được tính từ thời điểm trả lãi gần nhất đến trước Ngày Định Giá.

- Giá trị thanh lý của một cổ phiếu được xác định bằng giá trị vốn chủ sở hữu của tổ chức phát hành chia cho tổng số cổ phiếu đang lưu hành.

- Trong phần phụ lục này, ngày được hiểu là ngày theo lịch.

B - Giá trị cam kết từ các hợp đồng phái sinh

1) Giá trị cam kết (global exposure) là giá trị quy đổi ra tiền mà quỹ là bên có nghĩa vụ phải thực hiện hợp đồng. Giá trị cam kết được xác định trên cơ sở giá trị thị trường của tài sản cơ sở, rủi ro thanh toán, biến động thị trường và thời gian cần thiết để thanh lý vị thế.

2) Khi tính giá trị cam kết, Công Ty Quản Lý Quỹ được áp dụng:

Nguyên tắc bù trừ ròng vị thế phái sinh (trái chiều) đối với cùng một chứng khoán cơ sở, ví dụ vị thế mua quyền chọn mua chứng khoán XYZ làm giảm bớt (bù trừ) giá trị cam kết từ vị thế bán quyền chọn mua chứng khoán XYZ;

Nguyên tắc bù trừ ròng vị thế phái sinh và vị thế giao ngay của cùng một chứng khoán, ví dụ vị thế mua (nắm giữ) chứng khoán XYZ bù trừ (làm giảm bớt) giá trị cam kết phát sinh từ vị thế bán quyền chọn mua chứng khoán XYZ;

Các nguyên tắc khác theo thông lệ quốc tế, bảo đảm quản trị được rủi ro.

STT	Loại tài sản	Giá trị cam kết
-----	--------------	-----------------

1	Quyền chọn cổ phiếu (mua quyền chọn bán, bán quyền chọn bán, bán quyền chọn mua)	Giá trị thị trường của vị thế quyền chọn ¹ điều chỉnh bởi hệ số delta của quyền chọn = Số hợp đồng × Khối lượng cổ phiếu trên mỗi hợp đồng × giá thị trường hiện tại của cổ phiếu × hệ số delta ²
2	Quyền chọn trái phiếu (mua quyền chọn bán, bán quyền chọn bán, bán quyền chọn mua)	Giá trị thị trường của vị thế quyền chọn ³ điều chỉnh bởi hệ số delta của quyền chọn = Số hợp đồng × mệnh giá × giá thị trường hiện tại của trái phiếu × hệ số delta
3	Hợp đồng tương lai chỉ số	Giá trị thị trường của vị thế tương lai = Số hợp đồng × giá trị tính trên một điểm chỉ số × mức chỉ số hiện tại
4	Hợp đồng tương lai trái phiếu	Giá trị thị trường của vị thế tương lai = Số hợp đồng × giá trị của hợp đồng tính theo mệnh giá (notional) × giá trị thị trường của trái phiếu rẻ nhất có thể chuyển giao
5	Các hợp đồng khác	Theo mô hình do Công Ty Quản Lý Quỹ lựa chọn, thống nhất cùng Ngân Hàng Giám Sát, và được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận

¹ Nếu Quỹ nắm vị thế mua (long position), giá trị thị trường có thể được điều chỉnh tăng thêm chi phí mua quyền chọn (premium).

² Hệ số delta là đạo hàm bậc nhất của giá quyền chọn đối với giá chứng khoán cơ sở. Trong trường hợp đơn giản, hệ số delta có thể coi bằng một (1).

Trong các trường hợp quyền chọn phức tạp, hệ số delta do Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát xác định sau khi đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.

³ Nếu Quỹ nắm vị thế mua (long position), giá trị thị trường có thể được điều chỉnh tăng thêm chi phí mua quyền chọn (premium)

C.T.C.P